

PHỔ-THÔNG

TẠP-CHÍ

GOP PHÂN XÂY DỰNG VĂN-HÓA VIỆT NAM
PHỔ BIẾN VĂN HÓA ĐÔNG-TÂY KIM-CO

Giám-đọc, Chủ-bút : Nguyễn-Vỹ

Tòa-soạn : 233, đường Phạm-Ngũ-Lão, Sài-gon — Đ.T. 25.861



NĂM THỨ V ★ SỐ 88 ★ 15-9-62

1.— Quan-niệm thần thoại	Nguyễn-Triệu	6 — 9
2.— Hỏa-tiến, vũ-khí nguyên-tử	Võ-quang-Yến	10 — 15
3.— Hằng-Nga trên vách (truyện liêu-trai)	Từ-Trâm-Lệ	16 — 20
4.— Văn-đề học Sinh-ngữ	Nguyễn văn Cồn	21 — 29
5.— Thư Phan-thiết (thơ)	Thu-Nhi	30
6.— Tình yêu mây bay (truyện ngắn)	Dã-Thảo	31 — 37
7.— Tuổi, chàng trai nước Việt	Nguyễn-Vỹ	38 — 42
8.— Oán trách (thơ)	Thanh-Nhung	43
9.— Danh nhân thế-giới : Paul Cézanne	Tế-Xuyên	44 — 49
10.— Nguồn vui ánh sáng (thơ)	Tống-Anh-Nghị	50
11.— Mùa thu (thơ)	Lệ-Liễu	51
12.— Bên chung trà Trung-Thu, thân ái phê-bình thi-sĩ Đông-Hồ	Thiếu-Sơn	52 — 57
13.— Bàn về một vài từ-ngữ Việt	Jaya Panrang	58 — 62

14.— Phê bình sách mới : Buổi chiều là rặng...Thăm-thệ-Hà	63 — 69
15.— Y-học phổ-thông	B.s. Ngô-quang-Lý 70 — 74
16.— Thời loạn cảm tác.	Vô-Danh
Mưa chiều (thơ)	Phượng-Đài 75
17.— Trung-thu con Cọp	Huỳnh-Bội-Hoàng 76 — 78
18.— Sầu chinh phụ.	Bà B. Th.
Chiều mưa nhớ nhà (thơ)	Hỷ-Khương 79
19.— Minh ơi ! Những người Mù có thấy không ?	Diệu-Huyền 80 — 88
20.— Tem thư « Tết Nhì-Đồng »	Đinh-Điền 89 — 93
21.— Bức tranh vãn cầu : Miền Nam không có mùa Thu ?	Tâm-Trí 94
22.— Xem tranh của nữ họa-sĩ Thu-Nga	Châu-Giang 95 — 97
23.— Ngóng đợi, Thu đến bao giờ (thơ) Thủy-Trường — Lương-Trọng-Minh	98
24.— Sách báo mới	Phổ-Thông 99 — 100
25.— Thơ lên ruột : Marilyn Monroe	Diệu-Huyền 101
Cảm thu miền Nam.	Tú-Be 102
26.— Lợi ngược (truyện dài)	Nguyễn-Vỹ 103 — 110
27.— Mùa hoang dại (thơ).	Ánh-Lê 111
28.— Thư bạn đọc	Phổ-Thông 112 — 117
29.— Đáp bạn bốn phương	Diệu-Huyền 118 — 130

★ Ngoài những bài ký tên Nguyễn-Vỹ, Diệu-Huyền, Tân-Phong, Tạp-chí PHỔ-THÔNG không chịu trách nhiệm về các bài lai cáo của các tác-giả khác. (Theo thể lệ chung của các tạp-chí quốc-tế).
★ Bài lai cáo không đăng, không trả lại.

- Các Sách Báo Việt-ngữ ở trong nước được tự-tiện trích đăng những bài trong tạp-chí PHỔ-THÔNG, nhưng yêu-cầu đề rõ xuất-xứ : « Trích Tạp-chí PHỔ-THÔNG » và đừng viết tắt.
- Cấm trích, dịch, phỏng đăng vào sách báo Ngoại-quốc mà không xin phép.
- Tous droits de traduction, d'adaptation, et de reproduction même partielle, réservés pour tous pays. Copyright by PHỔ-THÔNG, printed in Việt-Nam.

Quan niệm thần thoại

ĐÔNG

và

TÂY

ừ TẾT
TRUNG
THU

● NGUYỄN TRIỆU

KHOA-học cho Trăng là một tinh cầu nhỏ hơn Trái Đất và tự mình không có ánh sáng. Thứ ánh sáng thanh-thanh mịn-màng dịu mát tỏa ở Mặt Trăng ra là ánh sáng của Mặt Trời rọi vào rồi phản chiếu xuống Địa-cầu.

Quan-điểm xưa của người Nam ta thì cho thần Mặt-trăng là một *Dương thần* sánh duyên với thần Mặt trời là *Thái-âm*.

Ông Trăng mà lấy Bà Trời và cho rằng trên mặt Trăng có cây đa, thặng Cuội và một con trâu.

Thằng Cuội ngồi gốc cây đa,
Thấy trâu ăn lúa gọi cha ời ời...
Cha còn cắt cỏ trên Trời,
Mẹ còn cưỡi ngựa đi mời quan viên.

Người Trung-hoa thì lại nhìn Mặt Trăng... một cách khác hẳn. Sách « *Thiên-văn chí* » của Tào chép Mặt Trăng là khí *Thái-âm* kết-tinh lại đối với Mặt Trời là khí *Thái-dương* kết-tinh.

Thái-dương là cái hơi nóng lắm.

Thái-âm, trái lại là cái hơi lạnh lắm.

Mặt Trăng hoặc Thái-âm-tinh thuộc quyền coi giữ của một vị

QUAN NIỆM THẦN THOẠI ĐÔNG VÀ TÂY

nữ thần là Thái-âm. Vị nữ-thần này, người ta cho là vợ của Thần Thái-dương tức thần Mặt-Trời.

Thái-âm thần-nữ ngự trong một cung-điện toàn bằng ngọc lưu-ly trong suốt hơn pha-lê và hào-quang chói-lọi, trong cung bao giờ cũng lạnh buốt như băng, rất hợp với thể-chất nữ-thần. Cung ấy gọi là *Quảng-Hàn-Cung*.

Thần-nữ không ở một mình trong cung Quảng-Hàn và có một đoàn bộ-hạ gồm những tiên nữ và linh vật, mà người ta rất chú ý đến hai giống này: là con *thiềm-thù* và con *ngọc thỏ*.

Thiềm-thù là một giống tương tự giống Cóc, đầu mọc đôi sừng bằng thịt, bụng có vết chữ bát màu đỏ, da vàng ếch, sống tới ba ngàn năm. Thời-cổ, tướng Hậu-Nghệ lên Lãng-Uyên xin Giao-Trì vương-mẫu ban cho một ít thuốc trường-sinh bất-tử. Hậu-Nghệ đem quân đi đánh giặc; ở nhà, vợ là Thường-Nga liền ăn vụng thuốc trường-sinh rồi bay lên cung Trăng vào ra mất Thái-âm thần-nữ kè-lễ sự tình, được Thần-nữ biến-hình cho làm con thiềm-thù, cho ở

một nơi kín-đáo trong Cung Quảng-Hàn.

Thời ấy, thời vua Đường-Nghiêu, có tất cả 10 Mặt Trời (1) Hậu-Nghệ tâu Vua sự-thề và xin phép bắn rơi 9 mặt trời, ngờ là vợ lên ở trên đó...

Mặt Trăng thì chỉ có một, nên Nghệ đề yên, cho ban đêm có ánh sáng, đề đi tìm vợ. Kết cục, tìm khắp nơi không có. Vì thấy không làm sao được! Nên Hằng Nga biến hình lẫn trong Cung Quảng-Hàn mãi đến ngày nay.

Còn con Ngọc thỏ, (tức là con thỏ ngọc) thì do thần Đế-Thích làm phép cho lên ở Cung Trăng. Kinh xưa chép rằng:

Thời bấy giờ Thiên-hạ mất mùa. Cũng như người ta, loài vật con nào con nấy đói meo, chỉ còn cái da bọc xương vì không kiếm được thức gì lót dạ... Muôn vật đều lả năm một nơi, đợi giờ chết. Nhất là giống thỏ, xưa nay không có khí-giói tự vệ nào khác bộ cẳng chạy nhanh, lúc này đói lả, khí-giói ấy thành ra vô dụng. Sợ thỏ-lò ra là bị làm mồi cho những thú mạnh hơn như hổ, báo... Chúng đành nằm co một chỗ kín đáo nhìn nhau, mắt con nào cũng

ươn-ướt như ứa lệ khóc cho cái dạ dày rỗng không. Thế mà cạnh đó lại có ai đốt đồng lửa sấm! Đói sinh rét, cả đàn thỏ lê ra nằm xung quanh đồng lửa sưởi ấm. Một con động lòng thương đồng loại nhảy vào đồng, lửa tự thui đề đồng loại có cái ăn cho đỡ đói...

Giữa lúc đó, Đế-Thích vân-du qua đó thấy vậy, thăm khen con vật có lòng nhân, Ngài liền lượm nắm xương tàn của nó, hóa phép cho nó một thân-hình khác toàn bằng ngọc trong sáng và thơm-tho, đưa lên cung Quảng Hàn, nói với Thái-âm tình-quân cho nó một chân tán thuốc trường sinh bất-tử.

Theo sách « Tây-dương tạp trở » của Tào, trên cung Trăng còn có một cây quế đỏ (Đan quế). Cây quế này cao 105 trượng, gốc lớn vô cùng, tuy không ai đo được, nhưng đường kính ước tới vài ba mươi trượng là ít. Cây cở hàng ngàn, vạn năm. Gỗ và vỏ dẫn như thép. Tuy-nhiên dưới gốc cũng bị bám bồ nhiều vết nhỏ và nông. Vì có một người suốt năm suốt đời lom khom vác búa bồ vào gốc cây, không nghỉ... khó nhọc

chặt-vật như kẻ bị dày làm công việc ấy...

Phải! chính người bị đi, dày! Không phải thằng Cuội nước ta đâu! Va tên là Ngô-Cương, học tiên đắc đạo rồi, nhưng làm nhiều điều càn-bậy trong chốn tiên cung, nên bị Vua Cha Ngọc-Hoàng nổi trận lôi đình bắt đầy xuống Cung Trăng, giao cho việc chặt và bóc vỏ cây Tiên quế. Nhưng cây quế Tiên, chẳng giống cây quế Trăn, nên Ngô-Cương vất vả suốt năm suốt đời mà chưa bóc được một mảnh vỏ.

Người Hy-lạp cũng tin như người Trung-Hoa, rằng Trăng là một Nữ-thần tên gọi Diane hay Artemis. Nhưng thần này không phải là vợ thần Thái-dương như sự tin-tưởng của người Tàu, mà là em gái sinh đôi với thần Thái-Dương (Apollon) Thần là thần của thanh-quang và đã thề suốt đời giữ lòng trinh-bạch, nhứt định không phối-hợp với thần nào!

Thần Thái-âm của Hy-lạp ưa những cảnh đẹp thiên nhiên của Tạo-hóa thái-cổ, mến những phong-tục thuần mỹ đơn giản, hay làm bạn với những tâm-

hiền ngây-thơ chất phác như những bác thợ cày, bác chăn dê... Thần thường kéo một đoàn thị nữ lặn lội hết đỉnh cao, lưng thẳm, ngàn rộng, rừng sâu, xông pha trên những đường sá gập-gềnh, hiểm trở, đuổi những thú dữ và bắn theo những mũi tên Thần. Khi mỗi chân, thần nghỉ chân và cùng hoàng-cả là thần Thái-Dương dang tay múa hát với bảy Tiên-nữ.

Nhưng Thần lại hay báo-thù những kẻ mà Thần không ưa, hoặc tỏ ý khinh ghét thần. Và lúc ấy, Thần không là một vì tinh tú sáng đẹp, trong trẻo, vắng vặc trên trời sao. Lúc ấy Thần là mặt trăng đỏ lờm lờm, nấu dằng sau đám mây đen đặc, bất thỉnh lình ló mặt ra làm cho người Trăn nom thấy mà khiếp đảm.

Tại Hy-Lạp nhiều nơi lập đền thờ thần Diane. Lộng lẫy nhứt là ngôi đền ở Ephèse, tại xứ

lonie được liệt làm một kỳ-quan trong bảy kỳ quan của Vũ-trụ. Đền này đã bị người điên tên là Erostrate phóng hỏa đốt cháy. Mục-dịch đề lưu danh giữa ngày Alexandre đại-đế dẫn sinh.

Tại đảo Délos thường mở hội lễ thần, rất là long trọng. Ngày dành riêng cho thần Mặt-Trắng là ngày thứ hai trong tuần lễ (lundi) sau ngày của đức chúa Trời (Dimanche).

Từ Đông sang Tây, mỗi nơi nhìn và hiểu Mặt Trăng một cách khác. Song ở đâu cũng vậy, bất cứ là dân văn-minh hay là dã man, người ta hâm mộ và sùng bái những vị tinh tú có ánh sáng trong trẻo, nhẹ nhàng và tinh khiết. Và do sự yêu thờ đó ta thấy loài người ở đâu cũng có tâm-hồn cao thượng, biết quý những cái gì sáng sủa và ghê-sợ những cái tối tăm.

NGUYỄN TRIỆU



PHỒ - THÔNG số sau:

★ NĂNG - LƯỢNG NGUYÊN-TỬ

của HOÀNG-XUÂN-HÂN
(Paris)

★ LẬP - TRƯỜNG NHÀ VĂN..... THIẾU-SƠN

★ « HOANG - VU », dịch ra thơ Anh

ĐẶNG-CÔNG-THẮNG

HỎA -

Từ đời thượng cổ cho đến lúc máy bay chưa xuất-hiện, các thành-trị xây đắp kiên cố, có nhiều quân binh tự vệ là những nơi vững-chắc, địch quân khó lòng chiếm đoạt. Nhớ lại trong chuyện Iliade, hải-quân các vương-quốc Achéen bao vây thành Troie ở vùng Tiểu-Á suốt 10 năm mà không lấy được, phải nhờ Ulysse bày mưu đem hiến vào thành ngựa gỗ khổng-lồ ở trong có chứa quân binh mới hạ nổi các chiến sĩ của hoàng vương Priam. Dần dần, các súng thần công, đại bác ra đời và thành-trị dù xây đắp khéo-léo cũng trở thành khó phòng thủ. Nhưng đến đầu thế-kỷ này, cuộc oanh-tạc cũng chỉ đang còn nằm trong vòng vài chục cây số. Trong trận thế chiến thứ nhất, các súng đại bác địch quân đặt cách Paris 100 cây số đề bắn vào thành đã là một tiến triển lớn. Các phi cơ đồng thời xuất hiện, nhưng phải đợi qua trận thế-chiến thứ nhì mới thấy những kết quả ghê rợn. Quân Nhật tấn công Pearl-Harbour, quân Đồng-Minh từ các căn-cứ ở Anh hăng ngày qua ném bom ở Berlin,... Cuộc oanh tạc càng ngày càng cách xa căn-cứ hằng trăm, hằng ngàn cây số. Cuộc phòng thủ song-song với các phương tiện phóng-pháo, oanh-tạc cũng phải dần dần thay đổi phương-pháp.

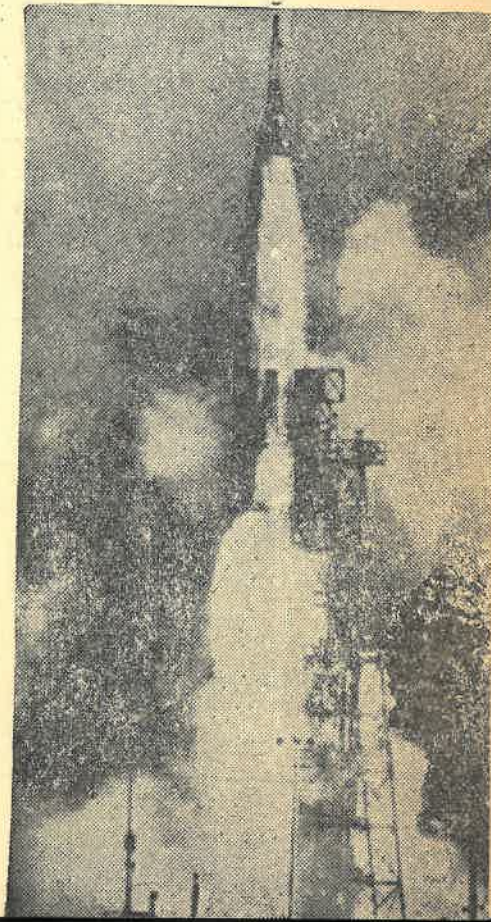
TIỀN,

khoa-học hiện-dại

★
VÔ QUANG-YẾN
(Paris)

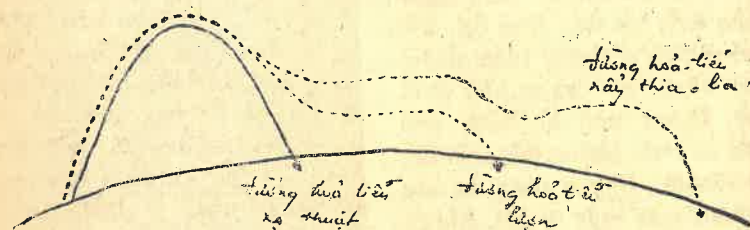
V Û - K H Í
NGUYỄN - TỬ

Các súng đại bác lúc trước dùng đề bắn phá thành địch, bây giờ chỉ lên trời, nhằm hướng các phi-cơ đến thả bom. Đây là tình trạng cuộc không trung phòng thủ khoảng đầu thế-chiến thứ nhì. Nhưng máy bay càng ngày càng tăng tốc-độ, dùng đại bác chống phi-cơ không khác gì trẻ con dùng nã cao-su bắn chim bay, không còn gì thích hợp nữa và cuộc phòng thủ phải đặt lại vấn-đề. Những súng đại bác có kèm máy rada ra đời. Khi có phi-cơ địch, máy rada định hướng, vị trí và tốc-độ của phi-cơ rồi truyền-tin qua một bộ nao điện-tử đề hướng đại-bác về phía địch quân. Phát minh này là một bước lớn trong cuộc không trung phòng-thủ. Tiếp theo



đây là một khám-phá đặc-biệt làm tăng hiệu lực của phát minh trên : các tạc đạn bắn lên chống phi-cơ không còn tự nổ trên trời theo một độ cao tính trước nữa, mà có mang theo một bộ phận điện-tử nhỏ đo lường sóng phát quang phản xạ và chỉ cho tạc đạn nổ khi nào chạy lại gần phi cơ địch.

Cuộc không trung phòng thủ đến đây tưởng là đã hoàn hảo rồi. Nhưng không, vào cuối trận thế chiến thứ nhì, các hỏa tiễn bắt đầu thể chỗ cho phi cơ. Đức-quốc hồi ấy đã cho dùng các hỏa tiễn V₁, V₂. Giặc hết nhưng các cường quốc vẫn tiếp tục khảo cứu về hỏa tiễn.



Chính một nhà bác học Đức, Saenger, năm 1933 đã học hỏi công thức này và năm 1941 thiết lập một chương trình dự định

Những siêu hỏa tiễn xạ thuật (super fusée balistique) bắn được những bom 15, 20 tấn, xa độ 8000 cây số. Người ta lại còn dùng, một công thức mới, có thể bắn được những bom nặng gấp hai, gấp ba : những hỏa tiễn bán xạ thuật (fusée semi balistique). Nếu một hỏa tiễn xạ thuật thường phóng lên không trung chỉ chạy một vòng hình tuần rồi rơi thẳng xuống đất, hỏa tiễn bán xạ thuật khi rơi xuống gần mặt đất còn lượn một lần hoặc nẩy thia lia nhiều lần rồi mới nhắm đến đích : như vậy, đoạn đường bắn có thể tăng lên gấp đôi, gấp ba.

bắn hỏa tiễn từ Đức qua đến Mỹ. Ở Pháp, ngay sau trận thế chiến, người ta cũng tiếp tục khảo cứu và năm 1957 đã có

dự định chế tạo hỏa tiễn bán xạ thuật nửa chừng (fusée semi balistique à portée intermédiaire). Bên Mỹ, cuối năm 1957, phòng N. A. S. A. cơ quan của chính phủ kiểm soát về hàng không giữa các hành tinh, trong hai bản báo cáo, cho biết đang dự định kế hoạch chế các hỏa tiễn bán xạ thuật. Hai năm sau kế hoạch được thi hành, và từ năm ngoái Mỹ đã có được những hỏa tiễn lượn. Nhưng đồng thời với cuộc chế tạo này, các máy radar Mỹ đặt xung quanh biên thủy Nga cũng cho biết đã ghi được những đường hỏa tiễn bán xạ thuật...

Một đặc-điểm còn khá quan trọng là hết sức khó đón phá hỏa-tiễn bán xạ thuật. Trong một hỏa-tiễn xạ thuật, nhờ những đồn gát biết được đoạn đầu của đường hỏa-tiễn, người ta có thể tính điểm tới của hỏa-tiễn và từ đấy bắn lên một hỏa-tiễn khác cho chạy ngược đường để phá nổ trên không trung khi hai hỏa-tiễn chạm nhau. Nhưng với hỏa-tiễn bán xạ thuật thì lại khác : một đằng là điểm tới không thể tính trước được, đằng khác trong khi lượn hoặc nẩy thia lia, hỏa-tiễn có thể bay

quanh để tránh các hỏa-tiễn khác. Cuộc không trung phòng thủ lại cần phải, tiến bước trước các tiến-triển ấy. Các hỏa-tiễn phòng-thủ, còn gọi là bom bay, bây giờ cần phải có máy lái để hướng theo hỏa-tiễn địch. Từ mặt đất, hai máy radar sẽ theo dõi hỏa-tiễn địch và bom bay, chuyển tin qua một máy điện-tử tính quỹ đạo, sửa hướng cho bom bay để cho chạy lại gần hỏa-tiễn địch, rồi dùng vô-tuyến điện truyền lệnh cho bom bay thẳng tiến tới hỏa-tiễn địch.

Các bom bay loại Nike hiện nay là những nhân-viên không trung phòng-thủ có hiệu lực nhất của Hoa-kỳ : Nike-Ajax là một hỏa-tiễn 2 tầng, dài 10 thước 61, nặng 600 kilô ; Nike-Hercules là một hỏa-tiễn lớn hơn, gồm có 4 tầng, dài 12 thước 65, nặng 2270 kilô, tốc-độ 3 000 cây số/giờ, có thể bay quá 120 cây số. Hoa-kỳ hiện chế một loại bom bay còn lớn hơn nữa, gọi là Nike-Zeuss, 3 tầng, dùng nhiên liệu đặc, tốc độ tính ra sẽ vào khoảng 6-7 cây số/gây với sức đẩy của tầng thứ nhất là 220 tấn (sức đẩy của hỏa-tiễn Atlas dùng để bắn các vệ-tinh

nhân-tạo chỉ mạnh có 173 tấn). Loại bom bay này chỉ hoàn-thành trong vài năm nữa. Ngoài ra, Hoa-kỳ còn tính đặt một tạc đạn nguyên-tử trong loại bom bay Nike-Ajax, một quả bom A trong Nike-Hercules, còn Nike-Zeuss thì sẽ mang theo bom H. Cuộc tăng cường hiệu năng các bom bay là một tính chất cần-thiết trong cuộc phòng thủ vì phi cơ, hỏa-tiền oanh-tạc càng ngày càng bay cao. Lúc trước phi cơ chỉ bay lượn trong khoảng cao độ 2000, 3000 thước, bây giờ các máy bay lên cao 5.000, 10.000 thước là một chuyện thường. Ai cũng biết các phi cơ thám hiểm Hoa-kỳ V2 bay cao tới 20.000, 35.000 thước!

Và gần đây, các tiến-triển trong môn hàng không không-gian lại hiển cho các hỏa-tiền nhiều cải-cách quan-trọng. Cách đây 5 năm, hỏa-tiền liên lục địa còn là một mối lo sợ cho các nhà quân sự. Nhưng các hỏa-tiền liên lục địa chỉ bay cao vài trăm cây số theo một quỹ đạo cò-diễn của phép bắn xạ thuật. Bây giờ, hỏa-tiền loại mới ra khỏi quả đất, bay cao khoảng

1000 cây số, rồi khi nào đến gần đích mới lại vào khí quyển, thẳng đứng rơi đến đích. Hai điểm lợi rõ ràng nhất cho cuộc oanh-tạc là tạc đạn đặt trong hỏa-tiền sẽ vô cùng lớn (tùy theo sức đẩy của hỏa-tiền) và người ta có thể tấn công những điểm thật xa (10.000 cây số chẳng hạn). Vì quỹ đạo bất thường của hỏa-tiền tấn công, vấn đề phòng thủ trở thành vô cùng khó khăn. Như đã thấy trên kia, giai đoạn thứ nhất của cuộc phòng thủ là dùng máy ra-đa tìm kiếm hỏa-tiền địch ở đâu mà lại. Bây giờ hỏa-tiền bay ngoài quả đất, máy ra-đa không còn dò biết được nữa trừ hai đoạn (ab và cd) lúc hỏa-tiền từ quả đất bắn lên và lúc hỏa



tiền vào lại khí quyển. Trong đoạn thứ nhất (ab), hỏa-tiền có thể bắn từ xa (2 hoặc 3000 cây số) máy ra-đa không đủ nhạy để dò biết. Chỉ còn đoạn thứ nhì (cd) là có thể giúp ít nhiều cho các nhà phòng thủ. Nhưng lại có yếu tố thời gian: từ lúc vào lại khí quyển ở khoảng cao độ 150 cây số cho tới lúc rơi xuống mặt đất, theo đường thẳng đứng, với tốc độ 8 cây số giây hỏa-tiền chỉ mất có 20 giây! Thời gian này quá ngắn để cho

máy rada và máy điện tử có đủ thì giờ định hướng, vị trí của hỏa-tiền địch và sau đấy cho bom bay lên phá. Vậy chỉ còn cách là tìm kiếm hỏa-tiền địch ngay ở ngoài quả đất. Người ta đang chế những máy siêu rada, nhưng đến nay còn vấp phải một trở ngại: nếu muốn máy trở thành hết sức nhạy thì khoảng dò xét phải thu hẹp lại nhiều.

VŨ-QUANG-YẾN



★ DỄ QUÁ MÀ

Vừa dọn qua nhà mới, tôi gặp ông thầy cũ dạy toán và mời ông đến chơi.

Khi ra về, tôi nói với ông biên số điện thoại riêng của nhà tôi để khi nào cần đến thì gọi, vì số của tôi như tưởng khó nhớ: 361 24

Thầy giáo cười và trả lời:

— Dễ ợt, có gì mà khó, con nít cũng nhớ được nữa là. Số của anh là 19 bức hai, tiếp theo là 2 tá nữa chứ gì!



HẰNG - NGA TRÊN VÁCH

★ TỪ-TRẦM-LỆ

ĐỜ I Trầm, ở kinh-đô có một người họ Vương, cha mẹ mất đi để lại một sự sản to tát. Vương cưới vợ, sống nghèo ngao, không làm gì hết.

Vốn cũng học đòi thi phú, đọc sách thấy nói có những đạo nhân tu luyện ở những nơi động thâm, núi cao có tài phép xuất quỷ nhập thần, Vương ham mê lắm.

Cuộc sống phong lưu sáng trà đình chiều tửu điểm, ngày lại ngày qua, thét cũng sanh nhàm chán. Nghe tiếng đồn đãi ở cách

kinh đô khoảng 100 dặm về hướng Tây có một ngọn núi cao khi hiện khi ẩn trong một áng mây vàng thường che phủ, trên đấy có kẻ kỳ-nhân ở ẩn, đạo pháp nhiệm mầu. Vương mới khăn gói lên vai, từ-giã vợ nhà, quyết tìm đến nơi học đạo.

Đói đỡ cơm khô ra ăn, khát uống nước nguồn, nước suối bên đường, đêm đến gặp đầu ngủ đó, chiều ngày thứ tư, Vương đến dưới chân núi. Nhìn lên, đá dựng chập chồng, tầng lá muôn cây san sát. Chiều đã xuống nhiều, một ánh hoàng hôn vương lại trên đỉnh cao. Tiếng chim bay rộn-ràng về tổ, gió nổi lên veo vút, lá rụng như mưa, quang cảnh có phần thanh u vừa

kinh rộn. Vương lo lắng không biết có nên lên núi ngay hay tạm lại đợi sáng. Còn đang lưỡng lự suy tính, chợt có tiếng động trên thềm lá ngập đường bên sau. Quay lại thì thấy một cậu bé tuổi độ 13, đầu búi trái đào, mặt mũi thanh lịch, khí lực dồi dào hiện rõ trong đôi ánh mắt sáng ngời. Vương chào, thăm hỏi, được biết quả có đạo sĩ tu luyện nơi một thạch-động ở lưng chừng núi và cậu bé là tiểu-đồng của người. Sau khi bày tỏ sự tình, Vương cùng tiểu-đồng lần đá trèo lên.

Đến cửa động, tiểu-đồng bảo Vương chờ cậu vào trước thưa lại với thầy. Đôi phút sau, tiểu-đồng trở ra đưa Vương vào. Đạo-sĩ, tóc trắng rũ quá cổ, râu cước buông đến ngực, mà mặt mày lại tươi trẻ, hồng hào, đang ngồi trên bồ đoàn. Vương bước tới, bày tỏ nỗi niềm và xin thờ làm thầy học đạo. Đạo sĩ bảo : « Học, nhiều cực khổ, e có sức mà chẳng siêng, có lòng mà chẳng được kiên. » Vương thưa : « Chịu được cả ». Đạo sĩ ngẫm-nghi đôi giây rồi nhận. Dạy tiểu-đồng đưa

Wương ra sau cơm nước rồi nghỉ-ngơi.

Tiểu-đồng yên giấc đã lâu, Vương thì cố dỗ giấc ngủ vẫn chẳng xong. Khí đêm ở độ cao lạnh lẽo thấm qua da thịt. Một ngọn suối từ đầu dốc nghe rạt rào bắt tận, tiếng gió xoáy vào kẽ đá rít dài, lá rụng tiếng như mưa rào, ngán ấy thứ âm thanh tạo nên một phong khí hoang liêu, rờn rợn. Thỉnh thoảng chen vào một tiếng vượn hú buồn thê thiết, hay tiếng một con dạ điều buông rót tự tầng không. Vương trấn trở mãi, sau cùng mệt mỏi, ngủ quên đi lúc nào không hay.

Sáng ra, vào hầu thầy, thầy giao cho một cây búa bảo đi đốn củi mang về. Rồi những ngày kế tiếp, cũng chỉ mỗi một công việc. Vương cố hết sức để theo lời thầy sai bảo.

Đã hơn tháng qua rồi, tay chân phỏng chai cả, Vương không kham cực khổ nổi nữa, bụng chán nản, đã có ý muốn bỏ về.

Rồi đến ngày năm tháng tám. Vương vút búa, ngã lưng vào một gốc cây, nghĩ đến những cuộc vui chơi, quang cảnh tung-

bùng ở kinh đô trong những đêm rằm Trung-thu như đêm nay. Ý học đạo đã tiêu không còn một mảy, quyết rằng sáng mai sẽ bỏ núi về trần.

Chiều lại, khi về đến động, Vương thấy thầy đang cùng hai ông khách lạ chén thù chén tạc. Trời rủ xuống tối. Vương thấy thầy cắt một mảnh giấy thành hình tròn như chiếc gương, đoạn dán lên trên vách động. Phút chốc, từ mảnh trắng giấy phát chiếu ra ánh sáng rạng rỡ, ngập tràn cả động. Một ông khách nói : « Trăng đẹp, đêm vui, nên cùng chia cái say sưa ». Và nhắc hồ rượu trên thạch bàn, gọi Vương và tiều đồng đến, đưa cho bảo uống. Quang cảnh kỳ lạ, lòng Vương cũng sanh nệ nhàng, nghiêng hồ uống rồi lại uống, rót ra rượu lại đầy hồ, Vương lấy làm kinh dị.

Chợt một ông khách nói : « Có trăng, có rượu, mà chẳng giai nhân, chẳng là còn thiếu sao ? Xin chủ-nhân cho vời Hằng-Nga đến giúp thêm vui ».

Chủ-nhân gật đầu cười. Cầm lên chiếc đĩa gỗ vào mặt trăng trên vách. Thoát cái, thấy một người con gái từ trong mặt

trăng bước ra, mới đầu, cao không đầy thước, khi đến đất thì tầm vóc như người thường. Người con gái, xiêm y ngũ sắc lấp lánh, mặt hoa da phấn, mình liễu, lưng ong, cực kỳ diễm-lệ. Chân vừa chạm đất, xiêm áo đã phất tung trong một điệu vũ vô cùng ảo diệu, cùng lúc có tiếng sáo bỗng trầm ru đắm đưa theo. Khi nhắc thấy mỹ nhân vừa trong trăng hiện ra, Vương choáng mắt nhìn mê mẩn quên thôi, đến lúc nghe có tiếng sáo, Vương đưa mắt nhìn lên thì thấy trong mặt trăng trên vách có một con Kim-thiều và một con ngọc-thỏ ngồi dưới gốc cây đa nâng sáo thổi. Tiếng chủ nhân cất lên nho nhỏ : « Đó là khúc Nghê-thường vũ y mà xưa kia vua Đường minh-Hoàng được thấy trên Quảng-hàn cung đấy. » Chợt, vừa múa, mỹ nhân cất lời ca, giọng trong và cao rót tận đáy lòng :

*Ta hề là Hằng-Nga tiên giới,
Phút chốc đây hề trở lại Thiềm
cung,
Quảng-hàn ngày tháng hề lạnh
lẽo vô cùng.*

Ca xong, xiêm áo quay tít một vòng tuyết ảo nhanh như bay biến, đoạn nhảy

phốc lên bàn. Chân vừa chạm mặt bàn, đã thấy biến lại thành chiếc đĩa. Vương sững sờ trở mắt nhìn trong khi chủ-nhân và hai ông khách cất tiếng cả cười. Tiếng sáo cũng bật, nhìn lên, con cóc vàng, con thỏ ngọc và cây đa cũng biến mất. Mặt Trăng trên vách vẫn chiếu sáng động.

Một ông khách lại bảo : « Đêm nay vui quá, xin chủ nhân cho vui trọn. Có thể đưa nhau lên Cung-trăng uống rượu được chăng ? »

Chủ-nhân lại gật đầu cười, đứng lên cầm tay hai ông khách, rồi cả ba từ từ đi vào Mặt Trăng. Vương ngó lên thấy ba ông ngồi uống rượu trong mặt trăng, mặt mày, râu tóc trông rõ như người nhìn kể bên.

Một lúc, trăng mờ mờ rồi tối hẳn, động nội chìm trong bóng tối. Đột đèn lên, thấy đạo-sĩ ngồi bên bàn một mình, hai ông khách đã đi mất. Trên mặt bàn đồ ăn uống vẫn còn đó, và trên vách, mặt trăng chiếu sáng ban này chỉ là mảnh giấy tròn như chiếc gương dán vào đấy. Đạo-sĩ hỏi : « Hai con uống đủ không ? » Vương và tiều đồng thưa đủ.

Đạo-sĩ nói : « Thôi đi ngủ sớm đi, mai còn dậy đi chặt củi. »

Được tận mắt chứng kiến công cuộc ảo diệu vừa rồi, Vương thắm mừng rỡ, bỏ ý định về.

Một tháng nữa lại trôi qua, Vương vẫn cứ phải sáng vác búa đi, chiều vác về mà chẳng nghe đạo-sĩ đá động một lời nào đến chuyện dạy phép thuật. Cực khổ quá, Vương không lòng đợi được nữa, mới thưa với Thầy : « Đệ tử từ hơn trăm dặm đến đây, một tấm lòng thành học đạo, nếu chẳng được sư phụ tâm truyền cho những phép cao siêu thì cũng xin được một thuật nhỏ nào, gọi là an ủi tắc lòng cầu giáo. Nay đã có hơn hai tháng trời, chỉ biết có việc vác búa đi vác búa về. Mong sư phụ nghĩ lại cho. »

Đạo sĩ nói : « Ta đã nói ngày trước rồi, người không chịu nổi cực khổ, nay quả đúng vậy. Thôi ngày mai cho về. »

Wương cày cực : « Đệ tử dù sao cũng mang tiếng học-trò của sư phụ, và xét công cực khổ lâu nay, xin được sư-phụ rủ lòng truyền cho một thuật nhỏ thôi cũng lấy làm mãn nguyện. »

Đạo sĩ hỏi: «Người muốn học thuật gì?»

Vương thưa: «Đệ-tử thấy sư phụ đi ngang qua tường qua vách như không có tường có vách. Chỉ xin được thuật ấy là đủ».

Đạo sĩ gật đầu cười, ưng thuận. Mới truyền cho bí quyết, dạy đọc câu chú, đoạn đưa Vương đến bên vách động, bảo: «Vào đi». Vương nhóm người lên rồi dừng lại, không dám vào. Đạo sĩ bảo cứ bước lên, Vương nghe theo bước tới, còn ba bước đến vách, thấy vách vẫn sừng sững đứng đó, đành dừng lại.

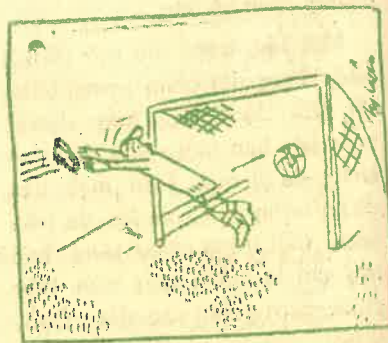
Đạo-sĩ bảo: «Thong thả tự nhiên đi tới, người không làm được, thôi thì hãy ra từ xa đọc câu chú rồi chạy lao đầu vào là được ngay.» Vương lùi lại hơn mười bước, đọc câu chú, đoạn nhắm mắt cầm đầu chạy đâm sầm vào. Chẳng thấy gì ngăn trở, mở mắt ra, thấy đã ở bên ngoại động. Vương mừng quá, vào tạ ơn sư-phụ. Đạo-sĩ dặn: «Về nhà không được khoe khoang với chúng, phải giữ tánh hạnh cho ra con nhà đạo, bằng không phép chẳng linh nghiệm nữa.»

Đoạn gọi tiểu-dồng đem chiếc búa ra tặng cho và bảo tiểu-dồng đưa xuống núi.

Vương về nhà, không ngăn nổi khoái trá, khoe với vợ là gặp tiên và học được phép đi qua tường vách như không. Vợ không tin, lại cười, cho là nói khoác dọa nàng. Vương tức mình, ra tài cho vợ thấy. Mới đi ra xa vách mười thước, lâm râm đọc câu chú rồi chạy vút tới lao đầu vào. Chỉ nghe đánh sầm một tiếng. Vương té lăn ra. Vợ hoảng kinh chạy đến ôm dậy, thấy trán sưng một cục to bằng quả trứng.

TỪ-TRÂM-LỆ

(Phỏng theo một truyện Liêu-Trai của Bồ Tùng Linh)



Tranh không lời (Họa-sĩ Uyên)

Bức
thư

P
A
R
I
S

văn . đề học

SINH - NGŨ

(Tiếp theo P.T. 87)

Bạn thân mến,

CUỐI bức thư trước, tôi đã nói với bạn «dịch là phản» (traduttore, traditore) nhưt là đòi với những tác phẩm viết bằng thơ, có tính cách riêng biệt về tinh hoa và nghệ-thuật như truyện Kiều của Nguyễn-Du hay «La Divine Comédie» của Dante.

Vì biết bao nhiêu thi tứ và tài ba không được diễn tả một cách thâm thúy, nên ít bản dịch truyện Kiều sang tiếng Pháp làm cho ta được vừa lòng. (Tôi sẽ có dịp bàn với bạn về những bản dịch này).

Nhưng nếu ta cứ sợ «dịch là phản» thì không khi nào những áng văn kiệt-tác của một nước này có thể làm cho người nước kia hiểu được, trừ những người theo mộ ngoại ngữ đã uyên thâm.

Ngày nay, nhân loại mỗi ngày một đi sâu vào địa hạt «văn hóa cộng tác», nên sự tìm hiểu văn chương nước ngoài là một việc cần thiết. Người ta đã thầy những tác phẩm của Hemingway,

của Faulkner được dịch ra tiếng Nga, và những tiểu-thuyết của Tolstoi, Dostoiewski, Maxime Gorki được dịch ra Anh và Pháp văn; việc ấy đủ chứng tỏ dịch thuật mỗi ngày thêm tiên bộ và sự hợp tác trong Văn-hóa mỗi ngày một lan rộng. Tại các Đại-học quốc-gia, tác phẩm của nước ngoài đã được giảng một cách châu đáo. Trong vườn học văn của thế-giới ngày nay, tư-tưởng chính trị và quan niệm tôn-giáo không còn là hàng rào chia rẽ trí óc con người nữa. Nhưng muốn cho việc dịch các tác phẩm được thêm hoàn hảo, thường thường công việc dịch là do một nhóm văn hào chủ trương, chứ không phải việc riêng của một người. Có sự góp sức và sự phê bình công tâm thì việc dịch mới tấn phát được.

Không những thế, những bản dịch tuy được đem ra giảng giải tại các Đại-học, nhưng hàng năm ta thấy các giáo sư và văn hào họp nhau để bỏ chính các bản đã dịch trước. Loại sách « bilingue » đã xuất bản nhiều sách dịch và được giới trí-thức đề ý đặc biệt.

Tôi xin đem vài thí dụ sau đây để bạn thầy rõ công việc dịch thuật ngày nay ở Paris và London về loại sách « bilingue ».

Thí dụ như kịch « *Julius Coesar* » (tiếng Pháp là Jules César) của Shakespeare dạy tại ban cử-nhân và thạc-sĩ Anh ngữ tại Sorbonne. Kịch này đã được dịch ra Pháp-văn trong loại « Bilingue »

Trong kịch này, sau khi César đã toàn thắng ở Âu-châu và Bắc-Phi-châu trở về La-mã, dân chú g kính phục và hoan hô César như một vị Quốc-vương, hơn nữa như một vị Thần Thánh. Vì đó mà một số nghị-sĩ trong quốc-hội sợ César sẽ lạm quyền mà trở nên chuyên chế. Hai người trong nghị trường muốn ám sát César, là Cassius và Casca. Nhưng hai người này không được dân chúng ham mộ, nên họ cần phải kéo Brutus vào hùa. Brutus là một người quân tử, có đức hạnh và tài năng, ai ai cũng mến yêu và César cũng biệt đãi, xem như người bạn thân tín, đáng yêu đáng phục.

Sau bao nhiêu ngày đêm suy nghĩ, Brutus vẫn thấy lòng mình yếu mềm, kính phục César mà tài thao lược có một không hai trong thiên hạ. Nhưng Brutus lại sợ César quá tham vọng, tự xưng vương và làm sai lạc nguyên-tắc dân-chủ chẳng? Nên Brutus chịu đứng ra cầm đầu bọn mưu sát César. Họ định ám sát César tại nghị-viện vào ngày rằm tháng ba, mà lúc ấy ở thành La-mã người ta gọi là « les Ides de Mars »

Vợ César là Calpurnia nằm chiêm bao thấy điềm dữ sẽ hại César, các thầy bói tướng cũng tiên đoán như vậy, nên đều can César không nên đến quốc-hội ngày ấy.

Nhưng César là một đại-tướng vang danh trong bốn bề, đã bao nhiêu lần vào sanh ra tử tại các chiến trường, nên không hề nao núng. César nói:

« The gods do this in shame of cowardice :
Cæsar should be a beast without a heart
If he should stay at home to-day for fear.
No, Cesar shall not : danger knows full well
That Cesar is more dangerous than he :
We are two lions litter'd in one day,
And I the elder and more terrible :
And Cesar shall go forth. »

Dịch ra Pháp-văn

« Les dieux veulent par là faire honte à la couardise ;
Si la peur l'empêchait de sortir, César serait un animal sans cœur.

Non, César sortira ; le danger sait trop bien
Que César est plus redoutable que lui.
Lui et moi nous sommes deux lions mis bas le même jour.

Mais je suis le premier né et le plus terrible ;
César sortira..

Đọc kỹ bài dịch ta thấy danh-từ đôi chiều rất chính tề và

ý nghĩa mỗi câu được diễn tả một cách xác định, rõ ràng, tôi tưởng khỏi cần phải dịch ra Việt ngữ. (vì độc-giả *Phổ-Thông* chắc đã hiểu cả rồi.)

Tuyên-bỏ như thế rồi, César đến quốc-hội và bị ám sát. Dân chúng và quân đội nhôn nhao. Brutus người mà quốc dân mến phục phải đích thân đứng ra thuyết trình mới hạ bớt được lòng phẫn uất của họ. Nhưng Mark Antony (tiếng Pháp là Marc Antoine) một tiểu tướng, từng theo César, đi chinh chiến và rất thương yêu César, muốn báo thù cho chủ, cho bạn. Nhưng Marc Antoine chỉ có một mình, làm sao thắng nổi bọn phiếm loạn. Antoine biết Brutus là người quân tử, không vì vụ lợi mà nhúng tay vào việc ám sát César. Vì vậy Antoine xin phép Brutus cho đến khóc vài câu trước thi hài của César. Brutus cho phép, mặc dầu các tay phiếm loạn khác ngăn cản.

Bài điều văn của Marc Antoine có một không hai trên đời vì đã làm đảo ngược tình thế, biến đôi sơn hà và chia đôi thiên-hạ. Nghe xong điều văn của Antoine, dân chúng nổi dậy chống lại ban ám sát và làm cho Octave, cháu của César đủ ngày giờ đem kíp quân về, hợp với quân của Antoine, diệt được bọn Brutus và trả thù cho César.

Bài điều văn này quá dài, tôi chỉ trích một đoạn ngắn. Nhưng trước hết tôi kể sơ lược đoạn đầu :

Trước thi hài của César, Antoine nói :

« Hỡi các bạn, hỡi dân chúng La-mã, hỡi đồng bào !

« Tôi đến đây để chôn cất César, chứ không phải để ca tụng César. Ở đời những cử chỉ tàn bạo bao giờ cũng sống lâu hơn người ta ; trái lại những hành vi tốt đẹp thường bị chôn theo nấm xương tàn !

« Tôi được đến đây khóc César là nhờ Brutus cho phép. Brutus nói César nhiều tham vọng và Brutus là người đáng trọng !

« Nếu quả thật như vậy, thì César phải đến tội tham vọng của mình.

« Sau bao nhiêu chiến công rực rỡ, César đã đem về La-mã biết bao nhiêu tù binh và bao nhiêu vàng bạc châu báu mà từ César đã cho bỏ vào công quỹ.

« Như thế César có tham vọng hay không ?

« Nhưng Brutus nói César nhiều tham vọng và Brutus là người đáng trọng !

« Chắc ai ai cũng còn nhớ trong những ngày đói kém, thấy những kẻ nghèo nàn khóc than, thì César đã bao lần rơi lụy. Như thế César có tham vọng hay không ? Lòng tham vọng phải khô khan và cứng rắn hơn thế !

« Nhưng Brutus nói César, nhiều tham vọng và Brutus là người đáng trọng !

« Ngày lễ Lupercales, chắc ai ai cũng thấy, chính tay tôi ba lần hiến vòng hoa quốc vương cho César, và ba lần César cương quyết gạt bỏ. Như thế César có tham vọng không ?

« Nhưng Brutus nói César nhiều tham vọng và Brutus là người đáng trọng !

« Tôi đến đây không phải để bài bác những lời của Brutus, mà để bày tỏ những điều tôi biết chắc.

« Trước kia, các anh em đều yêu mến César và sự yêu mến ấy không phải không lý do ! Thế thì ngày nay, không có lý do gì có thể ngăn cản anh em thương khóc César ! Thưa anh em, lòng tôi đã chôn theo trong quan tài này với César ; tôi không thể nói gì được nữa. Tôi xin phép ngừng giây lát, để nỗi lòng ôn tồn tỉnh lại »



Trong dân chúng đã có người nức nở khóc, có người trợn mắt, nắm tay giận dữ, và trong quân đội mà phần đông đã theo César đi chinh chiến khắp nơi, nhiều người xao xuyến, bùi ngùi, phẫn uất.

Marc Antoine thấy thời cơ đã nghiêng về bên mình và tình thế có thể đảo ngược, nhưng phải làm thế nào để nắm ngay lấy cơ hội, vì để lâu, lòng dân chúng và quân đội sẽ

ngươi dân và quân lính. Marc Antoine đi sâu vào điều này một cách mạnh mẽ, thực-tế, hùng hồn, cảm động.

Đây là nguyên văn tiếng Anh, trong đoạn cuối; Marc Antoine nói tiếp:

*« If you have tears, prepare to shed them now.
You all do know this mantle: I remember
The first time ever Cesar put it on;
Twas on a summer's evening, in his tent,
That day he overcame the Nervii:
Look, in this place ran Cassius' dagger through:
See what a rent the envious Cesar made:
Through this the well-beloved Brutus stabb'd:
And as he pluck'd his cursed steell away,
Mark how the blood of Cesar follow'd it,
As rushing out of doors, to be resolved
If Brutus so unkindly knock'd, or no:
For Brutus, as you know, was Cesar's angel:
Judge, O you gods, how dearly Cesar loved him!
This was the most unkindest cut of all;
For when the noble Cesar saw him stab,
Ingratitude, more strong than traitors' arms,
Quite vanquish'd him: then burst his mighty heart;
And, in his mantle muffling up his face,
Even at the base of Pompey's statuë,
Which all the while ran blood, great Cesar fell.
O, what a fall was there, my countrymen!
Then I, and you, and all of us fell down,
Whilst bloody treason flourish'd over us.
O, now you weep, and I perceive you feel
The dint of pity: these are gracious drops.
Kind souls, what weep you when you but behold
Our Cesar vesture wounded? Look you here,
Here is himself, marr'd as you see, with traitors.*

Bài dịch ra Pháp văn:

*Préparez-vous, si vous avez des pleurs, à en répandre!
Vous connaissez tous ce manteau, je me souviens
Du jour où César le porta pour la première fois;
C'était un soir d'été sous sa tente,
Le jour où il avait battu les Nerviens;
Tenez, voilà l'endroit où le poignard de Cassius l'a transpercé
Voyez la déchirure qu'y a faite le méchant Casca;
Et, c'est là que Brutus, Brutus qu'il aimait tant, l'a frappé,
Et, lorsqu'il a retiré son fer exécrable,
Voyez comment le sang de César l'a suivi,
Comme s'il se ruait dehors pour s'assurer
Que c'était bien Brutus qui frappait là si méchamment;
Car Brutus, pour César, c'était l'ange gardien, vous le savez
Jugez, ô dieux, comme César devait l'aimer!
De tous ces coups, c'était le plus cruel;
Car quand le noble César se vit frappé par lui,
Plus puissante que les armes des traîtres, l'ingratitude l'acheva;
C'est alors qu'éclata son grand cœur;
Et que, dans son manteau emmitouflant sa face,
Juste devant le socle de Pompée,
D'où le sang ruisselait sans arrêt, alla s'écrouler le grand César!
Ah! quel écroulement, mes chers concitoyens!
C'était alors que nous nous sommes écroulés, moi, vous, nous,
tous,
Tandis que triomphait la sanglante trahison!
Ah! vous pleurez maintenant, je vois
Que la pitié vous fait sentir sa pointe, ce sont de nobles larmes!
Quoi, vous voilà pleurant, bonnes âmes, rien qu'à voir
Les blessures du manteau de César! Regardez donc ici,
Le voilà, tous abîmé, vous le voyez, par ces traîtres!*

Tôi đã chia ra từng câu theo bản Anh-văn để các bạn dễ đọc và so sánh hai bản Anh và Pháp-văn !



Sau chót, hay đúng hơn, để đánh miếng đòn cuối cùng, Marc Antoine đưa ra tờ di-chức của César. Theo tờ di chúc đó thì César sẽ chia tất cả vàng bạc châu báu, lâu đài, biệt thự, vườn ruộng đất-đai của mình cho dân chúng La-mã.

Câu nói của Marc Antoine : « Như thế César có tham vọng hay không ? Nhưng Brutus nói César nhiều tham vọng và Brutus là người đáng trọng ! » càng làm cho dân chúng sôi gan cháy ruột ; đó là « giọt cuối cùng làm tràn bình nước ! »

Họ xông tới, xô bàn đồ ghê, phá cửa Quốc hội, la hét : « Đả đảo Brutus ! Hãy giết chết bọn sát nhân ! »



Câu tiếng Anh được nhắc đi nhắc lại là :

- Did this in Cesar seem ambitious ?
- But Brutus says he was ambitious.
- And Brutus is an honourable man.

Bây giờ tôi xin tạm dịch đoạn Anh-văn ra tiếng Việt, gọi là để ghi nhớ, trên tạp chí *Phổ-Thông*, một đoạn văn kiệt tác.

Bài dịch ra Việt ngữ :

« Nếu các anh có nước mắt, xin sửa soạn mà khóc.
Cac anh đều biết cái áo choàng này chứ ! Tôi còn nhớ
Khi César mặc lần đầu tiên,
Đó là một uồng chiều hè, dưới lều trện,
Ngày mà César đánh bại quân Nervi ;
Xem này, đây là chỗ mà giao găm của Cassius xuyên qua,
Đây, đường rách này là do Cascar ganh ghét chém mạnh,
Và đây là chỗ mà Brutus, người mà César quý trọng, đã
đâm nặng,

Và khi Brutus rút lưỡi giao khải-ổ ra,
Máu của César tràn iheo, như để xem
Có phải chính thật Brutus đã đâm quá dữ, như vậy không ?
Trời đất ơi ! xin xét xem César quý trọng Brutus bực nào !
Đây là vết thương ác-nghệt hơn hết,

Vì khi César cao quý thấy chính Brutus đâm mình,
Thì sự Bội-Bạc, mạnh hơn tất cả khí giới của bọn phản trắc
Đã giết chết César : thế rồi trái tim cao thượng kia tan vỡ !
Ngay dưới chân pho tượng của Pompée,
Máu tràn trụa không ngớt, César gục ngã.
Ôi ! các bạn ôi ! còn sự sụp đổ nào nặng nề hơn ?
Kể tôi và các bạn, và tất cả chúng ta đều gục ngã
Trong lúc quân phản phúc tay còn đầm máu đã thắng !
Ôi ! giờ đây các bạn khóc và tôi cảm thấy
Mỗi thương tâm đã kích thích các bạn ; đó là những giọt
lệ cao quý !
Các bạn thân ơi ! Sao các bạn đã khóc khi chỉ mới thấy
Những vết thương trên áo César ! các bạn hãy nhìn đây !
Đây là César bị quân phản bội chém nát.



Nói xong, Marc Antoine cúi xuống kéo tấm vải che thi hài của César bị nhiều vết thương đâm chém. Dân chúng la khóc như điên, như cuồng. Trong lúc rối loạn, quân của Octave đến nơi. Bọn Brutus và Cassius kéo quân đóng xa kinh thành. Marc Antoine và Octave đem quân đuổi theo. Hai bên giao chiến tại cánh đồng Philippes.

Brutus và Cassius thua to, lui về miền núi. Marc Antoine và Octave đuổi kịp.

Cassius phải ra lệnh cho tên nô bộc cầm gươm giết mình để khỏi bị bắt sống ; còn Brutus bảo người tùy tùng cầm thẳng cây gươm, rồi Brutus nhảy lên lưỡi gươm tự sát.

Sau khi toàn thắng, Marc Antoine vẫn cảm phục đức hạnh và phong độ quân tử của Brutus, nên ra lệnh cho quân đội mai táng trọng thể, theo nghi lễ tôn sùng một vị đại-tướng.



Đến đây tôi tạm ngừng bút và xin hẹn thư sau sẽ nói với bạn về việc dịch Pháp-văn sang Anh-văn, do các nhà văn hào và giáo sư bên Londres chủ trương. Luôn thể tôi sẽ nói về cách dịch văn kiện ngoại giao. Thân mến,

NGUYỄN-VĂN-CỒN

(còn nữa)

Thu ơi ! có phải Thu sầu
Nên giăng mây xám phủ màu thiên thanh ?

★

Trời Thu sao chẳng trong xanh ?
Trăng Thu sao chẳng long lanh sáng ngời ?
Mùa Thu sao chẳng đẹp trời ?
Gió Thu sao chẳng thổi lời vi vu ?

Đề mình thấy mái áo Thu
Vẫn màu năm cũ âm-u đêm ngày
Kìa nhi đồng ! mắt thơ ngây,
Giọng đèn ca hát đó đây vang lừng
Mà Hằng-Nga vẫn đứng đưng,
Giấu mình chẳng đón lời mừng các em.

Hằng-Nga ơi ! bước vén rèm
Buông màn tơ sáng để xem Phan-thành
Long bong sóng vỗ đầu gành
Bóng ai thấp thoáng bên cành thùy dương
Dịu-dàng gió thoảng đưa hương,
Lá, hoa lấp lánh hạt sương giữa mùa
Ngân nga mấy tiếng chuông chùa,
Bên đèn chinh phụ ngại thềm đôi chim.
Mơ màng nhìn cánh hoa tim,
Thở dài... hướng mắt... lặng im... u sầu !

★

Trăng ơi ! có phải trăng rầu
Án mình để khỏi thấy màu chiến-tranh ?

Tình - Yêu - Mây - Bay

IRUYÊN NGÂN

★ DÃ-THẢO

VINH nhìn ra cửa, nói bằng quơ :

— Sao hôm nay trời Sài-gòn mưa dai thế nhỉ ?

Trang lơ đãng nhìn những bộ hành hấp tấp băng qua đường hay đi khép nép trong các hành lang. Nàng không đáp lời Vinh, cũng không nhìn chàng.

Thật vậy, chiều thứ bảy này không đẹp trời như những con người yêu nhau vẫn hằng mong ước. Ngồi trong rạp chớp bóng Hồng Bàng với Vinh, Trang đã nghe tiếng mưa đổ xuống ào ào. Hết xuất hát, Vinh đưa Trang đến tiệm giải khát ngay bên rạp. Hai người ngồi đó chờ cho cơn mưa dứt.

Riêng Trang, nàng mong mưa mãi để được kéo dài giây phút ngồi bên cạnh người yêu. Mùa mưa Saigon với cái không khí hơi lạ của nó làm Trang nhớ lại rất nhiều những kỷ niệm đẹp của mùa mưa năm trước. Thuở ấy, Vinh đến với nàng như một cơn gió lốc, xoáy tận tâm can

nàng và lôi kéo nàng đến một tình yêu say mê không hề nên được. Nàng từ bỏ những tập tục cổ truyền của người Tôn-nữ ở chốn đô xưa, để trải những giờ phút êm đềm ngồi bên Vinh trong rạp chớp bóng hay trong tiệm giải khát — Những giây phút đó thật đẹp, nhưng bây giờ thì không còn nữa. Tình yêu phai phai theo ngày tháng. Trang biết thế nhưng nàng có tài nào giữ được những màu sắc ban đầu. Sự đổi thay không phải ở Trang, bởi nàng vẫn cảm thấy rằng nàng còn yêu, và khi yêu nàng sống trọn vẹn cho tình yêu đó với cả tim, cả hồn nàng.

Trang nhận ra sự nhạt phai đó ở Vinh. Khi bắt đầu yêu Vinh, nàng đã biết rằng sẽ không có sự bền vững. Tình yêu của Vinh đến thật nhanh và nàng biết cũng không thể lâu dài được. Vinh có quan niệm sống và những sở thích khác hẳn Trang, nếu không nói là trái ngược. Sự bất đồng ý kiến đã

dần dần ngăn cách tâm hồn hai người mà cả hai đều khó lòng nhận thấy. Nhưng rồi Trang, với tính tình trời cho một người con gái, đã trực nhận được sự chia cách đó. Nàng biết Vinh không còn yêu nàng như xưa. Có những lúc ngồi bên Trang mà mắt Vinh vô cùng xa vắng. Những lúc đó Trang chỉ khẽ thở dài.

Cơn mưa bên ngoài vẫn chưa muốn dứt. Hình ảnh cũ đồ xô về đầy hồn Trang. Bất giác nàng nói với Vinh:

— Chiều nay giống một chiều thứ bảy năm trước, Vinh nhớ không?

Vinh quay lại nhìn Trang dò hỏi. Trang mỉm cười nhắc nhở kỷ niệm:

— Hôm ấy cũng mưa như hôm nay. Chúng mình cũng đi xi-nê ra, và cũng ngồi đợi ở đây. Buổi đó Vinh mới thi đậu lên năm thứ hai y-khoa, và chúng mình vui như hội.

Vinh cười lơ đãng:

— Trang nhớ dai thật. Vinh không nhớ được gì cả.

Trang cúi đầu, cầm chiếc

muỗng khoảng nhẹ ly nước cam. Nàng thấy chua xót ngập đầy hồn. Những hình ảnh mà nàng ấp ủ trong tim trở thành vô nghĩa dưới mắt Vinh. Nước mắt Trang ứa ra. Nàng cắn chặt lấy vành môi:

— Xin lỗi Vinh, Trang hay nhớ những chuyện lần-thần.

Nhìn về mặt nhẵn-nhục của Trang với mái tóc xỏa dài và với đôi mi hạ thấp, Vinh thoáng hiểu. Chàng thấy thương hại Trang và một chút hối hận thoáng qua rất nhanh trong lòng chàng. Vinh tự trách mình đã đưa Trang và tự đưa mình đến một tình-yêu không lối thoát. Vinh gặp Trang một buổi mai đầy nắng, và nụ cười, ánh mắt với mái tóc Trang bỗng đầy mắt Vinh. Giữa thành phố mà nếp sống hối hả và táo bạo như thác ngàn, Trang là hình ảnh của một dòng suối ngọt len lỏi chậm chạp qua từng khe đá nhỏ. Vinh yêu ngay người con gái có nét buồn xa xôi đó. Chàng từ bỏ nếp sống hỗn loạn hằng ngày để buộc hồn mình vào sự trầm mặc dịu dàng của Trang. Tình yêu của Trang đã

làm Vinh say sưa quý trọng khôn cùng. Yêu Trang, nói với Trang bao nhiêu lời, Vinh được đáp lại bằng nụ cười âu yếm và ánh mắt long lanh của nàng. Vinh cho thế là quá đủ. Nhưng dần dần Vinh thấy chán nản. Vinh biết rằng bản tính chàng không thể phù hợp với một tình yêu dịu dàng trầm mặc như thế. Vinh thích một tình yêu sôi nổi và thật sống. Nhưng lòng thương đối với người con gái nhiều mặc cảm đau khổ và rất dễ xúc động này khiến Vinh không thể nào nói rõ được cảm nghĩ của chàng. Chàng đành chờ cơ hội. Và vẫn như xưa, chàng có thói quen đón Trang đi chơi mỗi chiều thứ bảy. Vinh vẫn tự xem nàng như một người bạn để không phải thắc mắc gì.

Vinh dịu-dàng nhìn Trang:

— Trang hình như chỉ thích sống với dĩ-vãng. Chính vì vậy mà Trang hay buồn đó Trang à.

Trang lặng thinh. Nàng nhìn ra cửa, nói rất nhỏ:

— Mưa ngớt rồi, mình về thôi.

Vinh lấy xe Vespa đưa Trang

về. Dọc đường hai người không nói với nhau một câu nào.

Suốt buổi tối hôm ấy, Trang buồn không thiết làm gì cả. Nàng nghĩ thật nhiều đến Vinh, và cay đắng hiểu rằng giờ phút đó Vinh nghĩ đến một cái gì khác không phải là nàng. Trang lên giường nằm thật sớm nhưng không tài nào dỗ giấc ngủ. Nàng lại bật đèn và vớ lấy một tờ tuần báo. Nàng lo lắng lật nhanh các trang giấy. Bỗng mắt nàng bắt gặp những vần thơ của một người con gái mang bút hiệu TN mà nàng vẫn thích:

*« Giữ chi lời miễn cưỡng,
Và tình - yêu - mây - bay
Người đã không hò hẹn
Sao tôi thiết tha hoài? »*

Trang rùng mình. Nàng có cảm tưởng như đó là tiếng nói tự thâm tâm nàng văng lên. Ừ! Giữ chi những lời thân ái miễn cưỡng và tình yêu nhạt phai chỉ muốn vượt khỏi tay nàng như mây bay xa? Một tình yêu như thế sẽ đưa Trang đến đâu? Phải chăng đến một niềm thất vọng? Thà rằng để cho niềm thất vọng đó đến sớm, còn hơn kéo dài sự tha

thiết đơn phương. Thiếu Vinh nàng sẽ khổ. Nhưng giữ Vinh, cả hai sẽ cùng khổ trong sự miễn cưỡng và trong niềm lo sợ mất mát tình yêu.

Trăng nhắm mắt lại. TN nghĩ đúng. Những vần thơ của người con gái đồng cảnh ngộ kia là lối thoát duy nhất của Trăng.

★

Vinh mở cửa và hơi ngạc nhiên thấy khách là Trăng.

— Kia Trăng ! Mời Trăng vào.

Trăng bước vào căn-phòng-con-traí rất quen thuộc của Vinh. Nàng lặng yên ngồi xuống chiếc ghế nàng vẫn thường ngồi mỗi khi nàng đến thăm Vinh.

Vinh ngồi xuống chiếc ghế đối diện với Trăng, dịu dàng :

— Trời sắp mưa mà Trăng cũng chịu khó đi thế? Có chuyện chi cần không Trăng ?

Trăng ngập ngừng :

— Cũng không có gì quan trọng lắm.

Vinh cười :

— Nghĩa là có phải không ?

Trăng gật đầu nhẹ nhẹ. Nàng vụt đứng lên, đến bàn học của

Vinh. Trăng cầm một tấm ảnh lên xem. Người con gái tóc bồng trong ảnh có nụ cười quyến rũ và đôi mắt thật lãng. Trăng hỏi :

— Bạn Vinh hả

Vinh lúng túng :

— Ừ ! Một cô mới quen.

Trăng đặt tấm ảnh xuống chỗ cũ, nét mặt không thay đổi. Nàng hơi ngạc nhiên thấy lòng nàng đứng đưng như không. Trăng trở lại ngồi chỗ cũ, im lặng. Vinh hơi ngượng ngập với sự lặng lẽ đó của Trăng, nhưng chàng cũng không nói gì. Hồi lâu, Trăng vụt hỏi :

— Vinh có bao giờ nghĩ đến cái chết không ?

Vinh nhìn Trăng dò xét :

— Sao bỗng dưng Trăng lại hỏi lạ thế ? Trăng muốn nói cái chết của ai, của chính mình hay của người thân yêu.

Trăng nhìn vào bình hoa trên bàn :

— Không. Trăng muốn nói đến một sự tàn tạ mà không ai có thể vớt vát lại được, cũng như cái chết, không ai có thể ngăn cản được.

Vinh thấy Trăng vò nát chiếc khăn tay. Giọng nàng nghẹn đi :

— Sự tàn tạ của tình bạn, của tâm tư, của tình yêu chẳng hạn.

Vinh nhìn Trăng dăm dăm :

— Trăng có chuyện gì lạ phải không? Trăng nghĩ gì?

Trăng mím môi với vẻ quả quyết. Nàng ngàng phất đầu lên, nhìn thẳng vào mắt Vinh :

— Vinh ạ, Trăng nghĩ đã đến lúc chúng mình xa nhau và nên thật tình với nhau là hơn.

Vinh kinh ngạc nhìn Trăng. Chàng ấp úng :

— Trăng có nói thật ý nghĩ của Trăng không đó ?

Trăng cười cay đắng :

— Sao Vinh lại ngờ ? Trăng nghĩ kỹ rồi Vinh ạ. Chúng mình không cùng quan niệm sống, cũng không cùng quan niệm tình yêu, tốt hơn nên chấm dứt... và xem nhau như bạn.

Vinh nhìn Trăng không nói. Ý nghĩ của chàng hằng muốn nói với Trăng, bây giờ chính Trăng nói ra trước. Điều đó làm Vinh khó chịu, bởi trong thâm

tâm, chàng vẫn có một chút kiêu hãnh là Trăng vẫn yêu chàng tha thiết. Vinh thốt một câu không thực :

— Trăng đừng nói như vậy. Chúng mình có gì thay đổi đâu ?

Trăng đưa bàn tay nhỏ nhắn ra ngăn Vinh. Nàng nói một hơi như đã suy nghĩ kỹ từ lâu :

— Chúng ta không nên dối lòng để tưởng tượng đến sự bền vững trong khi tất cả đều đã đổ vỡ rồi. Trăng biết Vinh cũng nhận thấy sự đổ vỡ đó, nhưng Vinh không nói. Giữa chúng ta có bao nhiêu ngăn cách, mà ngăn cách quan trọng nhất là do chúng ta. Vinh theo đuổi một ngành học gay go, va chạm hằng ngày với sự đau đớn chết chóc, Vinh cần giải khuây bằng sự tưng bừng vui vẻ. Mà Trăng, mãi mãi niềm u sầu với mặc cảm khổ đau vẫn ngự trị trong lòng. Vinh ưa cuộc đời sống động, Trăng lại thích trầm mình trong suy tư. Làm sao chúng ta hòa hợp ? Yêu nhau là tạo hạnh phúc cho nhau, mà Trăng nhận thấy chúng mình chỉ đem lại bất hạnh cho nhau thôi. Hai thái cực gặp nhau, dĩ nhiên phải có va chạm

mạnh. Trang biết điều đó từ lâu, nhưng tình yêu của Vinh lôi cuốn Trang làm Trang không thấy gì nữa cả.

Trang ngừng lại như để chờ tác dụng lời nói của mình đi vào tâm trí Vinh. Thấy Vinh lặng yên, Trang tiếp :

— Trang thấy rõ sự nhạt phai của tình yêu chúng ta. Nhiều lần Trang đã buồn cười thấy cả hai chúng ta đều cố níu kéo một ảo ảnh. Trang vẫn chờ cái ngày Vinh tuyên bố sự đổ vỡ này, nhưng Vinh tử tế quá, Vinh sợ Trang buồn hay sao mà Vinh vẫn lăm thính. Vậy thì Trang nói, vì người nhận chịu là Vinh sẽ không thấy mất mát nhiều bằng người nhận chịu là Trang.

Vinh tiến đến bên Trang. Chàng dịu dàng đặt tay lên vai nàng :

— Vinh không biết nói sao bởi Vinh cũng có những cảm nghĩ như Trang. Vinh cảm ơn Trang đã thật tình với Vinh. Vinh thật ân hận đã đưa Trang là người Vinh quý mến đến tình trạng này. Nhưng biết sao, bởi vì đạo đó Vinh yêu Trang khôn tả, Vinh không thể để

nén được, Trang biết không ?

Trang gật đầu nhẹ nhàng, không nói gì. Đôi mắt buồn sâu kín của Trang như đầy nước mắt. Vinh cố cầm tưởng cả muôn ngàn xót xa cay đắng đang trầm mình trong đó. Vinh thấy thương Trang nhiều hơn. Chàng ái ngại :

— Dù sao, Trang cũng cho phép Vinh thỉnh thoảng đến mời Trang đi chơi như dạo nào.

Trang lắc đầu :

— Không cần, Vinh à, Vì Trang sắp trở về Huế với gia đình Trang. Trang có chỗ dạy học ngoài ấy.

Vinh kêu lên :

— Trang bỏ Văn-khoa ?

Trang cười buồn :

— Điều đó có quan-trọng gì đâu ?

Nàng nhìn Vinh, giọng lạc đi :

— Trang đến để nói với Vinh chừng ấy và cũng để chào Vinh. Bây giờ Vinh cho Trang về.

Nàng đứng lên. Vinh thấy Trang gầy đi trong chiếc áo dài đen. Vinh không giữ Trang. Chàng đưa nàng đến cửa. Trang đứng lại, ngược mắt nhìn Vinh :

— Mong Vinh ở lại vui, học giỏi và gặp hạnh phúc.

Mắt Trang nhòa lệ. Nàng không để nén nỗi niềm thổn thức. Trang quay đi. Vinh ái ngại xoay vai Trang lại :

— Khoan đã Trang ! Trang có phiền giận Vinh không ?

Trang quay lại. Giọng Trang se sắt :

— Không đâu Vinh. Trang chẳng trách ai cả. Định mệnh an bài như thế rồi. Trang là mặt hồ, chỉ bắt được cái bóng của những đám mây đẹp bay qua, kẻ cả bóng mây tình yêu.

Vinh thở dài :

— Vinh cầu mong cho Trang gặp may mắn và gặp một người thật tốt, thật chân thành.

Vinh cầm lấy tay Trang. Chàng cảm thấy bàn tay nhỏ của Trang lạnh giá và run run trong tay chàng. Bằng một sự cảm động sâu xa, Vinh kính cẩn hôn lên bàn tay đó. Trang rùng mình rút tay lại, nói qua hơi thở :

— Cảm ơn Vinh.

Rồi nàng quay đi thật nhanh. Vinh thần thờ nhìn theo những bước đi vội vàng như trốn chạy của người con gái mà chàng đã có lần yêu mê đắm. Vinh thương Trang nhưng chàng không làm gì được để cho người con gái đó đỡ đau khổ. Trang nói đúng. Tình yêu của chàng là bóng mây bay qua, làm sao có thể chiếu xuống cho mặt hồ một ánh sáng hay một niềm hy vọng ?

DÃ-THẢO



★ LỊCH SỰ

Trên một chuyến xe ô-tô lướt vào giờ tàn sở, đầy nhóc cả người. Một bà to béo bằng cái bồ, mồ hôi nhễ nhại, khò sở chen lẫn mới nép mình vào được một chỗ.

Bà nhìn quanh một lượt rồi thở dài, thốt lời :

— Không biết có ông nào lịch-sự chịu khó nhường dùm cho một chỗ không hà ?

Mấy người đàn ông nhìn nhau. Rốt cuộc, một ông vừa nhỏ con, vừa ốm teo, vừa lùn xịt, riu riu đứng dậy, dơ tay mời bà nọ :

— Tôi xin vui lòng nhường bà vậy.



Tuần

DÂN CHÚNG
LỊCH SỬ
XÃ HỘI HIỆN ĐẠI

CHÀNG TRAI NƯỚC VIỆT

1910-1960

(Tiếp theo P.T. 87)

★ NGUYỄN-VY

« *Việt-Nam Hồn* » là tờ báo bí mật đầu-tiên lọt vào tay chàng thiếu-niên nước Việt năm 1924, tuy lúc bấy giờ Tuấn-em mới có 14 tuổi. Tuấn hết sức ngạc-nhiên, sau khi đọc hết tờ báo, coi lại thật kỹ nơi trang đầu, thấy có chưa một giòng chữ đen mà Tuấn không hiểu : « *Chủ-nhiệm: Nguyễn-Thế-Truyền* »

Tuấn cứ thắc mắc : « *Chủ-nhiệm* », là gì ? Một danh-từ mới lạ mà Tuấn không biết rõ nghĩa, và sau đó hỏi một ông giáo-sư Việt ông giảng giải : « *Chủ-nhiệm*, là ông chủ chịu trách-nhiệm ». Còn « *Nguyễn-Thế-Truyền* » là ai ? Cậu học sinh 14 tuổi tưởng-tượng ông là một nhân-vật ghê gớm lắm. 10 giờ 30, thấy H, từ trên lầu xuống, đèn gần Tuấn, Tuấn

đề ý thấy thái độ thấy H cũng bí mật lạ lùng. Thấy hỏi rất khế : « Cậu đọc rồi chưa ? » Tuấn cũng trả lời rất khế :

— Dạ rồi... Thấy ơi, tờ báo này ở đâu vậy, Thấy ?

Ở bên Tây gởi qua. Bí mật đây nhé. Tôi thấy cậu Tuấn có « *đầu óc* », tôi mới cho mượn xem. Xem xong, đừng nói cho ai biết, nghe không ? Cậu nói cho ai biết, thì cậu sẽ bị bỏ tù, hay là bị chêt chêm đây.

— Dạ, tôi không nói đâu.

— Giữ bí-mật, rồi tôi sẽ cho mượn tờ khác để coi nghe ?

— Dạ... Nhưng, Thấy à, ai gởi cho Thấy vậy ? Sao họ gởi lên được, Thấy ?

TUẦN CHÀNG TRAI NƯỚC VIỆT

— Có anh bồi tàu, cứ mỗi chuyến tàu ở bên Tây về thì anh đem báo này về cho tụi mình. Cậu Tuấn nhớ là đừng để lộ bí-mật, nghe ? Người nào thật đáng tin, cậu hãy nói và đọc vài câu thơ trong này cho họ nghe. Cậu chỉ nói là cậu nghe lỏm đâu đó, chứ đừng nói là cậu có thấy tờ báo « *Việt-Nam Hồn* ». Nghe không ?

— Dạ...

— Cậu có thích đọc tờ này không ?

— Dạ, thích lắm. Tôi đọc say mê, Thấy ơi. Hay quá, Thấy ơi ! Ồ, nếu Tây họ biết được, chắc họ bỏ tù tụi mình.

— Ừ. Vì thế nên tôi dặn cậu là phải kín mồm kín miệng.

— Thấy có đưa cho thấy Vĩnh đọc không ?

— Có. Thấy cũng thích lắm. Chính Thấy hiểu cậu, biết cậu là cậu học trò có « *đầu óc* », nên thấy dặn tôi đưa cho cậu xem.

— Cảm ơn Thấy lắm. Hề chừng nào có « *Việt-Nam Hồn* » thì Thấy nhớ cho tôi mượn coi với nhé. Chu - Cha !

Coi sướng quá Thấy ơi ! Thơ hay quá, thấy ơi ! Họ chữ Tây, mình đọc thầy lạnh xương sống. Sướng mê !

Thấy H, tùm tùm cười, gấp tờ báo « *Việt-Nam Hồn* » làm bốn, rồi đút trong lưng quần giấu kín sát bụng, dưới hai lớp áo cụt và áo dài đen. Thấy ra về.

Tuấn tắt đèn nằm đọc thầm lại bài thơ lúc này :

« *Hăm lăm triệu đồng bào ! Nổi dậy !*

*Duổi quân thù ra khỏi giang-sơn ;
Chớ sao ngậm oán nuốt hờn
Đề mang túi-nhục cho hồn
Việt-Nam ?*

...
Đây là đêm Thứ Bảy. Cả ngày Chủ nhật Tuấn cứ đọc thầm bài thơ ấy, dài trên 70 câu. Tội nghiệp Tuấn-em ! Mới 14 tuổi, chưa hiểu quốc-sự là gì cả, lần đầu tiên được xem lên một tờ báo « *ghê gớm* » in từ bên Tây, gởi lên về « *An-Nam* », làm xáo trộn hết cả tâm hồn tuổi trẻ ! Cậu bỗng nhớ lại nét mặt nhăn nhó và những lời nguyên rủa của ông Giáo-sư Toàn, Gabriel, mà Tuấn thường gọi với các bạn là « *Người mặt khi* »...

Tại sao ông dám chửi mình là « *hôi giống dã-man* », « *sale race annamite* » ?

Trong đêm tối, nằm đắp chiếc chiếu (vì không có tiền mua mùng và mền), Tuần âm-thăm tức giận ông Tây Gabriel, rồi cảm-xúc vì bài thơ trong « *Việt-Nam-Hồn* » bỗng dưng Tuần khóc... Nhưng Tuần khóc thút-thít, không dám khóc to...

Cô Vinh, vợ Thầy Bưu Vinh, từ nhà trên cầm cây đèn đi ra sau bếp, chợt đi ngang qua chỗ Tuần nằm, nghe Tuần khóc, cô cười, hỏi với giọng Huế :

— Cậu Tuần dở dà hỉ ? (1)

Tuần nằm im thím-thíp giả vờ ngủ, không dám lên tiếng.

Sáng thứ Hai, Tuần đi học tìm ngay một người bạn cùng tỉnh, mà cậu thân nhất, kéo ra phía sau sân trường nói thắm :

— Quỳnh ơi, mày có thấy tờ báo *Việt-Nam-Hồn* không ?

— Tờ gì ?

— *Việt-Nam-Hồn*.

— Ở đâu ?

— Tao có đọc lên được một tờ, mấy ơi. Có bài thơ hay lắm, tao đọc cho nghe.

Thề là Tuần đọc hết cả bài thơ « *Hăm-lăm triệu đồng-bàol* ! *Nồi dậy!* »...

Trò Quỳnh kéo trò Tuần ngồi xuống cát, dựa lưng vào vách tường, bảo Tuần đọc lại một lần nữa. Rồi Quỳnh căn-dặn Tuần làm sao hỏi mượn tờ *Việt-Nam-Hồn* cho Quỳnh xem.

Từ hôm ấy, trong trường Cao-đẳng tiểu-học Qui-nhơn lớp Đệ-nhất niên (1ère Année) tương đương với Đệ-Thất bây giờ, có một nhóm học-sinh, năm đứa, cứ trao lên cho nhau xem tờ *Việt-Nam-Hồn* đã rách nhều nát hết và dán lại từng mảnh.

Mỗi khi đưa cho mượn, hoặc trao trả lại, các trò gập tờ báo làm tư, dúi trong lưng quần, giấu sát vào bụng, dưới hai lớp áo cụt và áo dài đen. Lúc bấy giờ học trò chưa « dám » mặc « đồ Tây », tất cả đều mặc áo dài ta, đội mũ, mang guốc.

(1) Cậu Tuấn nhớ nhà, hử ?

Phải nói rõ ràng, nhóm học sinh ấy chưa bao giờ dám nghĩ đến chuyện « Cách-mạng » hay là « làm Hội-kín đánh Tây ». Nhưng cái mầm « ái quốc » đã bắt đầu nảy nở dẹt dẹt và kín-đáo trong tâm-hồn ngây thơ của tuổi trẻ. Và không riêng ở trường Qui-nhơn, mà khắp các trường Cao-đẳng tiểu-học trong nước như trường Quốc-học và Đồng-khánh ở Huế, trường Vinh, trường Trung-học Bưởi và Cao-đẳng đại-học ở Hà-nội, các trường « *collèges* » khác ở Hải-phòng, Nam-định, Sài-gòn Mỹ-tho, Cần-thơ, v. v. ... Ấy là do ảnh hưởng đầu tiên của những tờ báo bí mật từ bên Tây gởi lên về do đường tàu thủy, trong đó có hai tờ được phổ biến lên lút sâu rộng hơn cả, là *Việt-Nam Hồn* bằng Việt ngữ xuất-bản ở Marseille, và tờ *Le Paria* bằng Pháp-ngữ, xuất-bản ở Paris.

(*Le Paria*, tiếng Pháp, gốc tiếng Ấn-độ, là kẻ thuộc về giai-cấp bán-cùng, không có quyền gì cả, bị coi như là lớp người ti-tiện, và bị kẻ giàu mạnh chà đạp, khinh-khi, hắt hủi).

Đó là hai tờ báo cách-mạng đầu tiên mà Tuần và 5, 6 cậu thiếu-niên cùng thế-hệ được đọc lên-lút trong năm 1924.

Cùng một lúc, một số sách báo cũng bí-mật từ bên Tàu và bên Nhật được gởi lên về Việt-Nam, cũng do tàu-thủy, nhất là chiếc tàu *S/S Canton*, chạy đường Saigon — Tourane (Đà-nẵng) — Hải-phòng — Hồng-kông — Nagasaki. Trong số các sách báo ấy, — rất tiếc là chỉ một số ít viết bằng Việt-ngữ, còn đa số là bằng chữ Nho, — Tuần được đọc mấy bản : *Việt-Nam vong quốc-sử*, *Lưu-cầu huyết-lệ thư*, *Hải-ngoại huyết thư*. Nhưng lúc bấy giờ Tuần chỉ được đọc các bản chép lại bằng tay, không có tên tác-giả. Mãi 4, 5 năm sau, Tuần ra Hà-nội, tìm tới học hỏi, mới biết là những sách ấy của Cụ Phan-Bội-Châu. Tuần trao các sách cấm ấy cho Quỳnh và các trò khác cùng một chí hướng, nhưng ai cũng phải tự tay mình chép lại, để xem lên, rồi giấu kín dưới va-li áo-quần.

Một hôm, lần đầu tiên Tuần thử đưa một bài thơ chép trong « *Việt-Nam Hồn* » trên

một mảnh giấy, trao cho H.X.T. con một Quan Tri-Phủ đang nhậm chức ở Bình-Định, học cùng lớp với Tuần. Trò T., người Huế xem xong, hoảng hồn xé phăng ngay mảnh giấy. Hân hỏi Tuần :

— Mi lấy cái đồ bậy-bạ ni ở mô rứa, mi ?

Tuần cười đáp :

— Tôi hôm qua, tao đi bắt công (1) ngoài bờ biển, lượm được bài thơ đó trong một cái hang công, mấy ơi !

T. làm thấy khôn, dặn Tuần :

— Sau, mi đừng có lượm những cái giấy như ri, lỡ mà ông Directeur thấy được thì ông đánh mi chết !

— Tao đưa cho mấy coi chơi, chứ tao đâu dám coi.

Trò T. sợ quá, còn lấy tay

mới một lỗ khá sâu trên bãi cát sau sân trường, để chôn giấu bài thơ ghê-gớm mà hân đã xé vụn ra từng mảnh nhỏ.

Tuần cười bảo :

— Mi giấu bài thơ nó còn hơn con Công giấu trứng nó trong hang ! Mi coi chừng chó tao sợ bài thơ nó sẽ nở ra thành một bầy công chạy lung-tung trong trường mình thì mặc sức ông Địa-tức-tư chạy theo bắt ! Ha ! Ha !

Trò T. con trai cưng của Quan Phủ B.S. không hiểu ý Tuần, cũng cười hi-hi ..

(còn nữa)

(1) con Công, giống như con Cua, n'ưng nhỏ hơn và chạy rất nhanh, có rất nhiều trên bờ biển Qui-nhon, và trốn giỏi lắm, khó bắt lắm, nhất là buổi tối.



Thi - nhân ngồi khóc
mùa thu...

...lá thu rụng xuống thành mộ
thi-nhân

Sao chẳng giết tôi bằng độc dược
Mà người giả dối : « Rượu mừng xuân » ?
Bào gan xé ruột trong giây phút
Rồi hết. Tôi xa lánh cõi trần.

Sao chẳng giết tôi bằng cái siết,
Của bàn tay ấm đã thân quen
Cho tôi được thấy người vui với
Mười ngón tay in nét cổ mềm ?

Sao chẳng giết tôi bằng cách ấy
Cho tôi được chết một lần thôi ?
Xác thân vui với niềm đau khổ
Là hết, là xong một cuộc đời.

Sao giết tôi bằng lời ngọt dịu
Bằng lời hẹn ước rất nên thơ ?
Cho tôi về mộng năm canh đề
Tỉnh giấc, trời ơi, hồn ngàn-ngơ.

Sao giết dần tôi bằng kỷ niệm
Một mùa thu trước đẹp sao sương ?
Người xa — Thương nhớ là dao chém,
Từng nhát vào tim ứ tử hờn.

Sao cho tôi chết dần từng mảnh
Từng mảnh linh hồn theo tháng năm ?
Trời hỡi ! niềm đau quặn quại mãi
Kêu gào không thấu đến xa xăm.

Hai một mùa xuân tình chưa đẹp,
Sống đời đau xót cũng bằng thôi.
Giết nhau sao lựa lời yêu mến,
Tàn ác làm chi lắm hờ người ?

Danh-Nhân Thế-Giới

Triển-bán Thế-Kỷ Hai-mươi

6. — Paul CÉZANNE

TIỀN BỐI NỀN
HỘI HỌA KIM
THỜI

NÓI đến hội họa, các bạn thường nghe Picasso được đề cao như một thiên-tài; nhưng ít người nghe nói đến Paul Cézanne, ngoại trừ các bạn đã từng cầm cây bút vẽ.

Vậy mà Cézanne sau khi từ trần, đã ảnh hưởng sâu rộng cho toàn thể hội họa và mỗi ngày càng tỏ ra là một trong những họa-sư mà các họa-sĩ sau này nhiều người coi là bậc thầy. Cho đến Picasso nữa, cũng đã chịu ảnh hưởng ít nhiều của Cézanne. Tác giả Bernard Dorival đã nói không sai lắm: « Cézanne là cha của nền hội họa kim thời, là ông tổ đã phát sanh ra tất cả nghệ thuật hiện-kim thời-đại », —

(Le père de la peinture moderne et l'ancêtre dont est sorti tout l'art contemporain).

Vậy mà suốt đời ông, người ta không hiểu nghệ-thuật của ông, mãi đến tuổi già ông mới được người đời biết đến. Năm 1877, tờ báo « Charivari » bình phẩm Cézanne nhân một cuộc triển-lãm, đã dám hạ bút viết một câu rằng: « Khi những con nít chơi nghịch vẽ màu trên giấy, chúng vẽ lại còn đẹp hơn ». Văn-sĩ Emile Zola là bạn thiết của Cézanne từ thuở nhỏ, sau cũng không hiểu tài của ông mà cũng viết bài công kích ông nữa.

Au cũng là một sở phận hẩm hiu mà Tạo-hóa dành chung cho những người có tài xuất-chúng.

LÚC THIẾU
THỜI

Cézanne sanh tại Aix-en-provence (Pháp) ngày 19 tháng giêng năm 1839. Gia-đình ông gốc gác ở làng Cézanne trên triển núi Genève phía bên

DANH-NHÂN THẾ-GIỚI



nước Ý, nhưng là giòng-dòng Pháp.

Thân phụ ông là một nhà kinh doanh giỏi, có tiền, và năm 1847 mua lại một nhà băng bị khánh tận và kêu thêm được một người hùn vốn, lập nên nhà băng « Cézanne et Cabassol ».

Vì gia đình giàu có sẵn, nên Cézanne được thân phụ bắt phải đi học về văn-hóa, mong sau này trở nên một người trí-thức trong xã-hội. Cézanne học trường trung học Bourbon, xuất sắc về cổ-văn, năm 1859 thi đậu tú-tài Văn-chương. Trong khi ở trường trung-học, cậu đã kết bạn thân với Emile Zola cùng học một trường. Cũng trong thời kỳ đó, cậu học vẽ ở một lớp dạy tư và năm

1858, được giải nhì của lớp này. Cậu cũng có khiếu về âm-nhạc và thích-thú với nhạc của Wagner.

Nhưng cậu có khuynh-hướng mãnh liệt về môn vẽ sơn màu và được Emile Zola thúc đẩy đi vào con đường của hội họa. Cậu gặp một trở lực lớn: thân phụ cậu bắt phải ghi tên học trường Đại-học Luật-khoa ở Aix. Năm 1860, Cézanne phải tranh đấu quyết liệt với phụ thân để được bước vào ngành hội-họa. Cậu nhờ mẫu thân và người chị cả, bình vực và tán thành ý hướng, nên năm sau được thân phụ nhượng bộ, đưa cậu lên Paris học chuyên về hội họa. Hồi ấy là tháng tư năm 1861. Cậu thường lui tới Viện Bảo-tàng Louvre và phòng Triển lãm mỹ-thuật. Chỉ được có 3 tháng ở Paris, Cézanne đã gặp một thất bại khiến cậu phải ngã lòng thất vọng: đó

★ TẾ-XUYỀN

PHỒ-THÔNG — 88

45

là cuộc thất bại của cậu khi thi vào Trường Mỹ-thuật.

Cậu bỏ Paris về tỉnh Aix, làm việc với nhà băng của thân-phụ. Cậu còn ghi nhớ hai người bạn ở Paris, hai họa sĩ Guillaumin và Pissarro, họa sĩ thứ hai nầy có ảnh hưởng mạnh vào cậu. Ở nhà được một năm, ngày đi làm, tôi lại đi học vẽ. Năm sau, tiếng gọi của thủ-đô thúc giục cậu rời bỏ tỉnh Aix để lên Paris. Cậu ở tại đây hai năm và trau dồi nghệ-thuật ở viện Hàn-lâm Mỹ-thuật Thụy-sĩ, kết thân với các họa-sĩ đương thời: Pissarro, Guillaumin, Oller, Guillemet, Bazille, Monet, Sisley, Renoir. Từ đây Cézanne tận tụy với hội-họa. Nhóm nghệ-sĩ ấn-tượng bắt đầu thành hình từ năm 1863, năm Cézanne 24 tuổi.

MÔN PHÁI ẤN-TƯỢNG

Thế nào là ấn-tượng (impressionniste)? Đây là một phái lấy ánh sáng làm nhân vật chánh trong một tác-phẩm. Chỉ một đồng rơm có ánh sáng mặt trời chiếu vào,

mỗi giờ sanh một ấn tượng khác nhau, đập vào thị giác của nhà nghệ-sĩ. Một họa-sĩ có thể vẽ một đồng rơm ấy, với nhiều vẽ đẹp khác nhau, tùy theo ánh-sáng mỗi giờ chiếu vào. Đồng rơm vẽ hồi 10 giờ sáng, và cũng đồng rơm ấy vẽ hồi 5 giờ chiều, tuy cũng có một hình-thức nhưng màu sắc của nó, ánh sáng chiếu vào nó, bóng của nó rọi xuống đất, đều khác nhau trên hai tác-phẩm.

Hai tác-phẩm nầy ghi lại màu sắc và ánh-sáng mà nhà nghệ-sĩ thu thập được, tức là những « ấn-tượng » của mình. Những họa-sĩ trong phái nầy lập ra phái « ấn-tượng ».

Khi vẽ một con ngựa đen và một đồng rơm màu vàng, thì màu sắc chịu ảnh hưởng của ánh sáng, sẽ biến đổi và con ngựa không còn màu đen nữa, cũng như đồng rơm không còn màu vàng.

Một họa-sĩ « ấn-tượng » Claude Monet thường ngồi ngoài trời trước một khung cảnh với cả chục cái giá vẽ. Ông vẽ mỗi giờ một bức họa. Có lần ông vẽ tới 15 tác-phẩm về một đồng rơm; mỗi tác-phẩm là có mỗi màu sắc và

ánh sáng khác nhau. Lại óp lẫn Monet vẽ 20 tác phẩm về mặt tiền của một nhà thờ. Một họa-sĩ « ấn-tượng » nữa là Manet, — chính ông nầy mới là thi-tổ của phái « ấn-tượng » — đã nói rằng: « Nhân vật chánh trong bất-cứ họa-phẩm nào, chính là ánh sáng vậy ».

Hồi tiền bán thế-kỷ 19, hội họa Âu-Châu đang còn theo những phương-pháp cổ-diễn, nên phái « ấn-tượng » bị chê bai là bọn « điên cuồng », cách mạng, bọn « họa sĩ ngoài trời ». Mỗi lần có phòng triển lãm, mà phái « ấn-tượng » gởi tác-phẩm đến, thì bị từ chối thẳng tay. Dư-luận phê bình môn phái nầy, cho là những họa-sĩ « cương ngạnh » vì họ không theo những đường lối cổ truyền.

Năm 1874, Monet trình bày một tác-phẩm đặt tên là: « Impression: Soleil levant » (Ấn tượng: Mặt trời mọc).

Phái ấn-tượng bị xã hội ghét bỏ quá, bèn lập ra một hội gọi là « Công ty của những họa-sĩ sơn dầu, điêu khắc, thủ ấn ». Năm 1874 họ mở

chòng triển-lãm lần đầu tiên gọi là « Phòng triển lãm những tác phẩm bị từ chối ». Dư luận nổi lên công kích như vũ bão, tấn công môn phái ấy. Chỉ có một người: bá-tước Poria vốn là một nhà lý tài đã mua một tác-phẩm của Cézanne nhan đề là « Maison du pendu ». (Nhà người thắt cổ). Những họa sĩ « ấn-tượng » và nhất là Cézanne bị công chúng chê cười không tiếc lời, khiến Cézanne thất vọng, phải về ẩn náu tại Estaque. Hai năm sau, Cézanne không gởi tác phẩm đến trưng bày tại phòng triển lãm lần thứ nhì của nhóm « ấn-tượng ».

Nhóm « ấn-tượng » nghèo đến nỗi thiếu cả tiền ăn, như Sisley, có ngày phải nhịn đói. Năm 1875 họ phải đem tác phẩm của họ bán đầu giá, và chỉ thu được những số tiền rất ít ỏi; có bức họa bán được có 150 quan.

Không thôi chí, ngã lòng, phái « ấn-tượng » lại mở phòng triển lãm lần thứ ba vào năm 1877. Lần nầy báo chí càng công kích họ mạnh hơn. Từ « Charivari » ngày 14 tháng 4

năm 1877, có viết câu này : « Ông Monet và ông Cézanne thấy sung sướng mà được xuất đầu lộ diện ở nơi công cộng, nên đã mở Phòng triển lãm lần thứ ba. Lần thứ nhất có 30 tác-phần, lần thứ nhì 14. Phải đến xem rồi mới có thể tưởng tượng những bức vẽ ấy ra sao, thật là thảm hại, làm cho người xem phải tức cười, những tác phẩm ấy tỏ ra tác giả không biết gì về bút pháp, vẽ bỗ cức, vẽ màu sắc hết. Khi những con nít chơi nghịch vẽ màu trên giấy, chúng vẽ còn đẹp hơn. »

Tuy nhiên cùng có nhóm văn-sĩ tiên-bộ xuất bản một tờ tuần báo đặt tên là « Impressioniste » để bình vực nhóm « ấn-tượng ». Trong báo ấy, nhà văn Cordey can-đảm viết lên rằng :

« Nghệ-sĩ bị công kích nhiều hơn hết, bị báo chí và công chúng bực đãi hơn hết trong 15 năm nay, chính là Cézanne. Nhà họa-sĩ này thuộc về loại không lỗi... Tương-lai sẽ sắp xếp ông đứng bên cạnh những vị thần-thánh của Nghệ-thuật. »

Kể từ năm 1877, nhóm « ấn tượng » đã có chút uy tín, nhưng vẫn chưa được công-chúng hưởng-ứng nên tác phẩm của họ vẫn còn phải bán đấu giá, với những giá rẻ mạt.

DANH VỌNG VỀ CHIỀU

Cézanne, sau cuộc triển-lãm lần thứ ba, tách khỏi nhóm « ấn tượng » và vẽ tĩnh nhà « ấn-dật » trong 13 năm. Cézanne đã 38 tuổi, muốn tìm đường tiền hơn nhóm « ấn tượng » nên trong 13 năm, ông đã nỗ lực làm việc. Ông áp dụng những hình-thức kỹ-hà-học vào nghệ-thuật « ấn-tượng ». Phương pháp của ông là phương pháp tiền-phong cho phái lập-thể sau này.

Một nhà bình phẩm đã nói rằng : « Cézanne biên chế nghệ thuật « ấn-tượng » thành một nghệ-thuật vững vàng và trường-cửu như nghệ-thuật ở các Bảo-tàng-viện. Cézanne trở về cổ-diễn, nhưng là thứ cổ-diễn toàn bích và tiền bộ hơn. »

Vẽ những tĩnh-vật, ông ngồi cả mấy giờ, có khi cả ngày nọ sang ngày kia trước kiểu mẫu mà thụ cảm. Những kiểu mẫu ấy phải khô hẻo-tàn tạ (trái cây, hoặc hoa). Cũng một bức vẽ, các họa sĩ « ấn-tượng » dùng chừng 6 mẫu, thì Cézanne dùng không dưới 19 mẫu. Trong tạp chí « Mercure de France » nhà bình phẩm E. Bernard đã viết rằng phương pháp của Cézanne là phương pháp « suy tưởng với cây bút vẽ cầm tay ». Ông suy tưởng rất tinh vi, tề-nhị, mắt rất nhiều thì giờ để tìm một mẫu hòa hợp với ánh sáng trước khi đặt mẫu ấy trên bức họa. Có tác phẩm ông phải thực hiện trong 6 năm mới hoàn thành. Về già, nghệ thuật của ông lại càng mạnh mẽ hơn, như một sự hồi xuân.

Ngày nay, nhiều môn phái đã thoát thai ở nghệ thuật « tân « ấn-tượng » của Cézanne (Néo-impressionnisme). Đây là danh-từ mà dư luận đặt ra cho nghệ-thuật của ông.

Năm 1838, họa sĩ Gauguin chán ngán nghệ thuật « ấn-tượng » và bút pháp tả thực không vững của phái này, đã quay về với Cézanne.

Những họa-sĩ phái « Tượng trưng và hợp thể », năm 1889 coi Cézanne như thầy (1)

Phái Dị-thú (Fauves) và phái Lập-thể (Cubiste), đều có học được nhiều ít nghệ thuật Cézanne. Cho đến những họa sĩ độc-lập và cứng rắn như Modigliani, cũng chịu ảnh hưởng của Cézanne nữa.

Ngày 15-10-1906, đầu đã già 67 tuổi, Cézanne vẫn còn đứng ngoài trời để thực-hiện bức vẽ sơn của ông nhan đề là « Le cabanon de Jourdan » Bỗng một cơn giông tố nổi lên, ông bị trúng cảm, ngã khụy xuống.

Đưa về nhà, và ông tắt thở ngày 22-10.

TẾ-XUYỀN



— Đánh Trung - hu tặng em đây, nhân toàn hạt sen chắc em thích chứ ?

— Em chả thích hạt sen đâu ! Em thích... hạt « xoàn » cơ !

Ánh sáng về đây,
 Ánh sáng về đây!
 Thôi héo-hắt, cây bưng xanh nhựa sống,
 Rung-rinh cành, lao-xao lá... Hân-hoan!
 Lòng bầu nở hoa,
 Hồn thiêng rộn trống,
 Tứ thơ ngân, trí chuyền dậy tơ vàng...

Ánh sáng về đây,
 Ánh sáng về đây!
 Châu bảo khuất bùn đen, hể lộ:
 Màu sắc vờ, trơ-trên, rớt-rơi đây!
 Chê vì chưa thấy rõ,
 Khen mà ám-nhân lớp phơ-bầy,
 Nào thử có những chi,
 Với những gì có đó,
 Ai biết ai, qua ánh sáng về đây!

Mặt-mùng giông tố,
 Sóng cồn, sóng cồn được kiêu hãnh phút giây!
 Rồi này đây, này đây nghe lặng gió,
 Này đây, này đây thấy tan mây,
 Và biển cả bình-an, bình-an mà trong sáng
 Thênh-thang, mênh-mang mà quang-đăng:
 Rõ-ràng bao khi ánh sáng về đây!

Kinh quyền thanh cao,
 Cơm rau đạm bạc,
 Vị ngọt lành, chân thật vui sao!
 Sáng-hoái không-gian vang tiếng hạc,
 Ai chờ ai truyền cảm mỗi tâm-giao;
 Ai gặp ai, cùng đốt đèn Viên-Giác,
 Cho nhẹ bớt đắng cay,
 Cho điều-tàn, tang thương xóa bớt,
 Cho nhân-loại vui vầy,
 Cho tỉnh bừng lên, vang lừng muôn tiếng hát,
 Đời sống mừng đầy ánh sáng về đây!

Nguồn vui ánh sáng

★ TÔNG-ANH-NGHI

Hương-lửa ba Thu, một khối tình
 Ngờ cùng ai vẹn nợ ba-sinh
 Nào hay người đã quên thề cũ,
 Mặc kẻ cô-đơn, bạn bóng mình.
 Bóng mình nghiêng lá chập-chờn rung
 Mờ, tỏ, đèn khuya, gió lạnh lung
 Mưa rả-rích buồn, đường gợi nhớ
 Người xưa đã mất, lệ rung-rưng.
 Rưng rưng sống gợn ước làn mi.
 Hận trách mà chưa quên những khi
 Âu-yếm cầm tay, chàng khê bảo:
 Đừng sầu, ta phải tạm chia-ly.
 Chia-ly vì cảnh trái-ngang thời,
 Rồi sẽ đoàn-viên đến trọn đời
 Đêm ấy, mưa Thu rơi mấy hạt
 Là câu ân-ái bấy nhiêu lời,
 Bấy-nhiều lời ấy sưởi tim cô,
 Mỏi héo nhờ ai thắm nụ cười
 Tôi thấy bầu trời tươi đẹp quá,
 Dù mây giăng xám, hạt mưa rơi...
 Mưa rơi Thu ấy, lá gieo vàng
 Lòng ấm vì tôi đã có chàng
 Nhưng đến Thu này, khi vắng bạn
 Tôi nhìn lá rụng buốt tâm-can...
 Tâm-can tê-tái, nhớ thương ai,
 Kho nỗi lấp-ngắt mạch cảm hoài.
 Gang tấc mà như xa vạn dặm
 Rượu tình nửa cốc, một mình say.
 Mình say, gối mộng dệt duyên thơ
 Hy-vọng còn chi, sao vẫn chờ?
 Người đã sang-ngang, đồ tách bến,
 Quay về, họa có ở trong mơ?...
 Trong mơ gặp bạn đủ vui rồi
 Thực-tế phũ-phàng rẽ lưá đôi,
 Người chẳng luyện-thương, mình há tiếc,
 Tim quên, tôi hát khúc yêu đời.
 Yêu đời, ngoài mặt giữ màu tươi
 Nhưng lúc mưa rơi lại ngậm ngùi.
 Kỷ-niệm còn ghi trong ký-ức,
 Đau lòng tôi lắm, Cổ-Nhân ôi!...

M
U
A
T
H
U

★ LỆ - LIÊU (Saigon)

BÊN CHUNG TRÀ TRUNG - THU



THÂN - ÁI PHÊ - BÌNH THI - SĨ ĐÔNG - HỒ

★ THIẾU - SƠN



HỒ-THÔNG số 86 có đăng bài của ông Đông-

Hồ « *Nghĩ về những tiếng danh xưng* ». Ông Đông-Hồ tỏ bày ý-kiến về một quyết-nghị của Bộ Y-Tế muốn giành riêng danh-từ Y-sĩ cho giới Tây-y và bắt buộc giới Đông-y phải xưng danh là *Thầy thuốc Bắc, Thầy thuốc Nam*, v.v...

Quyết-nghị trên đã làm xôn-

xao dư-luận rất nhiều. Ông Đông-Hồ, một nhơn vật có tên tuổi trong văn-giới tỏ bày ý-kiến là điều đáng lưu-ý. Nhưng ông đã làm tôi thất-vọng, nhứt là về đoạn chót của bài văn !

Phần trên đáng lẽ ông cần phải nghiêm-túc hơn là bông đùa hoặc « chơi chữ ». Nhưng tai hại nhứt là đoạn chót ông nói về danh-từ *thi-sĩ* và nói về ông.

Tôi không cần nhắc tới những địa-vị chánh-thức của ông trong lúc này nhưng tôi lấy làm kinh-ngạc sao ông Hội-Trưởng Hội

PHÊ BÌNH THI-SĨ ĐÔNG-HỒ

các nhà Văn lại không dám xưng mình là thi-sĩ.

Ông nói : « *Xin nhường tiếng « thi-sĩ » cho những thi-sĩ chánh cống, cho những thi-sĩ cao-đẳng, đại-học cho đúng danh-vị, cho đúng giá-trị...* »

Ông làm thơ từ 40 năm nay. Văn, thơ của ông đã xuất hiện trên *Nam-Phong tạp-chí* trên 30 năm nay và cũng đã xuất bản thành sách. Trong vài quyển văn-học-sử thấy có tên ông dính liền vào 2 chữ thi-sĩ. Vậy mà ông lại nói ông muốn nhường danh-hiệu đó cho những « thi-sĩ chánh cống », những « thi-sĩ cao-đẳng đại-học »... Vậy ai là « thi-sĩ chánh cống » ? Và « thi-sĩ cao-đẳng đại học » là loại thi-sĩ gì ?

Tôi biết ông là có ý nói giã-ngộ đề chỉ trích một thiếu-số chỉ căn-cứ vào bằng cấp để đánh-giá tất cả mọi giá-trị của con người. Nhưng cái thiếu-số đó có đọc bài của ông không ? Và nếu họ đọc bài ông họ có hiểu ý ông muốn nói không ?

Trái lại, mấy chục ngàn độc-giả của *Phò-THÔNG* phần nhiều là những nhà Trí-thức ham chuộng văn-chương và biết bao nhiêu thanh niên đương cần phải học-tập của những bậc tiền

bối hay đàn anh. Họ tập tễn làm thơ, trau dồi văn-nghệ rồi khi không họ thấy những người như Đông-Hồ không dám nhận mình là thi-sĩ, vậy thì « thi-sĩ chánh-cống » là những ai ? Họ biết rằng thi-sĩ và văn-nhân đầu trình-độ học vấn tới bậc nào đi nữa cũng không phải do sự đào-luyện của nhà trường mà là do thiên-tư, tài trí và công-phu của mỗi người. Biết bao nhiêu tiến-sĩ, thạc-sĩ đã phải nghiên-cứu học tập J.J. Rousseau là một anh chàng thất học hoặc Anatole France thi rớt tú tài. Những nhà văn lỗi lạc, những nhà thơ trứ-danh đầu khoa bằng xuất-thân cũng không cần phò-trương bằng cấp. Làm như vậy sẽ lỗ-bịch vô cùng. Vậy thì làm gì có thứ « thi-sĩ cao-đẳng đại-học » như ông Đông-Hồ đã nói ở trong bài.

Và lại thi-sĩ là một danh-xưng của nhà thơ mà nó còn được dùng để gọi nhà thơ. Tôi chỉ có thể gọi ông Đông-Hồ là thi-sĩ hay nhà thơ mà tôi không thể gọi ông là « *Thầy Thơ Nôm* » và cũng không nỡ gọi ông là « *Thơ Thơ Nôm* » theo đề-nghị của Diệu-Huyền.

Ông Đông-Hồ viết tiếp: « Mà hạng làm thơ vườn thì nên biết điều rút lui trước đi, để cho Bộ Thi-Nghệ (nếu có Bộ Thi-Nghệ), sau này khỏi bận nghĩ đến việc làm nghị-định. Phải phòng xa như vậy, bởi Thi-giới có khác gì Y-giới, chữ *thi* liền với chữ *y* một vần và cũng đề tránh khỏi việc tranh chấp danh-xưng *Tây thi-sĩ* và *Đông thi-sĩ*, trong làng Thơ, cũng như bây giờ trong làng Thuốc ».

Khiêm-tốn là một đức tánh khả-ái. Nhưng khiêm-tốn giả-dối làm cho người ta phải bực mình. Ông Đông-Hồ tự nhận mình là « nhà thơ vườn » vậy sao ông không chịu chơi thơ ở trong vườn riêng của ông? Sao ông còn công bố thơ của ông trên mặt báo và trong những tác-phẩm đã ấn-hành? Ông ý ông đã có đôi chút tên tuổi và địa-vị trong làng văn rồi ông nói lầy đề mà chơi. Ông hăm rút lui vì sợ sau này người ta sẽ bắt ông phải nhường chỗ cho những người khác.

Không một ông Bộ-Trưởng nào, không một chánh-phủ nào dám làm những chuyện động trời như thế được. Tên tuổi và

địa-vị của một văn-nghệ-sĩ là do sự nghiệp của họ tạo nên nhưng cũng còn do sự chấp-nhận của nhân-dân. Do sự chấp-nhận đó mà người ta mới ghi về văn-học-sử. Nhưng được ghi vào văn-học-sử cũng chưa hẳn đã trường-tồn. **Còn có sự thử-thách của thời gian và thời gian sẽ đánh giá lại một lần nữa** và rất có thể ông sẽ bị đánh lui, khỏi cần xin rút lui trong lúc này. Chánh-phủ có thể bỏ tù ông, có thể lên án tử-hình ông mà không có quyền tước đoạt danh-vị của ông. Chính ông cũng không có quyền từ bỏ nó nếu một khi đã được sự chấp nhận của nhân dân. Nhưng sau khi sàng-sảy lại và định giá-trị lại, nếu ông chỉ có danh mà không có thực, nếu trong sự-nghiệp không có gì đáng lưu truyền, văn thơ không có gì hay, thì đời sẽ quên ông và luật đào-thải sẽ được áp-dụng một cách nghiêm khắc và công-bằng đáo-đề.

Có Đông-y và Tây-y, nhưng không có Đông thi-sĩ và Tây thi-sĩ. Chỉ có **thi-sĩ Việt-Nam** mặc dầu nhà thơ xuất-thân ở giới cựu-học hay tân-học. Dầu

chịu ảnh hưởng của Lý-Bạch, Đỗ Phủ hay học tập của Baude-laire hay Valery, nhà thơ Việt-Nam phải viết bằng chữ Việt và nói ra được những gì thích hợp hay bổ ích cho tâm hồn của độc giả Việt-Nam.

Tân-Đà chỉ là một ăm-sinh nhưng Tân-Đà có một thi-nghiệp vĩ-dại nhiều lần hơn những bài thơ của một số cụ Cử, cụ Nghè. Cả những thi-sĩ tên tuổi xuất thân trong đám Tây-Học cũng phải học tập Tân-Đà chán chê rồi mới dám mon men tới thi đàn. Trong một xã-hội có tổ-chức mỗi ngành hoạt động đều có một qui chế để ngăn ngừa lạm dụng và bảo-vệ quyền lợi của người dân. Nhưng qui-chế của ngành văn-học là tôn trọng tự-do tư-tưởng và tự-do phát biểu ý-kiến và tình-cảm của mỗi người, là tôn-trọng thiên-tài và sáng tạo. Nhờ đó mà văn-học tránh được sự nhân-tuần và bình công-thức để phát triển kịp với sự phát triển của nhân loại. Và cũng bởi thế mà cánh cửa làng văn mở rộng cho tất cả mọi người và không bắt buộc phải xuất trình giấy tờ và bằng cấp.

Ở đó có thần-đồng, có « quái-kiệt », có những bậc khoa

giáp trang-nghiêm và cũng có bóng hồng thướt-tha tô-diễm. Nhưng ở đó cũng có sự thi-đua ráo-riết và biết bao người đã thất bại ê-chề. Có kẻ lúc đầu thất bại, bị chôn, bị dìm, bị chửi, nhưng tới nước rút lại thành công, vì họ có tài, có trí. Cho nên có kẻ chỉ thành công sau khi chết. Trái lại, có kẻ được ít tiếng hoan hô nhất thời rồi sau lại chìm trong bóng tối. Có kẻ thất bại liên miên, sống không ai đọc, chết không ai nhớ. Bởi vì **ban giám khảo là quảng đại quần chúng là người đồng thời và những thế hệ tới sau**. Chẳng có chánh phủ nào có quyền gì trong công việc sắp đặt ngôi thứ, đo lường giá-trị hay sửa đổi danh-vị của mỗi nhà Văn Thơ. Bộ Giáo-dục mỗi khi làm sách giáo-khoa hay xếp đặt chương trình văn học đều phải tôn trọng ý-kiến của Ban giám-khảo nhân dân đó, chứ tự-ý đặt đề rồi thế hệ sau cũng xóa bỏ đi và sắp-xếp lại ại vào địa-vị nấy. Những người bị Nàng Thơ quyền rũ lúc đầu chỉ thấy cái vinh mà chưa thấy cái nhục. Nhưng càng dần thân vào nghiệp càng thấy

đau khổ và thua thiệt vô cùng. Một khi ngọn bút không nuôi nổi con người thì thân tàn, ma dại nào có giá-trị gì đâu? Đã vậy mà không phải cứ giỏi chịu đựng là nhứt định thành công. Một người thành công trong khi cả ngàn, cả muôn người thất bại. Kẻ thành công không nên tự hào mà những người thất bại cũng đáng tội nghiệp và kính-trọng. Nhưng thành công hay thất bại chúng ta đều phải kính-trọng làng ta và nghề-nghiệp của ta.

Cái danh-vị mà ta có không phải ta tự-phong cho ta nên ta không được coi thường mà dấn-cột.



Anh Đông-Hồ là một người bạn văn-chương của tôi từ trên 30 năm nay. Anh có nhiều diễm khả-ái và tôi rất quý-mến anh.

Nhưng hôm nay tôi phải dùng lời nghiêm, lẽ chính mà phê-bình những lời nói vô-trách-nhiệm và thái-độ thiếu nghiêm túc của anh là tôi vì các bạn thanh-niên mà nói.

Lớp văn-nghệ-sĩ của thế-hệ chúng ta còn sống sót tới ngày nay chẳng có bao người.

Các bạn thanh-niên khi học tới văn-học cận-dại và hiện-dại, thí dụ họ không thích đọc chúng ta nhưng họ cũng biết rằng chúng ta là người đồng-thời của những tác giả mà họ phải học-tập. Chúng ta đã lỡ có chút danh-vị đầu cái danh-vị đó ta có thấy là quá đáng thì ta cũng không nên đùa dờn với nó một cách quá sỗ-sàng. Họ sẽ liên-tưởng đến những danh vị khác mà có những quan-niệm sai lầm nguy-hại.

Hơn nữa chính trong đám thanh-niên đó có nhiều người có tài, có trí, và đang muốn theo đuổi văn-nghệ, họ chỉ ao ước được đôi chút thành công nho nhỏ để khích lệ họ thì chính những bậc đàn anh đã đùa bỡn từ chối những phần thưởng của mình làm cho họ hoang mang, mất hướng, túi hồ và chán nản biết bao nhiêu.

Chúng ta không phải là những ngôi sao bắc-đầu nhưng ít nào chúng ta cũng là những người tiêu-biểu của lớp văn-nghệ-sĩ tiền-chiến có bổn-phận phải nâng-đỡ, dìu-dắt bọn thanh-niên bằng chút ít kinh-nghiệm bản thân và những truyền-thống

của lớp người đi trước.

Dân-tộc một ngày, một tiến thì văn học cũng một ngày một tiến. Chúng ta tha thiết cho bọn hậu sanh sẽ bỏ xa chúng ta để có những ngôi sao sáng thay thế cho những ngọn đèn mờ.

Đời loạn nên mới có sự tranh-chấp vì một chữ Sĩ ở trong giới lương-y.

Ta không nên làm cho loạn thêm đề gây xáo-trộn trong làng văn-mặc.

Tôi viết bài này không có mây-may ác-ý. Tôi viết với tất cả thiện-chí và thành-tâm đối với bạn, với nghề, nhất là đối với nền văn-học của dân-tộc Việt-Nam.

THIỆU - SƠN



bàn về một
vài từ - ngữ

VIỆT

mang
âm -
hưởng

CHÀM

(tiếp theo P.T. 87)

**CHANAH KHÂU, -
CÀ-NÁ:**

Từ Phan-rang đi vào, theo quốc-lộ số 1, cách thị-xã Phan-rang 30 cây số, gần ranh-giới hai tỉnh Ninh-thuận và Bình-thuận, có một vùng mang tên

khá đặc-biệt, nhưng có lẽ ít người đề ý. Dưới đây có một vài quyền sách nói đến vùng ấy :

— ĐÀO-ĐĂNG-VỸ, Bách-khoa Tự-diễn (Quyển II), trang 132 : « CÀ-NÁ, chỗ làm muối quan-trọng ở Trung-Việt, gần Nha-trang. » (Theo chúng tôi, phải nói là gần Phan-rang thì đúng hơn, vì Cà-ná nằm trong tỉnh Ninh-thuận, tỉnh-lỵ là Phan-Rang).

— PHAN-XUÂN-HÒA, Việt-Nam Gấm-Vóc, Thụy-Đình, 1960, trang 122-123 : « Cá-ná là tiếng Chàm, có nghĩa là đá nổi lờm chờm, thuyền đụng phải là vỡ ».

☆ JAYA PANRANG

« (...) Đường thiên-lý và đường hỏa xa đều chạy men theo bãi này, ngay dưới chân một dãy núi đồ sộ : núi Bà (cũng gọi là núi Điện, hay Đỉnh hay Điện Bà) ».

« Cách độ 3 cs. là trạm kiểm soát (trạm Cà-ná) rẽ ra bề sẽ

BÀN VỀ MỘT VÀI TỪ-NGỮ

Gặp làng Lạc-nghiệp, một làng phồn-thịnh với nghề chài lưới. »

— THÁI-VĂN-KIỆM, Đất-Việt Trời-Nam, Nguồn-Sống, 1960, trang 22 : « Chúng ta tiến tới Cà-Ná, một con đường núi đẹp như tranh, chạy ven biển, nước trong xanh như ngọc bích. Trước kia Cà-Ná là nơi thừa lương của các vua chúa Chàm, nay là ruộng muối mênh-mông hàng năm sản xuất tới 50.000 tấn. »

Xem như vậy, Cà-Ná không những là nơi thồ-sản muối và cá biển, mang lại một nguồn lợi lớn cho địa-phương và cho quốc gia, và còn là một trong những thắng cảnh của tỉnh Ninh-thuận, đáng được cho mọi người chú ý đến.

Ta thử duyệt lại danh xưng CÀ-NÁ có phải do tiếng Chàm không, và có nghĩa là đá nổi lờm chờm, thuyền đụng phải là vỡ không ?

E. AYMONIER, Truyền-thuyết của người Chàm, Excursions et Reconnaissances, Chương XI, trang 172 ; Phần nói về lịch-sử vua Chàm Pô Rômê (1627-1651), có một đoạn liên-quan với danh xưng CÀ-NÁ, xin trích

dịch : Theo truyền-thuyết, có một cái thành (forteresse) ở trên bờ sông Laa (đọc : la-a) hay Krong Byuh (*Krong* : sông, *Byuh* : thành), Sông Thành (vì ở đó có thành Chàm), phía trên thành ấy có đường thiên-lý (route mandarine) cũ xuyên qua sông và đi qua làng CHANA (đúng ra phải viết CHANAH, có thêm H đằng sau) KLAU, một làng Chàm nay đã điêu mất.

Còn theo truyền khẩu, các vị bô lão Chàm có cho chúng tôi biết : Hồi xưa, tại địa-phận Cà-Ná, có một làng Chàm tên là *Palay Chanah Klâu* : *Palay* : Làng, *Chanah* : Nhiều ngã, nhiều nhánh, *Klâu* : Ba, tức là làng Ngã-Ba, vì ở đó có ba con đường : một vào Nam, một ra Bắc, một đi lên Thành, lên tháp Pô Rômê hay đi xuống biển. Về sau làng Chanah Klâu bị điêu, một số ít dân chúng còn lại thì về hợp với dân một ấp nhỏ khác và lập thành làng Hậu-sanh, *Palay Thuon*, bây giờ (danh xưng Hậu sanh có nghĩa là sanh sau đẻ muộn, cũng do đó mà ra), để tiếp-tục gìn-giữ và phụng-tự kho tàng nhà vua và tháp Pô Rômê.

Khi làng Chanah Klâu không còn nữa, danh-từ Chanah Klâu được gọi tắt là CHANAH, bỏ mất chữ Klâu, dần dần CHANAH biến thành CA-NA hay CÀ-NÁ, nghĩa là mất hết hai chữ H, CHA thành CA, NAH thành NA.

Các vị bô lão còn cho biết thêm thời vua chúa Chăm còn hưng thịnh, tại Palay Chanah Klâu là một trung tâm du-hí lớn và dành riêng cho các vua quan Chăm vùng Pangdurang, những ngày nhàn rỗi, đến đó để thưởng ngoạn, săn-bắn, câu cá, v. v... Và dân làng Chanak Klâu phải phục dịch trong các công việc hướng dẫn, tùy-tùng, sai-phải. Dường như tại Cà-ná trước kia cũng là một hải-cảng nữa. Bây giờ hàng năm, người Chăm địa-phương còn mang lễ vật đến Cà-ná để làm lễ kỷ-niệm các bậc tiền nhân, lễ này được coi như công lễ.

Tóm lại, danh xưng CÀ-NÁ ngày nay là do danh-từ làng CHANAK KLÂU, theo tiếng Chăm trước kia gọi tắt lại.

KARAH — CÀ-RÁ

Cà-rá là một vật trang sức

thông-dụng, thường thường làm bằng vàng cũng có khi làm bằng bạc, thau, đồng, đồi-mồi, ngà v. v... để đeo ở ngón tay. Tiếng Bắc gọi là nhẫn, tiếng Trung và tiếng Nam gọi là Cà-rá. Vì là một vật thường được làm bằng vàng, nên có nhiều người dựa theo đó mà tưởng Cà-rá là do tiếng Pháp *Carat*, (bởi nguồn gốc tiếng Hy-lạp là *keration*), đơn-vị trọng lượng 2dg của kim-cương: vàng 18 carats, vàng y đúng 24 carats (xem Tự-vị Việt Nam của các ông Đào-dăng-Vỹ, Đào-văn-Tập và Hội Khai-Trí Tiến-Đức).

Chúng tôi đoán rằng tiếng Cà-rá của Việt (tiếng Trung và tiếng Nam) để gọi chiếc *nhẫn* (tiếng Bắc) không phải do tiếng *carat* của Pháp mà là do tiếng *Karak* (đọc: ca-ra-á) của Chăm.

Người Chăm xem chiếc cà-rá là một bảo-vật rất hạp-trọng, mọi người phải cần đến, trong đời sống cũng như trong lúc chết đi. Vì cà-rá là một tặng phẩm thông thường, trai gái yêu nhau có thể tặng cho nhau chiếc cà-rá để làm tin hoặc làm kỷ-niệm, bậc cha mẹ dùng cà-rá tặng cho con cái, tặng cho cô dâu, chú rể là

việc thường. Trong phong-tục, có nhiều lễ cúng phải dùng đến chiếc cà-rá. Người chết phải được mang theo chiếc cà-rá thì linh hồn họ mới có nước mà uống, mới biết đường về với ông bà bên kia thế-giới. Nhưng nếu dùng trong phong-tục cưới hỏi, ma chay thì phải dùng *karak mata*, cà-rá mắt (có nhện hột huyền, hột kim-cương, hột lồi lên giống con mắt, nên gọi là cà-rá mắt) bắt luận làm bằng vàng, bằng bạc hay bằng thau, miễn là thuộc loại kim-khí, chứ không được dùng thứ bằng đá quý, bằng đồi-mồi, bằng ngà, vì những thứ sau này chỉ dành cho việc trang-sức, cc khi người ta cũng dùng cà-rá mắt trong việc trang sức nữa. Người Chăm dùng nhiều kiểu cà-rá khác nhau, lối trang-trí khác hơn người Việt nhiều.

BEH — BÊ

Theo LÊ-NGỌC-TRỤ, Việt-Ngữ Chánh-Tả Tự-Vị, Saigon, 1959, đọc qua bài Tựa quyền sách (trang iv): « về tự-nguyên chúng tôi chỉ chú-trọng phần lớn vào tiếng Hán-Việt, dựa nơi âm, nghĩa mà truy-khảo những

tiếng Việt chuyển gốc hoặc tương-đương với mấy tiếng các xứ láng-giềng, tiếng Thái, tiếng Môn-Mên, Tiếng Mã-lai..., vì thiếu tài-liệu đích-xác, nên không xét ».

Đúng như tác-giả đã nói trước tại trang 18, chúng tôi có gặp tiếng BÊ, có nghĩa là tan vỡ, tác-giả cho là do tiếng *phá* của Hán-Việt mà ra. Theo chúng tôi, trong tiếng Chăm có tiếng BEH (đọc: bé), cũng đồng nghĩa với tiếng BÊ hay VỠ của tiếng Việt. Đúng về phương-diện âm lẫn nghĩa hai tiếng BEH và BÊ rất gần nhau. Còn tiếng *phá* của Hán-Việt, tuy nghĩa cũng tương-đương với BÊ, nhưng âm không được gần cho lắm. Hơn nữa, tiếng BÊ chỉ có người Trung và người Nam dùng mà thôi, còn người Bắc ít người biết, người Bắc chỉ nói là vỡ. Cứ theo âm và nghĩa, cũng như căn-cứ theo thổ-âm Trung và Nam, có lẽ tiếng BÊ của Việt là do gốc tiếng BEH của Chăm mà ra thì phải hơn. Ngoài ra chúng tôi được biết, gần với tiếng BÊ và BEH của Việt và Chăm còn có tiếng của *Khmer*: RABÊH, tiếng *Tareng*: PEH, tiếng *Sédang*:

PÈX, có nghĩa là rút, toát, sút, mẻ (Tự-vị Chàm-Pháp, trang 356).

★

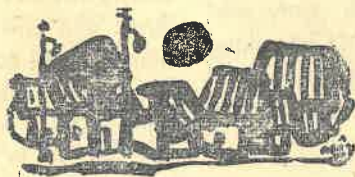
Trên đây là một vài nhận xét sơ-dã, đề xét qua vài tiếng Chàm biến thành tiếng Việt, chứ không thể gọi là một bài khảo-cứu thật-sự. Cũng như chúng tôi đã trình bày ở phần nhập đề: phạm-vi bài này có tánh cách lược khảo, nên chúng tôi không thể đi sâu vào các chi-tiết, mặc dầu còn nhiều từ-ngữ khác cũng đáng được bàn đến.

Nhà khảo-cổ NGHIÊM-THẨM có viết trong Nguyệt-san QUÊ-HƯƠNG, số 36, xuất-bản tháng 6 năm 1962, với đề-tài: Sự tồn-

tại của bản chất Anh-đô-nê-diêng trong nền văn-hóa Việt-Nam, tại trang 172, tác-giả tạm kết luận: «sau này một khi những phong-tục, tập-quán, ngôn-ngữ của người Việt-Nam và các dân-tộc Anh-đô-nê-diêng được nghiên-cứu thật kỹ-lượng thì càng thấy rõ là người Việt-Nam ở gốc chung cho các dân-tộc Đông Nam Á Châu mà ra».

Vậy nếu trong ngôn-ngữ Việt-Nam mà tìm ra có nhiều tiếng Việt do nguồn-gốc tiếng Chàm chuyển thành thì đâu có phải là một việc lạ và sự tìm hiểu ấy cũng không thể cho là vô-ích được.

JAYA PANRANG



SAO VẬY MÃ ?

Bà mẹ và một em bé đi nghe một buổi hòa tấu nhạc cổ điển của một dàn nhạc đại hòa tấu danh tiếng.

Ngang đoạn nhạc hay và gay cấn nhất, em bé đắm đắm nhìn ông nhạc-trưởng đang đem hết tài năng, gân cốt để điều khiển, cốt lột hết tinh thần của đoạn nhạc.

Em bé kêu tay mẹ, tỏ vẻ hỏi:

—Này má, tại sao cái ông nhạc trưởng có vẻ giận dữ thế kia? Mấy ông nhạc sĩ đã cố gắng thôi kèn và đàn hết sức mau rồi còn chi nữa!?



★ THẨM-THÊ-HÀ

Buổi chiều là rưng

Tác giả: NGỌC-LINH

Nhà xuất-bản: PHÙ-SÁ

Trình bày: Họa-sĩ TRẦN-ĐÌNH-THỤY



THỨ thật từ lâu tôi có thành kiến đối với tiểu-thuyết đăng báo hàng ngày. Tôi cho đó chỉ là thứ tiểu-thuyết «cao su» mà tác giả chỉ cố ý khai thác thị hiếu hạ cấp của độc-giả chứ không hề nghĩ đến việc xây-dựng một công-trình văn nghệ. Mà dẫu có nghĩ đến,

cái thiện-chí ấy cũng bị xóa mờ bởi sự sáng tác cầu thả, bởi những tình-tiết ly-kỳ giả-tạo để lôi cuốn người đọc phải theo dõi hàng ngày.

Nhưng gần đây, vài nhà văn đã phá tan thành-kiến đó. Tuy chưa thoát-ly hẳn mục-đích sáng-tác «câu độc-giả», họ đã

tỏ ra tự trọng trong thiên-chức cao quý của mình. Trong số các nhà văn ấy, ta thấy được một *Bình-Nguyên - Lộc* chính - chân trong nghệ-thuật diễn-tả nội-tâm, một *An-Khe* điều-luyện trong nghệ-thuật hấp-dẫn và hướng-dẫn, một *Ngọc-Linh* hăng say tìm đường hướng và cố gắng tiến lên với một niềm tin tưởng lạc-quan.

BUỔI CHIỀU LÁ RỤNG của Ngọc-Linh là một tiểu-thuyết đã đăng báo hàng ngày. Nhà xuất-bản PHŨ-SA cho in lại thành sách, dày trên 300 trang, do họa-sĩ Trần Đình-Thụy trình bày bìa thật trang-nhã và ý-nghị.

Cốt truyện có thể tóm lược như sau :

« Trần Hoài là một nhà văn nổi tiếng hiện đang chủ trương một tờ tuần-báo văn-nghe. Trâm — vợ Hoài — có một đứa em gái tên Phượng rất yêu văn nghệ. Cả ba sống vui vẻ dưới mái nhà êm ấm.

Bỗng dưng, Phượng lại mang thai. Vợ chồng Hoài rất thương em, tìm cách an ủi Phượng, đồng-thời cứu-vớt danh giá gia-đình. Hoài khám

phá ra người đã hại đời Phượng là Lê-Trí, một con chiên ghe trong làng văn-nghe, nhưng vì lời yêu cầu tha-thiết của em, chàng không ỡ cho Trâm biết. Chàng chỉ âm-thăm tìm đủ cách thức-tình Phượng và giải-thoát nàng ra khỏi cạm-bẫy của tên Sở-khanh đã có vợ và bốn con. Nhưng vì chàng tỏ ra quá sốt-sắng, thiết tha quá mức với cô em vợ, Trâm sinh ra ghen thắm và đau khổ trong im-lặng và bệnh hoạn...

Hơn một năm rồi, Phượng được Vinh, một sinh viên Điện-học, thành thật yêu đương. Phượng cũng có cảm-tình với Vinh nhưng lại sa-ngã vì những lời đường-mật của Lê-Trí. Phượng vừa hồi-hận vừa hổ-thẹn, nên tìm cách tránh mặt Vinh. Rồi một hôm, không thể tránh mặt được, Phượng đành thu thật với Vinh rằng nàng không còn xứng đáng với chàng nữa. Vinh thất vọng, đau khổ, rồi lại nghi Hoài đã phạm-luân với em vợ.

Phượng sinh được một đứa con gái đặt tên là Trinh. Vợ chồng Hoài nhận Trinh làm

con nuôi. Ở Úc về, Lê-Trí lại đeo đuổi theo Phượng. Bị Phượng lạnh nhạt và xua đuổi, Lê-Trí nghi Hoài xúi-biểu, nên tìm cách trả thù. Một mặt, chàng vu-không Hoài lây em vợ; một mặt, chàng viết báo mạt sát tác-phong giả-đạo-đức của Hoài. Chàng lại xúi vợ gieo nghi ngờ thêm cho Trâm.

Đang bệnh, Trâm bỏ nhà ra đi. Hoài tìm khắp nơi mà không gặp. Nhận thấy vì mình mà gia-đình anh chị tan rã, Phượng cũng bỏ con âm-thăm ra đi. Nàng tìm Vinh thú thật tình-cảnh của mình. Vinh thương hại, tìm chỗ cho nàng tạm trú và tìm việc cho nàng làm. Cuộc đời Phượng dần dần tưởng tạm yên, nào ngờ Lê-Trí vẫn đeo đuổi theo để gây thêm sóng gió. Lê-Trí dùng đủ đòn tâm lý để lung-lạc lòng Phượng, nhưng nàng giữ-gìn không để sa ngã lần nữa. Không may, đứa con nàng đau nặng, Vinh lại đi xa, bắt đầu dĩ-nàng mới bằng lòng cho Lê-Trí chạy chữa cho con. Vinh trở về, hay có sự, tức giận bỏ đi... Phượng chỉ còn

biết khóc cho số phần ngang trái của mình.

Nhờ Vinh chỉ dẫn, Hoài đến tìm Phượng đúng lúc Lê-Trí đang hùng hổ hăm dọa nàng. Hoài khinh-bị vạch bộ mặt khả-ô của gã lưu-manh khoác áo văn-nghe, khiến hắn sợ sùng, khiếp-sợ rút lui. Hoài rước Phượng về. Vinh lại đến tìm Phượng. Sau khi hỏi kỹ lại lòng, Vinh và Phượng đều thấy rằng mình không thể xa nhau được nữa. Một hôm, nhờ bức thư của vợ Lê-Trí nên Hoài, Vinh, Phượng biết được chỗ ở của Trâm. Hiện Trâm đã biết mình ghen lắm nên lấy làm hồi-hận. Mọi người mừng rỡ đến tận nơi rước Trâm về đoàn tụ dưới mái nhà đầm ấm ngày xưa...



Xuyên qua tác-phẩm **BUỔI CHIỀU LÁ RỤNG** nhà văn Ngọc-Linh đã làm nổi bật :

1— Một thực-trạng đặc-biệt của giới văn-nhân, ký-giả hiện nay ;

2— Một tâm-trạng phổ-biến của những kẻ mang nặng thành-kiến « anh rề mề em vợ ».

Nội - dung tác - phẩm bao

gồm một bối cảnh thời-đại thâm hợp trong giới văn nhân ký-giả, nhưng lại chứa đựng một hiện trạng tâm-lý rộng-rãi vượt thời gian và phù-hợp với đa số người trong xã-hội Việt-nam.

Về THỰC-TRẠNG ĐẶC-BIỆT, tác-giả đã can-đảm lột trần bề mặt và bề trái của những con người làm văn-nghệ hiện nay. Vồn sông với nghề văn nghệ báo, tác-giả đã nhận thấy rõ đủ mọi khía cạnh tốt đẹp lẫn xấu xa của nghề nghiệp. Nếu trong làng báo có được những nhà văn, nhà thơ chân-chính như Trần Hoài, Mộc-Lan-Chi biết trọng thiên chức và đem lại danh dự cho giới mình, thì cũng có phần-tử thời-tha như Lê-Trí mươn lá bài văn nghệ để hãm-hại đồng nghiệp, quyền rũ gái tơ, bôi lọ văn giới. Tội nghiệp Phụng chỉ là một con thiếu-thân văn nghệ, thấy ánh lửa thì cứ bu vào để tự thiêu mình, chớ nào phân biệt được ánh quang-minh với tia cuồng vọng.

Là một chứng-nhân của thời-đại, Ngọc-Linh đã phản

ánh đúng một thực-trạng — đặc-biệt cho thời-đại chúng ta — để các mầm non văn-nghệ nhìn vào đó mà thấy hình ảnh của mình, hầu tránh sa lầm như nhân vật đáng thương kia vậy.

Về TÂM-TRẠNG PHỔ-BIẾN, tác giả cô ý phân tích tỉ-mỉ những biến-chuyển tâm lý mong manh của những nhân vật điển hình : Trâm điển hình cho những người vợ ghen tuông vì yêu chồng; Vinh điển hình cho những chàng trai ghen tuông vì yêu-đương say đắm; vợ Lê-Trí điển-hình cho những kẻ bàng-quan bị ám-ảnh bởi thành-kiến. Cả ba nhân-vật trên đều bị chi phối bởi một động-lực chung khiến cho họ cảm nghĩ theo một chiều, do đó gây ra những ngộ nhận đáng tiếc, ảnh hưởng tai-hại đến hạnh-phúc của bao người khác.

Vì thành-kiến, Trâm đã nhìn thấy mỗi cử-chỉ, hành-động, ngôn ngữ gì của Hoài và Phụng cũng đều như hàm chứa một tâm tình thâm kín và nàng cảm thấy mình bị bỏ rơi, mình là kẻ thừa thãi giữa hạnh-phúc của hai người. Tác

giả đã giải thích điểm tâm-lý ấy : « Khi đã đề ý ghen rồi thì mỗi cử-chỉ gì cũng có thể suy-luận cho hợp lý » (trang 183). Tâm trạng Trâm cứ biến chuyển một chiều như vậy, cho đến khi không thể chịu đựng được, nàng bỏ ra đi để khỏi còn nghe, thấy gì nữa.

Đền Vinh là con người chân thật, đứng đắn, vẫn không thoát khỏi sự chi phối ác-liệt của thành-kiến. Khi nghe Phụng thú nhận rằng mình lỡ sa-ngã, thốt nhiên Vinh nghĩ đến Hoài. Tác-giả viết : « Một ý-nghĩ vụt thoáng trong đầu ! Nhưng Vinh vội xua đuổi ngay vì từ trước đến giờ, chàng rất trọng Hoài và xem như người gương mẫu đáng noi theo » (trang 130). Lúc đầu, Vinh còn cò xua đuổi ý nghĩ đột biến ấy, nhưng rồi lần lần Vinh lại xác nhận ý nghĩ ấy qua lời đòi đáp với bạn :

« Vinh và hết chén cơm, nhún vai nói :

— Trước kia tao còn sùng bái Trần-Hoài hơn mây nữa... Nhân vật trong tiểu-thuyết anh ta toàn là những người tốt đẹp, còn giữ được nhân, nghĩa, lễ,

trí, tín trước cuộc đời... Nhưng, con người ở ngoài đời không phải là con người trong tiểu-thuyết.

Khoa ngập ngừng hỏi :

— Thế ra mày đề-quyết Trần-Hoài đã yêu em vợ ư ? Có bằng cứ gì chẳng ?

Vinh nói :

— Phụng không nói rõ cho tao biết cái thai trong bụng là con của Trần Hoài, nhưng qua lời nói, cử-chỉ của nàng, tao ngầm đoán được... » (trang 260)

Với lối hành văn nhẹ nhàng, sáng sủa, đôi khi rất bay bướm, tác-giả đã đưa ta đi sâu vào nội tâm của từng nhân-vật, gợi cho ta sự cảm thông với những nỗi hờn giận, đau buồn, mừng vui của họ. Nhân vật của BUỔI CHIỀU LÁ RỤNG là những nhân-vật sống và thật, mà ta có thể tìm thấy đâu đây ngoài cuộc đời, có khi nó rất gần gũi với ta, thâm nhập vào hồn ta để gieo cho ta những xót thương hay những nguồn vui chan-chứa.

Mặc dầu không muốn khoác áo nhà đạo-đức khi sáng-tác, nhưng với lối viết : « có hậu », lối xây-dựng nhân

vật lạnh mạnh nổi bật lên trên những nhân-vật bệnh hoạn. Ngọc-Linh đã nói lên bằng sự kiện ý-thức hướng thiện con người. Đọc **BUỔI CHIỀU LÁ RỤNG**, nếu ta thấy ghê tởm hạng người như Lê-Trí, mền-phục hạng người như Trần-Hoài, thương xót hạng người như Trâm, Phượng, yêu mền hạng người như Vinh, Mộc-Lan-Chi, ấy là tác-giả đã đạt được nghệ thuật rung cảm lòng ta để hướng tình cảm ta hòa đồng với những tình cảm cao đẹp của nhân vật.

★

Khách quan mà nhận xét, tác phẩm của Ngọc-Linh vẫn còn vướng vài khuyết điểm về nội-dung cũng như về kỹ thuật. Chính những khuyết điểm này đã cướp mất của ta ít nhiều rung cảm.

Vài nhân-vật trong truyện hình như chưa được tác-giả nghiên cứu tâm-lý một cách kỹ lưỡng. Trần-Hoài là nhà văn lịch-duyet, được nhiều người tôn-sùng như một thần tượng, vậy mà anh ta không tề-nhị chút nào trong văn-đề nhận xét tâm-lý của những

người chung quanh. Có lẽ nào họ Trần không thấy được sự ghen tuông của vợ mình thể-hiện quá rõ rệt qua cử-chỉ, ngôn ngữ khác thường? Cả đèn Phượng cũng có những hành-động thân mật quá đáng với anh rể. Có thể nói rằng Phượng thành thật, ngây thơ, nhưng sự ngây thơ như thế thật quá khó kiềm ở cái xã-hội hiện tại, ở cái lứa tuổi bông bột dễ sa ngã cũng như dễ đắm mê. Hoài và Phượng không nhìn thấy gì cả, ngoài sự thành thật của mình. Trong khi Trâm ghen tuông, Vinh ngộ nhận, vợ Lê-Trí nghi ngờ, ông anh rể và cô em vợ vẫn thân-nhiên thân mật, bắt chấp cả vòng tường thành-kiến bao quanh. Thú thật, nhiều khi tôi bực mình vì thấy họ «ngốc» quá! Và cũng vì vậy mà lòng cảm thương bị vơi bớt, mặc dầu tác giả cố ý gọi cho ta sự thương xót đậm đà. Chính tác giả, vì quá tham lam tìm chi tiết để tô đậm sự ghen tuông, đã vô tình làm hại nhân-vật mình đáng lẽ được đóng những vai trò gọi cảm sâu sắc nhất.

Tác-phẩm bỏ-cục không

được chặt chẽ. Toàn truyện chia ra làm 7 chương. Năm chương đầu phôi-diễn những sự kiện và động-tác rời-rạc với những đoạn mô-tả tâm-trạng dài lê-thê. Hai chương chót phôi diễn những sự kiện và động-tác dồn-dập với những đoạn mô tả tâm-trạng quá ư đột biến và hời hợt. Ta thấy hai chương này đầy đủ kịch tính (tiếc rằng đây không phải là vở kịch) nhưng thiếu chất nghệ-thuật tiểu thuyết. Đọc đến câu chót, ta ngỡ như cốt truyện vẫn còn dài. Tác-giả đã quá vội vàng rút ta ra khỏi những cảm-nghĩ triển miên gây ra bởi 5 chương đầu xúc-tích.

Vì lẽ trên, khi xếp sách lại, tôi không còn niềm suy-tưởng gì về nội-dung, mà chỉ vẫn vương vì cái nhan đề «*Buổi chiều lá rụng*». Tại sao tác-giả lại chọn cái nhan đề ấy? Thường nhan đề một tác phẩm phải phù hợp với nội-dung toàn truyện, hay ít nhất cũng phù hợp với đoạn kết tác-phẩm. Nhan đề «*Buổi chiều lá rụng*», tôi thấy không phù-hợp chỗ nào hết. Trong truyện, có một đoạn trong bức thư Trâm viết cho Hoài:

«*Hoài ơi! Chắc anh cũng đoán được thế nào là nỗi đau khổ của một người tuyệt-vọng nằm trong phòng vắng, chờ thời gian đi hết buổi sáng đến buổi chiều, lá xanh rồi lá rụng*».
(tr. 234).

Không lẽ vì trong đoạn thư trên có những chữ «*buổi chiều*» và «*lá rụng*» rời-rạc, mà tác-giả tiếc rẻ đem ghép nó lại làm nhan-đề cho tác-phẩm thêm vẻ nên thơ? Hay tác-giả còn muốn ngụ một ý nghĩa tượng-trưng hay ẩn-tượng gì khác mà tôi chưa được hân-hạnh hiểu thấu?

★

Nếu quá cầu-toàn, ta khó tìm được một văn-phẩm có giá-trị tuyệt-đời, đây là những văn-phẩm nổi tiếng quốc-tê. Vậy thì ta cũng không nên đòi hỏi sự toàn-bích ở một nhà văn đang tìm đường hướng tiến lên.

Ta chỉ nên chấp nhận một sự thật:

Với ĐÔI MẮT NGƯỜI XƯA, Ngọc-Linh chỉ mới đánh dấu sự hiện-diện của mình trong văn-giới.

Với BUỔI CHIỀU LÁ RỤNG, Ngọc-Linh đã đánh dấu một bước tiến khá-quan và đã chiếm được khá nhiều mỹ-tình ở bạn đọc.

THÂM-THỆ-HÀ



PHÒNG NGỪA các bệnh

TRUYỀN - NHIỄM

★ B.S. NGÔ-QUANG-LÝ

Bạn đọc thân mến,

Tòa soạn báo PHỔ-THÔNG nhận được nhiều thư của độc giả khắp nơi gửi về, khuyến khích chúng tôi về mục « TÂN Y HỌC » và cho biết thêm những điều mong muốn của đồng bào thôn quê.

Chúng tôi xin chân thành cảm tạ và xin rằng sức làm vừa lòng các bạn xa xăm, dù đã hay chưa quen biết.

Chúng tôi đương viết về những nguyên tắc đại-cương trong việc phòng ngừa bệnh tật.

Còn một kỳ nữa, sẽ đi sang những bệnh thông thường, như các bạn mong muốn.

N.Q.L.

Việc phòng ngừa những bệnh truyền nhiễm dựa vào ba nguyên tắc :

- Phòng ngừa bằng thuốc chủng (vaccin)
- Phòng ngừa bằng huyết thanh (sérum)
- Phòng ngừa bằng hóa chất.

A. — PHÒNG NGỪA BẰNG THUỐC CHỦNG

(vaccinothérapie préventive)

Phương pháp này có mục đích gây ra một miễn dịch tính hoạt động bằng thuốc chủng.

Đem chích vào cơ-thể một loại vi-trùng đã được giảm độc tính hay vô hại, hoặc còn sống, hoặc đã bị khử sát (stérilisé) để gây ra tính miễn dịch chống loại vi-trùng chích vô, hoặc một vi-

trùng khác.

★
CÁCH ĐÂY 3000 NĂM, người Tàu đã nghĩ và đã tìm cách chủng đậu (variolisation).

Họ lấy một vết mủ của người mắc bệnh đậu mùa (trái trời) chủng cho một người lành mạnh. Người ta thấy phát ra một bệnh trái kín đáo, nhẹ, gây ra một miễn dịch tính và ngừa cho người này bệnh đậu mùa ngẫu phát.

Tuy nhiên phương pháp này rất nguy hiểm.

Nhiều khi thấy phát ra một bệnh đậu mùa rất nặng, rồi có thể lây sang những người chung quanh và trở thành khởi điểm cho một trận dịch. Do đó mà phương pháp chỉ còn một giá trị lịch-sử.

PHƯƠNG-PHÁP THỨ HAI

là chủng cho người một loại trùng vô hại, để ngừa sự hoạt động của một loại trùng khác. Đó là nguyên tắc trồng trái ngày nay, còn gọi là phương pháp Jenner.

Phương pháp này có một lịch sử cũng hay hay.

Đã từ lâu người ta biết rằng trong một vài vùng ở Anh-quốc, những trẻ chăn bò, nếu tiếp xúc với những súc vật bị bệnh đậu bò, (cow-pox) thường có ở bàn tay hay ngón tay những mụn nhỏ. Mụn lành rồi, những trẻ chăn bò này không mắc bệnh đậu mùa nữa. Năm 1796, Bác-sĩ Jenner, một Bác-sĩ trẻ tuổi người Anh hồi đó, nghĩ rằng : nếu các trẻ em khỏi bệnh đậu bò, không mắc bệnh đậu mùa, thì sao không lấy mủ đậu bò, trồng cho các trẻ em lành mạnh, để ngừa cho các trẻ em này bệnh nguy hiểm, bệnh đậu mùa ? Nghĩ là làm. Với mục đích phòng ngừa ấy, ông lấy mủ đậu bò, trồng cho người.

Ông chứng minh rằng trồng mủ này, nay gọi là trái giống (vaccine), không nguy hại, mà trái lại, ngừa chắc chắn cho người bệnh đậu mùa (trái trời) vì đã gây ra trong người ấy một miễn dịch tính.

Bác-sĩ Jenner là một ân nhân của nhân loại, vì phương pháp trồng trái của ông đã tiêu diệt lần một tai ương lớn trên hoàn cầu : bệnh đậu mùa.

Bạn sẽ hỏi tôi làm cách nào

đều có một lượng số mủ đậu bò, cung-cấp cho hết mọi nơi, khi cần. Việc không khó. Trước hết phải tìm con vật có bệnh đậu bò. Lấy mủ để làm giống, rồi tìm một con vật khác (ở nước ta thường là trâu non, con nghé). Cạo một mảng lông trên một diện tích chừng 10cm². Lấy rượu 90° thoa cho sạch chỗ cạo. Rạch ngang dọc trên da. Ráng dùng cho rướm máu. Lấy mủ đậu bò để vào chỗ rạch. Cần bao kín để tránh vi-trùng và dơ bẩn.

Sau đó, chỗ trồng nổi mụn đỏ, mọng như thủy nang, rồi có mủ. Chính mủ này là mủ trái giống. Chỉ việc lấy kim và ống chích đã khử sát, rút mủ này ra, hòa với glycérine để cho mủ khỏi thúì, thế là ta có thuốc trồng trái. Chỉ việc chia ra thành ống 10, 100, 500, 1000 liều để phân phát đi các nơi. Khi có thuốc, tốt hơn để vào tủ lạnh. Nếu không có tủ lạnh, lấy một khúc thân cây chuối, bỏ dọc ra, khoét một hốc, để thuốc trong đó, buộc lại, có thể chống nóng trong một thời gian ngắn. Nếu muốn để lâu, thỉnh thoảng phải thay, khi thân chuối héo.

Về cách trồng trái tuy giản dị nhưng cần có vài điều nên chú ý.

Trước khi trồng phải sắp xếp các dụng cụ cho đủ. Phải có thuốc trồng, bút trồng, rượu 90°, goòng, nếu trồng cho nhiều người phải có đèn đốt bằng rượu.

Sau đó, phải tìm *chỗ trồng*. Người ta có thói quen trồng ở cánh tay trái, nhưng vì vấn đề thẩm mỹ, nhiều phụ-nữ không chịu có cái sẹo ở một chỗ lộ ra, ngay cả ở mặt ngoài đùi. Cho nên với trẻ sơ-sinh, người ta thường trồng ở gan bàn chân, chỗ kín đáo nhất. Kiểm được chỗ rồi, *khi trồng*, lấy rượu 90° lau sạch mặt da. Để rượu bay cho khô (vì còn rượu sợ hư thuốc), đừng thổi vì có thể bắn nước miếng đem vi-trùng vào chỗ da đã khử. Lấy bút trồng rạch ở hai hay ba điểm, mỗi điểm hai hay ba đường song hành, ráng dùng cho rướm máu, nghĩa là rạch nông, ở nội bì phu (intra - dermique). Sau đó để thuốc chủng trên chỗ gạch. Muốn cẩn-thận và có thể chứng nghiệm nên để một điểm rạch không thuốc chủng (vì nếu điểm này cương là do vi-trùng chứ

không phải trái cương). Muốn cho thuốc vào mau, nên lấy hai đầu ngón tay cái, kéo da cho hai mép rạch rời ra, gây một lỗ, thuốc chạy vào.

Kinh nghiệm ở các trường học, nhiều trẻ sau khi trồng, vừa ra khỏi, lấy tay chùi cho hết thuốc. Đó là một cử chỉ có hại, vì đem vi trùng vào nốt đậu trồng, thành mủ, lâu thành sẹo sâu. Vì thế nên băng chỗ trồng, nhất là với trẻ sơ-sinh, phóng uế luôn, khó giữ sạch.

LUẬT đã định việc *trồng trái* là bắt buộc, khi mới sinh, lúc bắt đầu đi học, khi nhập ngũ và nếu có dịch đậu mùa, mọi người lớn bé già trẻ đều phải trồng lại. Việc trồng trái cho toàn dân, nếu đã ban hành, thì xin đừng cự nự, vì có thể bị phạt tiền hay cầm giữ.

Những bạn đi ra ngoại-quốc, theo luật quốc-tế, nếu đã trồng lần đầu lúc bé rồi, nên trồng lại trước khi đi cho hợp pháp. Thời gian có hiệu lực về trồng trái lần đầu, theo khoa học là 5 năm, nhưng với luật quốc-tế chỉ có 3 năm — khi xuất ngoại, lại có gia-dinh, có con, thì đưa trẻ, phải đã trồng trái 14 ngày trước, mới được lên máy bay, hay xuống tàu về nước.

✱

Khi Jenner lấy mủ đậu bò, trồng cho người, ông dùng loại trùng sống và vẫn hoạt động,

nghĩa là gây ra một bệnh nhẹ, có thể gọi là bệnh trái giống, để tạo một miễn dịch tính đối với bệnh đậu mùa.

Pasteur dùng một phương pháp hơi khác. Ông dùng những *vi-trùng đã bị giảm độc tính*. Vì vậy người ta coi đó là nguyên tắc của phương pháp chủng bằng vac-cin (thuốc chủng) của Pasteur.

Đến đây, tôi xin giã từ thể nào là *độc tính* của vi-trùng.

ĐỘC-TÍNH hay lực độc, chúng tôi dùng để dịch chữ virulence. Mà virulence ở chữ virus mà ra. Virus theo gốc của nó có nghĩa là trấp, là một dịch thể, rộng ra nó có nghĩa là chất độc (poison), độc tố (toxine). Rồi danh từ này, được dùng để chỉ sức mạnh loại trùng truyền bệnh và cả những dịch thể hay chất độc (độc tố) nó tiết ra.

Như vậy, vi-trùng xâm lược và hoành hành trong cơ-thể, do chính nó, tức là thân mình vi-trùng (corps microbien) và còn do độc tố (toxine) của chúng.

Tác động của vi-trùng biến đổi tùy theo độc tính hay lực độc.

Có những vi-trùng sống như « ăn gỏi nằm nhờ » trong cơ-thể con người, không sinh bệnh, một phần do độc tính nó yếu, phần khác vì sức chống cự ta mạnh. Nhưng nếu gặp cơ hội thuận tiện, nghĩa là nếu ta suy

yếu, tức khắc, như «dậu đỏ bìm leo» nó phát bệnh ngay.

Còn nếu khi đột nhập, nó có độc tính mạnh, tức khắc nó hoành hành, ta mang bệnh.

Độc tính có thể tăng hay giảm.

Khi vi-trùng truyền từ súc vật này sang súc vật khác, từ người này sang người khác, thì cứ mỗi lần truyền qua, độc tính lại tăng lên.

Độc tính có thể giảm bớt do sức nóng, do sự làm khô, hay bằng thuốc sát trùng.

Như vậy, lúc đầu những thuốc chủng hay vac-cin, thuộc phương pháp Pasteur, là những vi-trùng sống, nhưng đã bị giảm độc tính, mất lực sinh bệnh, mà không mất lực sinh kháng, nghĩa là lực ngừa bệnh.

Phương pháp giảm độc tính dùng để chế vaccin, loại Pasteur thường là :

— sự để lâu năm, như thuốc chủng bệnh gà toi (choléra des poules)

— sự thoáng khí với vi-trùng bệnh than thư (charbon)

— sự làm cho khô như thuốc ngừa bệnh dại (rage) ;

— sự cấy trên khoai tây với mật bò, như thuốc ngừa lao BCG.

Về sau, những thuốc chủng thường dùng chỉ là những vi trùng đã giết chết, bằng sức

nóng, hoặc thuốc sát trùng, trộn với nước, như thuốc chủng ngừa bệnh thương hàn, bệnh tả, bệnh dịch hạch, v.v....

Nếu Pasteur dùng vi-trùng, thì học trò ông, G. Ramon, dùng độc tố vi-trùng, đem giảm độc tính, bằng cách đề độc tố, đã thêm chất formol với tỷ lệ 4 phần 1000, ở 40°. Ông đã biến độc tố thành một chất không độc, mà chúng tôi gọi là «biến độc tố Ramon» (anatoxine de Ramon), có thể dùng làm thuốc chích ngừa bệnh.

Đó là nguyên tắc của thuốc chủng ngừa các bệnh bạch hầu, uốn ván, đờng chích cho trẻ em từ 2 tháng đến 6 tuổi ở Đô-Thành.

Ngày nay, người ta không chích riêng từng thuốc chủng một, mà dùng phương pháp trộn nhiều thuốc chủng làm một hòa lộn, gọi là cách chủng liên hợp (vaccination associée). Thí dụ, Bộ Y-Tế đờng cho chích ngừa *ba bệnh* bạch hầu, uốn ván, ho gà, mà thuốc đã được trộn vào *một* mũi chích.

Những kết quả đã rõ ràng, sự ngừa bệnh chắc chắn. Đó là một phương pháp đầy tương-lai.

Lần sau, chúng tôi sẽ nói về phòng ngừa bằng Huyết thanh (sérum).

B. S. NGÔ-QUANG-LÝ

thời loạn cảm tác

★ **VÕ - DANH**

Tiếng chó oang-oang lẫn tiếng người,
Đâu buồn ? Đâu vẫn cứ vui tươi.
Xa miền đối loạn không nghe khóc,
Gần chốn nọ yên chỉ thấy cười.
Ưu-ái chừng thừa người nhắc nhở,
Giang-hồ nên lắm mặt ăn chơi.
Buồn tênh câu chuyện hồ thương thờ,
Hạ gió trăng kia biết sự đời !



mưa chiều

★ **PHƯƠNG-ĐÀI**

Lắng nghe mưa rớt ngoài trời
Nghe tim thương nhớ một người xa xôi.
Ngoại-ô chiều vẫn xa vời,
Tâm-tư hoài-bão cuộc đời phiêu-lưu.
Tay gầy đếm mãi ưu-tư,
Bờ sâu giếng mắt chiều thu lạnh lùng
Trời buồn mây tiếp nhớ nhung
Thương con chim én ngại-ngùng gió mưa
Buồn ơi biết mấy cho vừa !
Tình quê lưu-luyến chuyện xưa bên lòng,
Những chiều giăng áng mây hồng
Hương về nẻo vắng mà trông một người.



ỘT CHUYỆN THẦN THOẠI CAO-LY
o c á c e m

NĂM nay năm Cọp, Hoàng kể chuyện Trung - Thu con Cọp cho các em nghe nhé! Ngày xưa, bên xứ Cao-ly tại một nơi làng nhỏ hẻo lánh có một bà lão sống heo hút với hai cháu nhỏ, một trai, và một gái. Gần Tết Trung-Thu bà phải sang làm mướn cho ông phú-hộ để lấy ít nể và đường, về làm bánh cho hai cháu ăn, và chút ít tiền để mua cho hai cháu hai đèn con cá. Nhà ông Bá hộ ở một làng khá xa, nên bà phải đi vất vả lắm. Khi xong việc, bà được trả công bằng ba chiếc bánh

TRUNG THU CON CỌP

★ HUỲNH BỘI HOÀNG

Trung-Thu và chút ít tiền. Lúc ấy đã gần chiều, nghĩ đến hai đứa cháu đang trông ngóng, thì bà vội vã rảo cẳng trở về nhà. Từ nhà ông phú-hộ phải qua bốn cái đồi nhỏ, khi vừa đến đồi thứ nhất, bà gặp một con Cọp nói với bà: — Bà cụ ơi! Đợi gì trên đầu thế?

— À, đó là ba cái bánh Trung Thu cho cháu tôi.

— Nếu bà cho ta một cái, ta sẽ tha cho bà đi.

Bà đành phải cho con Cọp một cái bánh.

Khi bà đi đến đồi thứ hai, thì con Cọp lúc này ở đâu lại hiện

TRUNG THU CON CỌP

ra. Bà không trông rõ lắm, tưởng đâu là con Cọp khác, nên nói:

— Bà lão đợi gì trên đầu thế?

— Hai cái bánh Trung-Thu cho cháu tôi.

— Nếu Bà cho ta một cái thì ta sẽ không ăn thịt bà.

Bà lão đau khổ lại phải đưa cho Cọp một chiếc bánh.

Khi đi đến đồi thứ ba, lại vẫn con Cọp lúc này bỗng hiện ra. Bà lão mắt kém, không nhận ra là nó. Cọp nói:

— Bà lão đợi gì trên đầu thế?

— Đó là một cái bánh Trung Thu cho cháu tôi.

— Nếu cho ta cái bánh đó, thì ta để cho bà đi.

Bà lão trao chiếc bánh cuối cùng cho Cọp, nước mắt trào ra như mưa. Bà không còn gì đưa về cho các cháu đang mong chờ bà. Khi đi đến cái đồi thứ tư, con Cọp lúc này lại hiện ra:

— Nếu ta tha cho bà khỏi chết thì bà đền bù lại cho ta cái gì?

— Già chẳng có gì cả. Tức thì Cọp vỗ bà lão mà ăn thịt.

Cọp vốn tham ăn, ăn thịt bà còn muốn ăn cả thịt cháu. Nghĩ vậy, Cọp bèn lột bộ quần áo của

bà lão, mặc vào, cười thăm đắc chí, chạy nhanh đến nhà bà lão, gõ cửa.

Nghe tiếng gõ cửa, hai đứa trẻ mừng quá reo lên:

— A, bà đã về đấy ư, sao chậm thế? Nhưng sao tiếng của bà nghe lạ thế?

— Bà phải làm việc suốt ngày. Xay gạo xay nếp, phơi đường ra nắng...

— Bà đưa tay đây cho cháu xem. Sao tay bà không được mềm mại và sao lại có lông?

— Bà lạnh quá, nên phải đeo tất tay bằng lông cho ấm. Đứa bé nhìn qua lỗ cửa, nhận rõ ra là con Cọp lớn. Hai anh em sợ quá, bảo nhau lên chạy ra cửa sau, vội trèo lên cành cây cao bên bờ giếng.

Cọp chờ lâu không thấy mở cửa, xô mạnh cho cánh cửa toang ra mà nhảy vào. Không thấy bóng dáng hai đứa trẻ đâu, Cọp chạy ra cửa sau, nhìn xuống giếng thấy bóng hai đứa trẻ, bèn nói:

— Các em ôi, làm sao ta đưa các em lên được, ta thấy giầy cho các em leo lên nhé?

Nghe Cọp nói, hai đứa trẻ không thể nín cười, bèn cười

vang lên chế nhạo.

Tức mình, ngẩng lên ngọn cây nhìn, Cọp bảo :

— Các em ôi, chúng mày làm thế nào mà trèo lên cao được như thế ?

— Chúng tôi phải bôi dầu mè vào thân cây, nên trèo dễ lắm.

Cọp bắt chước bôi dầu mè vào thân cây, nhưng trơn quá, không sao trèo lên được, bèn nghĩ ra mưu kế :

— Các em giỏi thật, tự mình trèo được lên cây cao vút ! Bảo ta cách khôn khéo của các em với !

Hai đứa trẻ nghe Cọp nói, lấy làm sượng tai, không kịp nghĩ đến hậu quả tai hại, bèn trả lời :

— Chúng tôi lấy búa bở từng khúc nhỏ ở thân cây, nên bám vào mà trèo lên dễ dàng.

Cọp lấy búa bở cây theo như lời đứa bé chỉ dẫn.

Trong khi ấy hai đứa trẻ thấy ngay sự nguy hiểm sắp xảy đến cho mình, bèn chấp tay cầu khẩn Phật, Giời : « Xin gửi xuống đây cho chúng con một cái giây thật chắc, nếu Phật giời

muốn cứu vớt chúng con ! Nếu muốn cho chúng con chết thì cho chúng con một sợi giây đã mục ».

Nói dứt lời, tự nhiên một cái giây rất chắc ở trên gờ dồng xuống, kéo hai đứa trẻ lên mây xanh.

Cọp cũng bắt chước chúng, chấp tay cầu khẩn. Tự nhiên một cái giây cũ mục ở trên gờ dồng xuống. Cọp mừng lắm, bám lấy leo lên cao nửa chừng, giây đứt, Cọp ngã chết tan xương.

Khi hai trẻ lên đến Thiên-đình, vào chào Ngọc-Hoàng thượng đế, ngài phán rằng :

— Ở trên thiên-cung, ai nấy đều phải làm việc, vậy hôm nay Trung-Thu, ta cho đứa anh trai làm ánh sáng ban ngày, còn đứa em gái làm ánh sáng ban đêm để rọi ánh sáng êm đẹp xuống trần ai.

Thế là từ đó đứa em gái hóa ra nàng Tiên làm Mặt Trăng Thu. Nó vui sướng quá, nhưng đêm đêm nhớ Bà Nội, nước mắt trào ra, những hạt nước mắt là những ngôi sao lấp lánh trên nền trời...



★ SO SÁNH

Trong một tiệm ăn, hai cô ngồi ăn vừa nói chuyện thân mật. Một cô nói :

— Này chị ạ, em muốn kiếm một người chồng nào đối đãi với em như các ứng-cử viên đối đãi với cử-tri của họ vậy !...

sầu chính phụ

Chính phụ hà nhật thị qui kỳ ?

★ Bà B. TH. (Huế)

Sương gọi rừng phong lá-tả rơi,
Tranh thu ai vẽ cảnh không người ?
Trời tang, gió khóc, mây sầu tỏa,
Bề quạnh, thuyền không, nước lịm trôi.
Nhớ khách phong trần gươm dưới nguyệt,
Thương ai tơ tóc mộng-xa vời
Đêm mơ nâng chén mừng giao mặt,
Tỉnh giấc, sầu ôm gối lệ rơi.

chiều mưa nhớ nhà

TÔN NỮ HY-KHƯƠNG (Saigon, vào thu 1962)

Một mình nơi gác vắng trời xa,
Lặng giọt mưa rơi chạnh nhớ nhà.
Xao-xác gió về thêm lạnh-lẽo,
Lòng buồn càng gọi nhớ thương cha !

Nhớ những chiều mưa trên đất Huế,
Khi cha còn sống vẫn cùng con...
Bên lò sưởi ấm cha thường kể :
Câu chuyện tâm tình, chuyện nước non.

Nhớ lời cha vẫn dạy khuyên con :
« Chớ hiếu trung nên gắng giữ tròn.
Đối với gia-đình vòng nhớ hẹp,
Nhìn xa, thấy rộng có giang-sơn ».

Chiều nay đất khách nhớ quê hương,
Nhớ nắng hàng cau với cảnh vườn.
Nhớ nẻo đường về thôn Vỹ-Dạ,
Nhớ chiều thu quạnh lúc tà-đương.

Trông vời non nước chốn Bình Hương,
Nhấn-nhủ đôi lời, một tấm thương :
Về mái nhà xưa bên Nội-Lách
Có bao kỷ-niệm cũ còn vương...

Mình ơi!

Những người mù
Có thấy Không?

— Có chứ! Họ
thấy bằng tay,
họ thấy bằng óc...

— MÌNH ơi!

— Ơi, ơi, ơi.

— Tết Trung-Thu này, Mình với em đi thăm Trường Mù ở Chợ-lớn nhé?

— O. K.

— Mình có định đem quà bánh gì biếu các em học-sinh mù không?

— Có chứ. Tụi mình sẽ mang theo một ít bánh Trung-Thu.

— Máy lần em định đi với Mình chỗ này chỗ nọ, nhưng cứ bận việc nọ việc kia... Rốt cuộc em chẳng được đi đâu với Mình cả. Em chẳng được thấy gì hết. Em cũng như người mù vậy thôi! Em tức quá!

— Em có ý định đi thăm trường Mù thì đi trong dịp Trung-Thu này. Em sẽ thấy tình cảnh đáng thương của những trẻ em mù. Em sẽ thông cảm với tâm sự người mù, em sẽ hiểu họ và thương họ lắm. Em sẽ được học hỏi nhiều về những khả năng của người mù, những hoạt động của họ trong một thế giới riêng biệt mà không có ánh sáng mặt trời lọt vào.

— Em muốn xem họ sống cách nào, và học hành cách nào? Họ không thấy gì cả mà sao họ học được, hả Mình?

— Họ vẫn thấy chứ, họ thấy bằng bàn tay, họ thấy bằng trí óc, họ thấy bằng trực-giác. Họ

không cần ánh-sáng của mặt-Trời, mặt-Trăng, họ có một ánh-sáng của họ: ánh-sáng của Tin-tưởng. Đôi mắt nhắm riết của họ chính là đôi mắt của thông-minh, trí-tuệ, và trong đêm thăm bụng - bí mật - mù họ nhìn thấy tất cả. Không cần cánh cửa mở rộng ra trước những nhãn tuyến của cuộc đời, họ vẫn cảm thông với Vũ-trụ, với người, với Thượng-đế.

— Nhưng trời sinh ra những người đui-mù để họ khổ-sở làm chi thế nhỉ?

— Trời nào mà sinh ra những người đui mù! Có những kẻ ngay từ khi lọt lòng mẹ ra đã không thấy ánh-sáng, là do các bệnh di-truyền của cha mẹ. Hoặc có những kẻ bị tật mù là do các chứng bệnh nguy-hiêm mà không có phương-tiện cứu - chữa kịp thời, như lên đậu, đau ban, đau mắt hột, v.v... hoặc bị những tai-nạn làm hư hỏng tròng con-mắt, như bị phỏng lửa, bị đạn, v.v... Theo những tỷ-lệ của Hội-nghị quốc-tế Người mù, có đại-diện người mù của 49 nước tham dự tại nước Ý năm 1959, thì trên Thế-giới hiện nay có chừng 15 triệu người mù. Trong 1000 người có thể có 1 người sống trong cảnh đêm dài vô tận. Riêng ở Việt-Nam ta có

thề có đến từ **25 đến 30** ngàn người mù, đang sống trong cảnh âm-thầm đau khổ. Đó là chưa kể rồi đây vì chiến tranh kéo dài, con số người mù vì nạn binh hỏa còn sẽ tăng lên nữa. Và nếu chẳng may có chiến tranh Nguyên-tử trên Thế-giới thì có thể nói trước rằng phóng xạ nguyên tử sẽ làm cho 1 phần mười nhân loại sống sót sẽ bị mất ánh sáng.

— Người mù chắc là đau khổ lắm, Mình nhỉ? Em tưởng - tưởng ngộ lẽ một ngày kia cặp mắt em bị đui vì một tai nạn nào bất ngờ, chắc em không sống được đâu, Mình ơ!

— Chưa hẳn đã thế. Vì phần đông người mù sống bằng tin-tưởng, bằng nhẫn-nại, bằng cố-gắng xây dựng một đời sống hữu ích. Và họ vẫn hạnh-diện là có cuộc sống đầy đủ trong tinh thần. Hồi tháng **5 năm 1960**, một người đàn bà mù ngoại-quốc có danh tiếng là bà **Gralt**, đã đỗ bằng Tiến-sĩ Triết-lý, và làm nữ giáo-sư mù tại Đại-học đường Los Angeles đi vòng quanh thế-giới, có ghé qua Việt-Nam. Bà có tuyên bố: « Tôi đã nhận xét rất rõ ràng vạn vật, cùng các danh lam thắng cảnh mà tôi đã viếng trong cuộc du hành này. Tôi sung sướng nhất là đã nhận định được nhân tình thế-cố tại các nơi tôi

đã đi qua. » Trừ ra hạng người mù thất học và nghèo khổ phải đi xin ăn, còn thì những người mù có đôi chút trí-thức, có tài họa, đều biết xử-dụng những khả-năng của họ và đã thành công, hoặc hơn nữa, đã chiếm những địa-vị ưu-tú trong xã-hội.

— Họ đui mắt, không thấy chữ, làm sao họ học được, hả Mình?

— Họ có một lối chữ riêng, gọi là *chữ nổi*, do một vị giáo-



Louis Braille

sư mù người Pháp, là **LOUIS BRAILLE** có sáng-kiến đặt ra để cho người mù học. Louis Braille, sinh năm **1809**, chết năm **1852**, bị mù từ hồi 3 tuổi, giỏi về âm-nhạc, sau làm giáo-sư trường mù ở Paris, và đặt ra một mẫu-tự riêng cho người mù, nay gọi là mẫu-tự Braille

được thông-dụng khắp cả các trường mù trên thế-giới.

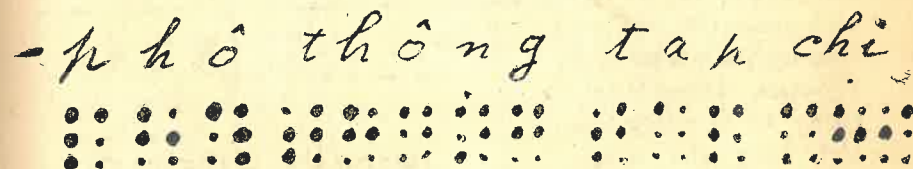
— Mẫu-tự Braille như thế nào, hả Mình?

— Mẫu-tự Braille viết bằng những chấm nổi, đại khái như sau đây:

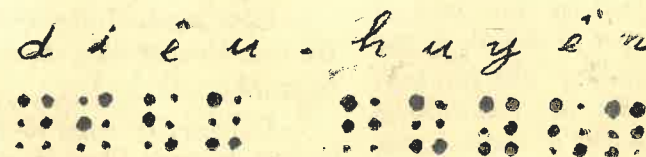


chò đến x, y, z... và những con số cũng bằng những chấm nổi.

— Thí-dụ như bốn chữ *Phò-Thông tạp chí* viết theo mẫu-tự Braille như thế nào?



— « *Diệu-Huyền*, viết như thế nào?



— Ngộ quá, Mình nhỉ! Họ học cách sao, hả Mình?

— Người học trò mù bắt đầu học ABC với một tấm bảng bằng giấy cứng lớn bằng một tờ giấy viết thư và trên đó có đục sẵn các mẫu tự nổi như trên. Họ sờ ngón tay trên mỗi chữ và sẽ nhớ

rõ từng chữ, mỗi chữ bằng 6 chấm, có những chấm lớn và chấm nhỏ khác nhau.

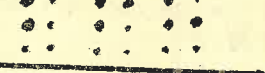
— Có khi nào họ lầm lẫn chữ này với chữ khác không, Minh ?

— Không bao giờ. Anh đã xem các tấm bảng mẫu tự Braille tại các lớp trường Mù Chợ-lớn, in nổi lên cả một bài thơ, hoặc một bài văn, một bài Sử-ký, Địa-Lý, Toán, v.v... Anh đã thấy các em mù 13, 14 tuổi, sờ ngón tay lên những tấm bảng ấy và đọc vanh vách trang này qua trang khác nguyên một bài Sử-Ký Việt-Nam, không khác gì chúng ta đọc một trang sách bằng chữ in vậy.

— Ngộ quá há, Minh !

— Tại Trường Mù Chợ-lớn, ít hôm nữa em vào xem sẽ thấy cả một tủ sách đựng đầy những tấm bảng giấy ấy, toàn in bằng chữ nổi theo mẫu-tự Braille, và gồm đủ các sách giáo khoa chương trình tiểu-học: Địa lý, Sử-ký Việt-nam, Việt-văn, Toán, v.v... không thiếu môn học nào cả. Có cả những bản đồ Việt-nam và Thế-giới cũng

in bằng phương pháp nổi. Anh đã được xem một em mù ngồi lặng lẽ làm một mình một bài toán như sau đây :

	268
	x 12
	536
	268
	3216

Hiện nay khắp các trường mù trên thế-giới, đều dùng phương-pháp chữ nổi của mẫu-tự Braille.

— Minh ơi, lên Trung-học và Đại-học, họ cũng dùng các sách bằng mẫu-tự Braille ?

— Dĩ nhiên, ở nước ta chỉ mới có trường Tiểu-học mù, nhưng các nước tân tiến Âu-Mỹ đã có các lớp Trung-học và Đại học riêng biệt cho người mù, và số thanh niên mù thi đỗ Cử-nhân,

Tiến-sĩ về Triết-học, Văn-học, Khoa-học, không phải là hiếm. Phần nhiều họ ra làm Giáo-sư, hoặc viết sách, hoặc làm các chức lớn trong các công sở. Ông **Henry Fawcett**, nhà kinh-tế-học danh tiếng của nước Anh, (1833-1884) bị đui hồi 20 tuổi vì bị tai nạn rủi-ro trong một cuộc săn bắn. Người yêu của ông là cô **Milicent Garrett** sau làm vợ ông, biên chép các tác phẩm của ông về kinh-tế chính-trị học. Hai lần ông được cử làm Bộ-trưởng Bộ thương mại. Ông làm giáo-sư trường Đại học Cambridge. Bà **Dufrénoy**, nữ-sĩ Pháp (1765-1862) đui lúc 15 tuổi. Bà vẫn kiên tâm học tập và đã viết hai quyển sách: « *Livre du 1er âge* » và « *Education Maternelle* » được Hoàng-đế Napoléon 1er khen tặng và ân thưởng. Bà **Bertha Galero de Calonne** đui từ lúc 6 tuổi, tự học, sau viết tập thơ « *Dans ma nuit* » (Trong đêm thắm của tôi) rất được tiếng tăm hồi đầu Thế-kỷ XX này. **Pierre Villey**, nhà bác-học Pháp, bị đui từ hồi 10 tuổi, giáo-sư Đại học Paris, tác-giả quyển « *Le monde des Aveugles* » (Thế-giới người Mù) xuất bản năm 1914. **William Pres-**

cot, nhà Sử-học lừng-danh nước Mỹ (1796-1859) bị mù từ lúc thiếu-thời, có cô em gái là Elisabeth làm thư-ký, biên chép các tác phẩm của ông gồm có tập thơ « *Elégies* », vở kịch *Ferdinand and Isabelle*, và quyển Sử ký *Conquête du Mexique*. Văn của ông rất hấp dẫn. **Augustin Thierry**, (1795-1856) Văn-sĩ Pháp, Hàn-lâm-viện văn-học. Đui lúc 36 tuổi. Phải nằm giường đọc thơ cho cô thư-ký chép suốt 20 năm trời. Ông sản xuất nhiều tác-phẩm đặc sắc: « *Récits des temps Mérovingiens* 1835, « *Considérations sur l'Histoire de France* » 1840, v.v... **Louis Vi dal**, đui từ thuở mới sinh, trở nên nhà điêu-khắc đại tài của Pháp, chuyên về nghề chạm trổ và khắc. Những bản khắc của ông « *con nai gần chết* », « *con sư-tử nằm* », « *con bò rừng* » v.v... hiện còn được chừa bày tại các Bảo-tàng viện Âu-châu. Ông chết năm 1892 tại trường Mù Paris. Nhà Toán-học Anh **Nicolas Saunderson** (1682-1739) đui từ thuở nhỏ, cũng tự-học, sau làm giáo-sư Đại-học Cambridge, viết nhiều sách toán-học. **John Milton**, nhà thi hào Anh-quốc (1608-

1674) lừng danh khắp thế-giới, cũng đui. Ông là tác-giả tập thơ bất hủ *Lost Paradisia* (Đã mất Thiên-đường). **Gabriela d'Annunzio** (1863-1938) Thi-hào Ý, vừa là phi công, bị đui sau trận đại chiến 1914-1918, tác-giả tập *«Notturmo»* (Đêm). **Galilée** (1561-1642) nhà Bác - học và Thiên-văn học nước Ý, bị đui từ năm 1636 sau khi ông chủ-trương Quả Đất xoay tròn chung quanh mặt trời, trái với Giáo-hội La-mã, và bị kết án. Trở về xưa một chút thì có **Didyme**, nhà Bác-học Hy-lạp, thế-kỷ IV, đui hồi bốn tuổi, nhà triết-học Hy-lạp **Démocrate**, 460 năm trước J.C. tự đâm hai con mắt cho đui để đừng trông thấy cảnh vật thực-tế, và đề tập-trung tư - tưởng vào các triết-lý của ông. Chính Démocrate là người đã phát minh ra đầu tiên ý-niệm về nguyên-tử. **Homère**, nhà Đại-Thi-hào Hy-lạp, bị đui hồi 40 tuổi. Hoàng-đế Alexandre III mê thơ của Homère đến nỗi ông giữ kỷ các bài thơ tuyệt-tác của tác-giả hai bộ truyện *Odyssée* và *Iliade* trong một hộp bằng vàng luôn luôn để trên đầu năm của Vua. Trong Thần-thoại Hy-lạp có kể chuyện **Tirésias**,

một nhà học-giả uyên-thâm, vì nhìn trộm Nữ - thần Chariclo đang tắm, mà bị đui mắt ! Ở Việt-Nam ta, nhà thơ **Nguyễn-đỉnh - Chiếu** (1882 - 1888) vì thương khóc mẹ mà đui mắt, có thơ tự an-ủi giữa lúc loạn-ly, đất nước bị ngoại-xâm, dân-tình khốn-khở, lòng người đảo điên :

*Thà chò trước mắt mù - mù,
Còn hơn ngồi ngó kẻ thù, quân thân.*

*Thà chò trước mắt tối tăm,
Chẳng thà thấy đất lục trầm*
can qua.

*Dầu đui mà giữ Đạo nhà,
Còn hơn có mắt, ông cha*
không thờ.

*Dầu đui mà trọn danh nhỏ,
Còn hơn có mắt ăn dơ tanh*
rình.

Tác-giả *«Lục-vân-Tiên»* thật là bi-quan, nhưng khí - khái, tuy mất mù mà vẫn hãnh - diện giữ được tâm - hồn sáng - suốt, phẩm - giá thanh - cao. Ông không đến nỗi mất hết tin tưởng như Thi-sĩ La-tinh chỉ sợ té xuống hố :

*Si coecus coecum ducit,
ambo in foveam cadunt !*

Đặc-biệt nhất là có nhà Triết học không mù **Diderot** (1713-

1784, người Pháp) lại viết một tập « Thư nói về người Mù đề cho người không mù đọc » (*Lettres sur les Aveugles à l'usage de ceux qui voient*). Ông bị 3 tháng tù vì trong những bức thư kia nhà văn-sĩ triết học nhạo báng bọn chánh quyền thời bấy giờ tham-lam và mù quáng, có mắt mà không có con người !

— Hèn chi người ta thường nói : *có tật, có tài*, Mình nhĩ ! Những người mù lòa mà văn hay, đờn giỏi, trí rộng, tài cao, còn hơn những kẻ có mắt mà chỉ giỏi nghề vơ vét, tham lam



Đại úy Hiệu trưởng trường Mù - Chợ Lớn

ích kỷ, và mù - quáng chẳng nhìn rộng thấy xa. Nghe mình nói chuyện người mù, tự nhiên em lại thương người mù.

— Tết Trung-Thu này, em đi với anh vào thăm Trường mù ở Chợ-Lớn, em sẽ chứng kiến một điều lạ thường. Tất cả, từ ông hiệu trưởng, các vị giáo-sư đến các em thiếu sinh, đều mù, nhưng tất cả đều chăm chỉ làm việc, dạy-dỗ, học hành, rất vui vẻ và hăng hái. Giữa ánh sáng bạch nhật, họ vẫn sống trong một thế-giới đen tối không biết ánh sáng là gì, nhưng họ vẫn hoạt-động trong u - u minh-minh với một thiện chí và một tình thương đoàn-kết thanh cao phi-thường, như có một ánh sáng thiêng-liêng hơn ánh sáng đầy bụi-bậm, đầy dơ bẩn của thực-tế mà ta đang nhoi-nhút sống đây.

Bà Tú tùm-tím cười hỏi :

— Mình ơi, nói đại, thí dụ như một ngày kia em lỡ bị mù hai con mắt, Mình còn yêu em nữa không ? Hay là Mình thấy em mù lòa Mình lén qua lại o-bế cô Tám-Hột-Vịt-Lộn ?

Ông Tú, phì cười :

— Đề anh kể một chuyện nho-

nhỏ trong sách Tàu cho em nghe. Dưới đời vua Đường Thái Tôn, có viên danh tướng tên là *Phòng Huyền-Linh*, lúc hàn vi một hôm ốm nặng xuyết chết, gọi cô vợ trẻ đẹp như em, tên là *Lư-Thị* đến đề trời: « Em ơi, thế nào anh cũng chết. Tuổi em còn trẻ, không thể ở góa suốt đời, vậy em nên liêu mà ăn ở cho tử-tế với người chồng sau. » *Lư-thị* khóc nức-nở, vào buồng, lấy dao khoét một con mắt cho mù. Chồng hỏi:

« Trời ơi, tại sao cặp mắt em đẹp thế mà em nỡ làm cho đui mắt một con ? » *Lư-thị* đáp : « Để cho Mình thấy rằng dù

Mình có chết chẵn nữa, em cũng nhất định không lấy ai. » *Phòng Huyền-Linh* quá cảm động vì tình yêu trung-thành của vợ nên *khỏi bệnh liền*. Đó là chuyện bến Tàu. Không biết sau này, nếu anh chết, em có khoét một con mắt màu cyclamen của em không, nhưng phần anh ngộ nhờ em chết trước anh, có lẽ anh sẽ khoét cả hai con mắt của anh, em à !

— Thôi đi, Mình nói dốt ! Em không tin đâu !

Ông Tú và bà Tú đều cười xòa cho trôi câu chuyện...

Diêu-Huyền



★ GIỎI SINH NGỮ

Hai vợ chồng trẻ, thuộc phái mới, đều du-học ngoại-quốc về, và giỏi *Pháp-văn*, *Anh-v* ăn.

Có người cắc cớ hỏi :

— Ở nhà, anh chị thường dùng tiếng gì để nói với nhau ? Bà vợ trả lời :

— Khi chúng tôi cãi nhau thì cãi bằng tiếng *Anh*, đi chơi thì nói bằng tiếng *Pháp*, và... hầu hạ mẹ chồng thì bằng tiếng *Việt*.

Tem thư

Quốc-tê



t
e
m
t
h
ư

màu theo lỗi chạm-nổi tại Nhà In Thomas de la Rue ở Londres. Mỗi tờ có 50 tem.

Mẫu tem do cô *Vũ-thị-Ngà* vẽ và hình dung một em bé mặt mày vui tươi, tay cầm đèn giấy, dự cuộc rước đèn giữa một đêm thu trong sáng, dưới sự chứng kiến của Chị Hằng vàng vạc giữa trời.

Tết Nhi Đồng

★ ĐỊNH - ĐIỀN

TEM-thư « Tết Nhi-Đồng » phát hành ngày 27-9-1958, có 5 giá tiền (0đ30, 0đ50, 2đ, 3đ và 4đ).

Đặc-tính của tem-thư như sau : Khô 25x35 ly, in một

« Ngô đồng nhất điệp lạc, thiên hạ cộng tri thu », mỗi độ lá ngô đồng rụng là người ta biết thu sắp đến.

Người ta mong thu lại, người ta chờ đợi thu, để

thường thức rằm tháng Tám.

Khác với mọi rằm trong năm, Rằm tháng Tám được coi như một cái Tết, vì là một ngày lễ lớn và vui nhất sau Tết Nguyên-Đán.

Những năm sau này, người ta gọi Tết đó là « Tết Nhi-Đồng » nghĩa là ngày vui của trẻ em, nhưng xưa kia các cụ gọi là « Tết Trung-Thu » vì đúng vào giữa mùa thu. Trước nữa, người Tàu gọi đó là « Lễ Trông Trăng » (dịch tiếng Pháp là « Fête de la Contemplation »).

Lễ thường trăng, trông trăng do Vua Minh-Hoàng Nhà Đường (713-755) truyền lại, vì theo sử sách Tàu, sau khi « Du nguyệt-Điện », được Hằng-Nga đón tiếp và mời xem các đoàn tiên đồng, ngọc nữ xách đèn múa hát theo điệu nhạc du dương giữa cảnh thần tiên muôn màu vạn sắc rất thích ý và lúc về trần gian bèn cho tổ chức cuộc vui trăng để cùng Dương Quý Phi, một tuyệt sắc giai-nhân, ngự xem.

Vua Minh-Hoàng cho xây trong cung một « Vọng nguyệt

Đài » ở Hồ Thái-Dịch, để mỗi độ rằm tháng Tám, vua cùng Dương quý Phi đèn đỏ ngắm trăng cho rõ trong một khung cảnh thơ mộng, có cây, có nước, có gió mát, tương tự như cảnh nguyệt điện nằm thây trong mộng.

Dân-gian bắt chước theo đó, và hằng năm, mỗi độ rằm tháng Tám là tổ chức những cuộc vui chơi, rước đèn, ăn bánh ngọt, nhấm rượu cúc và trà thơm.

Các cụ của ta ngày xưa, bị ảnh hưởng của nền văn-hóa Trung-Hoa, nên cũng thường thức Tết Trung-Thu ăn bánh uống trà và ngắm xem trăng trong vầng vặc giữa trời, chờ cho đến khi « thổ lặn » mới tan cuộc vui.

Tết Trung-Thu lại là một dịp cho các thi-sĩ « để huế lưng túi gió trăng », ngắm trăng, uống rượu và làm thơ :

*« Đêm thu giăng sáng một trời,
Một mình ngồi tưởng sự đời
nghĩ quanh ».*

Các nhà nông ở thôn quê, mỗi độ Rằm tháng Tám, lại cùng nhau tụ hợp ngoài sân

đình để ngắm trăng, xem trăng nhưng không phải với tâm hồn nhà thơ tìm :

*« Gương nga vắn-vặc dòm sông,
Vầng gieo ngăn nước, cây lồng
bóng sân »*

trái lại, nhà nông xem trăng tháng Tám để tiên tri mùa lúa năm tới.

Theo các cụ, nếu đêm rằm tháng Tám, trăng trong thì năm tới được lúa mùa, trăng mờ thì được lúa chiêm, còn nếu bị trời âm-u mây dày che lấp không thấy trăng thì sẽ mất mùa.

Ta cũng nên biết ngày xưa các cụ hay lấy việc này để suy đoán việc khác, như ở bên Tàu, họ Vương tên Lưỡng-Tùng, vợ họ Hà, cầu tự ở núi Hoành-Sơn, năm mộng thấy một ông lão cho ba cành đào, bèn lấy đó để tiên đoán sau này vợ mình sẽ sinh hạ hai con gái và một con trai, vì một cành đào có quả, một cành mới nở hoa và một cành hoa nở đã nửa tàn.

Mỗi độ Tết Trung Thu, thừa dịp người lớn thưởng-thức trăng, các trẻ em cũng làm đèn giấy hình ông nghè, ông công, hình rồng, phượng, cùng nhau sắp hàng dạo chơi

múa hát ngoài đường.

Vầng trăng trong và đẹp, gương mặt hồn hờ vui tươi của các em, tạo cho rằm tháng Tám một khung cảnh vui nhộn, một rằm tháng Tám mà xưa kia chỉ dành cho các cụ một thú vui tịnh.

Những năm về sau này, « Rằm Tháng Tám » được chọn làm ngày lễ của trẻ em, cũng như lễ « Hai Bà Trưng » được chọn làm « Ngày phụ nữ Việt-Nam ». Vì thế nên gần đây, ta gọi « Rằm Tháng Tám » là « Tết Nhi Đồng » và tổ chức những cuộc vui chơi lành mạnh cho trẻ em, rước đèn, phát quà bánh cho trẻ em. Những trẻ em xấu số, mồ côi hay thiếu thốn cũng được các cơ quan xã hội, từ thiện phân phát đồ chơi, quà bánh, để « Tết Nhi Đồng » là Tết của mọi trẻ em không phân biệt giàu nghèo có gia đình hay vô gia-dình.

★

MỘT VIÊN KỸ-SU TRỞ THÀNH TRIỆU-PHÚ NHỜ SƯU-TẬP TEM-THU

Theo tin A.F.P. đăng một mẩu chuyện trích trong tạp-chí Ogoniok, thì có một viên kỹ-

sư xứ nọ đồng thời là một nhà chơi tem, một hôm tình cờ bóc một con tem trên mảnh phong-bì, thấy dưới con tem đó một tem-thư khác. Điều may mắn cho viên kỹ-sư là tem-thư sau này thuộc loại tem quý, đáng giá bạc triệu vì là tem thư của Đảo Maurice.

Nhờ vậy, thính không viên kỹ-sư trở thành triệu-phú.

Câu chuyện mảnh phong-bì này cũng hơi ngộ nghĩnh, vì vào năm 1943 một toán du-kích Ukraine bắt được một sĩ-quan Đức và khám xét trong túi thấy có 20 mảnh phong-bì như vậy.

Nghĩ những mảnh phong-bì này có những ám-hiệu gì, nên viên chỉ huy toán du-kích giữ lại để điều tra. Một thời-gian khá lâu, sau khi chiến-tranh chấm dứt, viên chỉ huy này biểu các mảnh phong-bì nói trên cho bạn là viên kỹ-sư. Dịp may hiếm có là lúc bóc các tem-thư, đã tìm thấy tem của đảo Maurice.

Nên biết thêm là đảo Maurice, nguyên trước kia là « Ile de France » nằm ở phía Đông đảo Madagascar, ở Ấn Độ Dương và là thuộc-địa Pháp. Năm 1810 đảo Maurice trở thành thuộc-địa Anh, dân số

405.000 người, gọi là « Mauriciens ». Đảo này phát hành tem thư đầu tiên vào năm 1847, nghĩa là trước Pháp (1849) và sau Anh (1840).

Những tem-thư của đảo Maurice thuộc loại tem hiếm, có nhiều « variétés » và hiện nay trên thế giới chỉ còn sót lại chừng 30 tem tương tự. Cũng như một món hàng bị chi-phôi bởi luật cung cầu, tem-thư ít chừng nào quý chừng đó, cho nên tem-thư của đảo Maurice bán trên thị trường quốc-tế buru-hoa với giá trên bạc triệu. Nhờ thế nên dịp may đã giúp viên kỹ-sư trở thành triệu-phú.

Các bạn chơi tem cũng nên để ý một khi gặp tem ngoại-quốc cũ, thay vì xé bỏ, nên giữ lại nhờ các chuyên-viên xem giùm cho vì biết đâu tem thư nằm trong tay bạn thuộc loại tem quý và có thể giúp bạn trong giây phút trở thành triệu-phú như viên kỹ-sư nọ.

● CHUYẾN THƯ ĐẦU TIÊN CHỖ BẰNG KHÍ - CẦU

Ngày nay không còn thư từ chuyên chở bằng khí cầu nữa,

nhưng thế kỷ trước, việc chuyên-vận thư-từ theo lối này rất thông thường, vì máy bay chưa có nhiều.

Lâu nay người ta tưởng lầm chuyến thư đầu tiên chuyên chở bằng khí-cầu (premier aérostat-poste) có vào năm 1790, lúc kinh-đô Ba-Lê bị quân Đức bao vây. Trong thời gian bị bao vây, từ ngày 18/9/1870 đến ngày 28/1/1871 Ba-Lê chỉ có thể cho tin tức ra ngoài nhờ chim bồ câu hay khí-cầu.

Thật ra, chuyến thư đầu tiên chở bằng khí cầu có vào cuối thế-kỷ thứ 18, đúng vào năm 1793, căn cứ vào các tài liệu hiện lưu-trữ ở Sở Lưu-trữ Văn Thư thuộc Bộ Quốc-Phòng Áo.

Bác-sĩ Josef Sokoll, phụ-trách Sở Lưu-trữ Văn Thư nói trên, vừa tìm thấy trong các vấ-thư lưu-trữ, một bó gồm 18 phong thư đóng nhật ấn những ngày 10/6 đến 14-6-1793 do các sĩ-quan và binh-sĩ Pháp bị bao vây trong pháo đài Valenciennes gửi ra ngoài bằng khí-cầu. Những phong-thư này đã rơi vào tay quân địch, và Thông-Chê Cobourg, viên chỉ huy Bộ Đội Áo, nhận thấy những thư này không có gì quan trọng nên đã chuyển tất cả về Triều-Đình Vienne

ngày 15/6/1793, nghĩa là 1 ngày sau khi lượm được các phong thư.

Từ đó đến nay, 18 phong thư nằm ngủ yên trong các ngăn kéo của Sở Lưu-trữ Văn Thư cho đến hôm bác-sĩ Josef Sokoll tìm thấy, bóc ra xem và thấy phía ngoài bó thư có một mảnh giấy của hai ông Cochon và Briez (cũng bị bao vây trong pháo-đài Valenciennes) yêu cầu ai lượm được những thư này thì nhờ trao lại cho Hội-Đồng Thành phố gần nơi đó nhất. Cũng trong bó thư này có hai thư của ông Leclerc gửi cho cha, ngoài bì có ghi hàng chữ « Khí cầu sắp bay », và gửi cho bạn là ông Magloire, ngoài bì có ghi hàng chữ « Thư gửi cho ông Magloire ở Mansle bằng khí-cầu ». Còn lờ thư kia thì phía ngoài không ghi gì cả, địa-chỉ ghi phía trong.

Nhờ sự tìm thấy này, nên người ta mới được biết là chuyến thư đầu tiên chuyên chở bằng khí-cầu có vào cuối thế kỷ thứ 18, năm 1793, nghĩa là 10 năm sau khi hai anh em ông Montgolfière phát-minh ra khí-cầu vào năm 1783, đặt tên là « Montgolfier » và cho bay thử chuyến đầu tiên vào ngày 1-6-1783.

ĐÌNH-ĐIỀN

Bức tranh Vân Cầm

Miền Nam không có mùa Thu ?



Ồ kẻ cười mà
hỏi rằng : ở
miền Nam đâu
có mùa Thu ?

Có kẻ không cười đáp rằng :
ở trong trái tim miền Nam có
một mùa Thu. Mùa Thu, cũng
như mùa Xuân, không có
mảnh đất nào của Việt-Nam
không có. Mùa Thu ở trong
mạch sông của Đất, mùa Thu
ở trong hơi thở của Trời.
Mùa Thu ở trong hồn của
Thi-nhân, mùa Thu ở trong
nụ cười của em trẻ.

Mùa Thu ở miền Nam vẫn
êm đẹp, không nóng gắt như
mùa Hè, không lạnh ngắt như
mùa Đông.

Lá vàng vẫn rụng đó đây,
âm-thầm, trong nắng dịu. Sao
bảo trời miền Nam không có
Thu ?

Bồn mùa ở Nam có khác
hơn bồn mùa ở Bắc : có khác,
không phải là không có. Lòng
trời cũng như lòng Người.

Tính-tính người Bắc không
giống hẳn như tính-tính người
Nam : không giống hẳn, không
phải là không giống.

Vẫn có kẻ cười mà bảo :
Miền Nam không có Thu. Nụ
cười nhạt-nhẽo ấy chắc không
phải của Thi.Nhân.

Thi-nhân mà không thấy
mùa Thu, thì mùa Thu chắc
không bao giờ về trong hồn
Thi-nhân vậy ?

Nhưng mùa Thu vẫn có về
trong nụ cười của các em.

Mùa Thu đã về đây, các
em.

★ TÂM-T RÍ



XEM TRANH CỦA
NỮ HỌA-SĨ

THU - NGÀ

★ CHÂU-ANG

BAY giờ đèn lượt Thu-
Nga triển lãm. Rất đẹp.
Phòng tranh có không khí dễ
chịu cho người xem và có đôi
chút khác lạ.

Cái khác không phải ở kỹ-
thuật điêu luyện, mà chính là
mang đến cho người thưởng
ngọa sự ngạc nhiên, thoải
mái để còn nhìn thấy ở đây ý
muốn thoát lên, sự tìm, hay
ít ra cũng là những bước đầu
chân thành và yêu nghề.

Chưa nói về phẩm vẽ, chỉ
riêng điều này đã làm tôi chú
ý nhiều đến phòng tranh
Thu-Nga.

Trông coi gia-đình, làm các
công việc thường ngày như
những người đàn bà đảm

đang. Thu-Nga dành rất ít thì
giờ cho Hội Họa. Bà tự học,
làm việc một mình. Thỉnh
thoảng bạn bè đến xem tranh
qua những cuộc thảo luận
thân thiết với nhau về nghệ
thuật. Đó là những lúc Thu
Nga thu thập, chú ý đến câu
chuyện để làm bài học riêng
cho mình, một phần ở sách vở,
cộng thêm sự cần cù và kinh
nghiệm làm việc riêng để trở
thành như Thu-Nga bây
giờ.

Và 70 bức tranh, một số
tranh khá lớn đòi hỏi to tát
ở sức vóc đàn bà của Thu-

Nga rất nhiều. Tôi nghĩ rằng — dù mới lần đầu — kết quả cuộc trưng bày này của Bà đã có tốt đẹp.

Tôi vẫn thường nghĩ ngờ những người đàn bà làm tranh sơn dầu. Thế mà một phần của phòng tranh Thu. Nga đã vượt ra ngoài sự nghĩ ngờ đó. Nét tranh

Thu-Nga bạo, màu phấp phới và nhẹ nhàng, hồn nhiên như mặt trời.

Bà vẽ phong cảnh nhiều và khá thành công. Một vài bức vẽ PHỒ thích lắm. Bờ cực chắc, mạnh và thoát, sự đơn giản rất vừa cho một bức tranh đẹp. Tôi đã nhìn thấy ở Thu-Nga, thấp thoáng một xu-hướng Hội Họa mới trên những tác-phẩm này : số 3, 4, 15, 54, v.v... Chúng đã nghiêm nhiên đứng vào một góc xứng đáng trong số những tranh khá khác của Thu - Nga. Có những nét đôi khi ngô nghê, tỉnh bơ một cách thú vị mà



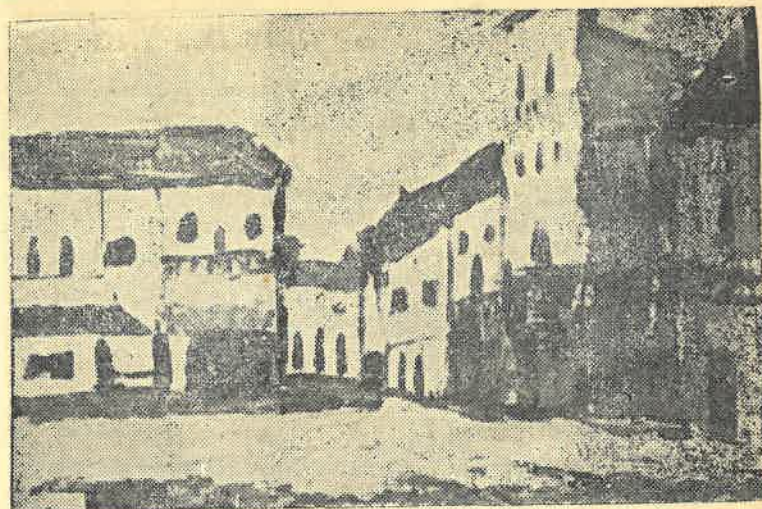
Nắng trong thôn

Thu-Nga đã chấp nhận được nó như một điều cần thiết.

Nghệ thuật vốn không phải là sự khéo tay. Và bà đã ý thức được điều đó một cách đang khien.

Nhưng Thu-Nga có một điểm yếu rõ rệt : Cảm hứng của bà không đều. Vẽ cảnh khá, chân dung và tĩnh vật thì trái ngược hẳn. Nhiều bức vẽ họa nhìn rất tức mắt. Tôi tự hỏi : Tại sao có sự cách biệt nhiều đến thế ?

Thí dụ : số 11, 34, 64, 66, v.v... là những tranh điển hình cho sự yếu kém của Thu Nga vậy, (nghĩa là tranh vẽ người và tĩnh vật).



Phố cũ

Trong bài này tôi chỉ nói đến cái đẹp của tranh Thu Nga và cái phần phong phú trong tâm hồn tác giả được biểu diễn qua tác phẩm, mà sự khen ngợi lại không ở hai loại dễ tài trên. Đó là lý do để tôi không nhắc đến tranh chân dung và tĩnh vật vào chi tiết.

Trước đây bà có dự triển lãm mùa Xuân của Văn Hóa Vụ tổ chức. Tên bà không được chú ý lắm. Lần này bày riêng một mình, hẳn bà đã phải tự thấy đủ lực, đã trưởng thành. Và đúng. Thu Nga đã lượm được kết quả tốt : Sự chú ý được lưu lại ở những người đến xem tranh của bà tại phòng triển lãm đường

Tự-do. Chỉ tiếc rằng dưới mỗi bức tranh lại có 4 câu thơ... nhiều người cho rằng 4 câu thơ đó giúp cho sự « giải thích » tranh. Tôi nghĩ rằng : không « giải thích » được, tự nó có tiếng nói riêng. Thế thôi. Thơ vẫn là thơ. Có thể đưa đến sự không vui cho người xem tranh.

Tôi đã nhìn thấy bút pháp Thu-Nga thấp thoáng ở phòng triển lãm này. Thu-Nga bước chậm và chắc, cộng thêm những kinh nghiệm làm việc mới. Phòng tranh tới của bà sẽ vững lắm.

ngóng đợi

★ **THỦY-TRƯỜNG** (Huế)

Gió về lời cuốn lá vàng bay,
Một sớm mùa thu hương ngát ngây
Ta chép vần thơ ghi kỷ-niệm,
Vào thu mây trắng nhẹ nhàng bay...

Trời ơi từ thuở sầu chinh chiến
Ta nhớ làm sao những chuỗi ngày
Thu đến cô đơn buồn chiếc bóng
Vỡ-vàng thương nhớ kẻ chân mây.

Thu đến gieo buồn rồi lại đi
Nỗi sầu ta khóc viết nên thi
Gởi người trai trẻ mùa thu trước
Sao mãi ra đi chẳng thấy về ?

Hôm nay trời đã trở về thu
Có một chàng trai đi một mù
Có một người em ngồi ngóng đợi
Mỏi-mòn đôi mắt mấy mùa thu!...

Thu đến bao giờ

★ **LƯƠNG-TRỌNG-MINH**

Thu đến bao giờ em có hay...
Lá vàng rơi rớt giữa bàn tay
Giật mình tỉnh mộng : « Ừ ! năm tháng... »
Vùn vut qua rồi... như gió bay !

Mây bay lạng-lẽ giữa trời xanh
Kiếp sống con người vẫn mỏng manh.
Nặng trĩu hai hàng... ôi ! lệ chảy
Đau buồn nhỏ hạt giữa lều tranh !

Tương-tư mái rạ bao lần khói
Đợt khói lam chiều phảng phất bay
Tơ trời vương-vãn tình kiều bạc
Lãng-tử, giang-hồ say... tỉnh... say...

SÁCH BÁO MỚI

★ **Đạo làm người của Nguyễn công Trứ**

của ô. **Vũ-Ký**, giáo-sư trường Trung-học *Pétru-Ký* và *Hưng Đạo*.

« Phân-tách và tìm hiểu dựa trên cơ sở Văn-học, tâm-lý, đạo đức. Thi văn trích diễn-giảng — Điều cần biết để nghiên-cứu một bài giảng văn, giải đáp một đề nghị-luận văn chương, trả lời các câu hỏi về một đoạn văn thơ theo chương trình mới 1962 của Bộ **Q.G.G.D.** trong các kỳ thi THPTNC và Tú-Tài I A.B.C.D.

Bản đặc-biệt, không ghi giá tiền.

Dày 254 trang. Nhà xuất bản **Như-ý**, Sài gòn.

★ **Hồn Văn**. Giai-phẩm văn-nghệ, tập 2.

do **Nguyễn tiến Thịnh** chủ-trương với sự cộng tác của một nhóm Văn nghệ-sĩ của Thế-hệ mới.

Đại-khai có những bài : tiểu-sử **Vũ-hoàng-Chương, Nhất-Linh, Trọng-Lang, Vũ-Đức-Trình, Thái-Bạch**. Tình nghĩa, Giáo-khoa-thư của Sơn-Nam. Trích những đoạn văn thơ của **Nguyễn-Vỹ, Bình nguyên Lộc, Đình-Hùng, Trọng-Lang, Vũ hoàng Chương, Kiều diệu Hương, Cử Tạ, Nguyễn tiến-Thịnh**, Mùa Thu của **Bùi-Tiến**, sinh hoạt văn-nghệ : nhận xét về **Tạp-chí Phồ-Thông** của **Minh-Châu**. Thơ của **Bửu-Loan, Trần đình Hòa, Thành Tôn, Nguyễn linh Phong**, và nhiều bài văn thơ có giá trị của các nhà văn khác.

Dày 65 trang, giá 6\$

Nhà xuất bản *Tiến-Hóa*, 460 đại lộ Nguyễn Tri Phương, Sài gòn.

★ **Chuyện vô-lý** của **Lãng-Nhân**.

Xuất-bản lần thứ hai, in trên giấy sensibilisé màu xanh nhạt, tuyệt đẹp. Có thêm bài tựa của **Hiếu-Chân**, và nhiều hí-họa của Văn-Thanh. Bìa do Nguyễn-doãn-Vượng trình bày.

Nam-chi từng-thư xuất-bản. Gần 200 trang. Bản đặc-biệt không đề giá bán.

★ **Giải phẩm Phật-Tử**, Chủ trương biên tập : **Hồng-Quang**. Trình bày : **Cần-Khôn**. Nhiều bài có giá-trị, của Sơn-Nam, Thương-Đạt, Tế-Xuyên, Giác-Huệ, Kỳ-Nam, Dũng-Tam, cô Cẩm-Xuân, Huỳnh-Minh, Thề-hà-Vân và Minh-Nguyên, Thích-trí-Chơn, v.v... 34 trang lớn, giá 25\$.

★ **Nước Nhật ngày nay, 1962**

Do Phòng Thông-Tin và Văn-hóa-Vụ Bộ Ngoại-giao Nhật-bản biên soạn.

Gồm nhiều bài và tranh-ảnh rất-đẹp, về Lịch-sử, địa-lý, chính-trị, kinh-tế văn-hóa, của nước Nhật hiện đại. Xin cảm ơn Tòa Đại-sứ Nhật ở Saigon có nhã-ý gửi tặng.

★ **Em đốt lá rừng**

Thi-tập của ông **Trần-Liên**, Châu-Đốc.

« Nhớ anh, em đốt lá rừng,

« Đốt cho khói bốc chín từng mây xanh »

Đó là hai câu đề trên đầu tập thơ gồm 45 bài. In trên giấy Bristol có vẽ hình một cô gái ngồi đốt lá, thêm hai bức ảnh : thuyền buồn ngược gió, xóm nghèo.

Giá sách : 120\$ (bìa mềm đánh bóng). 150\$ (bìa cứng mạ chữ vàng)

Tác giả xuất bản. Địa-chỉ mua sách : Phong-vân thư cuộc 145/3 Đường Phan-văn-Vàng, Châu-đốc.

★ **Việt-sử Tân-biên** (Việt-nam kháng Pháp sử). Quyền V. Tập Thượng của **Phạm-văn-Sơn**.

Cũng như mấy quyền trước (I : Thượng-cổ. Trung-cổ thời-đại ; II : Trần-Lê thời-đại ; III : Nam-Bắc phân tranh ; IV. Tây-Sơn và Nguyễn-Sơ), quyền V này rất dồi dào tài-liệu, trích của các tác-giả Pháp, và một số tác giả Việt.

Soạn-giả biên chép với rất nhiều công phu, cố gắng tra-cứu khá đầy đủ, và nhận xét với đôi phần khách quan. Tuy ông Phạm văn Sơn hình như không có thì giờ săn sóc đến lỗi hành văn, nhưng rất nhiều sử liệu quý báu mà ông đã chịu khó tìm tòi trong các sách báo cũ và nhiều hình ảnh, đủ cho tác phẩm của ông một giá-trị đặc-biệt. Bộ *Việt-sử tân biên* của Trung tá Phạm văn Sơn không thể thiếu được trong tủ sách của những người muốn nghiên cứu sâu rộng lịch-sử Việt-nam.

Tác-giả xuất bản. Nhà sách Khai-Trí, 60-62 Lê-Lợi Sài-gòn, tổng phát hành. Sách dày trên 450 trang. Giá bán 100đ, loại giấy impression.

Pho Len Quot

Marilyn MOKROË

Một minh-tinh « số dách »

Của màn ảnh Huê-Kỳ,

Một cô đào « ăn-khách »,

Trong các phim sexy,

Nàng dú-đa dú-dờn,

Một bộ ngực phì-phì,

Đôi mắt cười động cờn

Lam đắm đuối mê-ly

Mấy chàng trai náo-nức

Các vũ-điệu thoát-y,

Mấy cô nàng rây-rức

Chuyện dâm-loạn mê-si.

Bỗng dưng nàng tự tử,

Không một lời biệt-ly,

Không trở lại một chữ

Đề thiên-hạ xâm-xì :

Ôi thôi rồi ! Hi ! Hi !

Còn đâu ngôi sao sáng

Của Đất nước Huê-Kỳ,

Đâu bộ-ngực duyên dáng

Của Dân-tộc Yâng-ki ? (Yankee)

★ *Diệu-Huyền*

CẨM THU MIỀN NAM

(Nhại lại bài « Cẩm Thu, Tiễn Thu » của Tản-Đà)

Từ vào thu đến nay :
Nắng thu nhạt,
Gió thu mát,
Sương thu lạnh,
Trăng thu mờ.
Trời thu âm-đạm sớm trưa,
Đô-thành biến cảnh nước mưa
rã-rời,

Mưa thu làm khổ bao người;
Phố phường ngập lụt buồn ôi
là buồn !

Những là cảnh ướm, đường trơn,
Tháng ngày bao trận mưa tuôn
bão bùng.

Gió mưa, sấm sét hải hùng,
Cẩm thu ai đó ? nào lòng
chăng ai ?

Nào những ai :
Xa nơi đất Bắc,
Chạy xuống miền Nam.
Nước non xẻ nửa ai làm,
Tấm thân trôi nổi chưa cam tắc
thành.

Nào những ai :
Chưa thông lối lợi,
Luống tử đường danh.
Thu về thêm ngán nỗi mình,
Thuyền xuôi, gió ngược đưa
tranh nhọc lòng.

Nào những ai :
Sớm Tần, chiều Sở,
Nay Bắc, mai Đông.
Bấy lâu quen thói vậy vùng,

Giang hồ nhẹ gót bênh bồng
nước mây.

Nào những ai :
Lên voi, xuống chó,
Trơ mặt, rạn mây,
Giật mình chợt tỉnh giấc say,
Công danh đến nỗi nước này
thì thôi.

Nào những ai :
Tóc xanh sắc đồi,
Má phấn màu phai,
Gió trắng bao trận cợt cười,
Tấm thân đầy-dạn đau người
xót thương.

Nào những ai :
Cảnh chiều xế bóng,
Gánh nặng bên đường,
Tuổi già lê gót tha hương,
Một thân biết gửi can trường
vào đâu ?

Thôi nghĩ cho,
Thu với người,
Tiếng khóc với câu cười,
Ngàn năm thu vẫn thế.
Trời Nam ngày tháng qua trôi.
Thôi thì :
Ngư-Lang tạm cút,
Chức-Nữ tạm lui.
Đừng nay hờn, mai tủi,
Chớ nước mắt vẫn dài
Khiến Đô-Thành lụt-lội
Bùn lầy, nước đọng lấm quần ai.

★ TÚ-BE

เรื่องนอก-ใจ LỜI-NGƯỜI

Truyện dài trào-phúng xã-hội ★ NGUYỄN-VỸ

Chuyện này xảy ra vào
khoảng 1950 — 1955

CHƯƠNG I



A U một vụ cháy nhà
khốc hại, ở một xóm
ngoại-ô Sài-gòn, tiêu
hủy trên 400 nhà
lá và nhà gạch,
một hôm có một
người đàn ông tiểu-
tụy, áo quần rách vá, đến phòng
giấy một ông chủ-báo, đưa ông
một cuộn giấy gói tròn, ngoài
bọc nhứt trình cũ, cột bằng ba
bốn sợi giây thun.

— Thưa ông, tôi muốn bán
cho ông cái này.

Ông chủ Báo đang bận việc,
chỉ hỏi qua-loa :

— Cái gì đấy, ông ?

— Ông cứ mở ra xem.

— Tôi không có thì giờ xem
hôm nay. Nhưng ông có thể
cho tôi biết nó là cái gì, được
chứ ?

— Một quyền tiền-thuyết.

— Một bản-thảo tiền-thuyết,
ông muốn nói ?

— Vâng.

— Ông là nhà Văn ?

— Dạ không. Tôi không có
nghề gì cả. Tôi đang thất-
nghiệp. Nhà tôi lại vừa bị cháy.
Cháy rụi hết, chỉ còn lại mỗi

một vật này là cả gia-tài của tôi, mà tôi đã cứu được. Tôi muốn bán cho ông, để có tiền độ nhật.

Ông chủ Báo tự nhiên có cảm tình đặc biệt với người này. Không một chút do-dự, ông hỏi :

— Ông cần dùng bao nhiêu tiền ?

— Xin ông đọc hết cuốn truyện, rồi tùy ông định giá.

— Tôi rất tiếc hôm nay bận quá, không thể nào đọc được truyện của ông. Nhưng ông muốn bán nó bao nhiêu cứ nói thật tôi nghe.

— Thưa, năm ngàn đồng.

— Ông đợi tôi mười lăm phút.

Ông Chủ báo không có tiền sẵn, viết mấy chữ gọi cô thư-ký đưa sang một nhà đại-lý báo. Rồi Ông cúi xuống một đồng giấy tờ, tiếp tục công việc của ông đang bỏ dở, không hỏi han gì người khách lạ nữa, và cũng không rời đến cuốn bản thảo.

Cô thư-ký đem về ông 5.000 đồng. Ông vui vẻ đưa người khách đủ số, và nhà nhận bắt tay. Người khách rất ngạc nhiên :

— Thưa ông... Ông tử-tế quá...

Tôi nói 5000 đồng nhưng còn tùy ở ông.

— Được, ông cứ lấy 5000.

— Thật tôi không ngờ...

— Ông đừng thắc mắc.

— Thưa ông, thế chừng nào ông đăng quyền tiểu thuyết của tôi ?

— Tôi chưa biết được...

— Đăng được hay không, cái đó còn tùy nơi ông. Nhưng dù sao, tôi cũng xin thành thật cảm ơn ông về món tiền này cứu tôi khỏi chết đói.

— Tôi không dám.

Người khách lạ ra đi. Ông chủ báo vẫn điềm-nhiên bỏ cuộn giấy trong ngăn kéo, không mở ra xem. Ông nghĩ rằng người này bị cháy hết nhà cửa, ông có thể giúp 5.000 đồng. Quyền bản thảo coi như không có, và không cần đến. Ông nhận nó, để làm vui lòng người khách lạ, thế thôi.

Hơn hai năm sau, tự-nhiên một hôm ông nhớ đến người khách lạ mà ông không biết tên, không biết địa-chỉ. Người ấy đi đâu mất, cũng không hề trở lại. Ông mở tủ moi ra cuộn giấy cũ còn gói y-nguyên, nhét trong đồng bài lại-cảo của độc-giả.

Ông gọi cô thư ký :

— Cô xem hộp tôi cái gì trong này ?

Cô thư-ký cười mấy vòng giãy thun, lật mấy lớp giấy nhật-trình cũ bọc ở ngoài và đã bị lửa cháy sém một góc. Rồi cô dở tập bản thảo ra coi. Giấy bần, mực nhoè, chữ viết nguệch-ngạc khó coi. Cô thư-ký nhăn-nhó, tỏ vẻ bức mình. Cô đọc qua một đoạn đầu, bỏ xuống bàn :

— Thưa ông, chẳng hay-ho gì cả. Không phải một quyền truyện. Tác-giả có lẽ là một người điên.

Ông chủ-nhiệm làm thình. Cô thư-ký nói tiếp :

— Ông quá tử-tế. Ông giả 5.000 đồng một mớ giấy lộn mà theo thiên-ý của tôi thật không đáng giá 5 xu.

— Cô đọc vài trang cho tôi nghe.

Không muốn đề cô thư-ký đứng lâu mỏi chân, ông chỉ cái ghế trước mặt :

— Cô ngồi xuống đọc thông-thả.

Cô thư-ký mỉm cười, ngồi xuống và đọc ngay trang đầu như sau đây :

« Thưa các bạn, tôi không cần tự giới thiệu cái thằng tôi. Cái thằng tôi chỉ là một cái

thằng tôi, có nghĩa lý gì đâu ! Nhưng cần phải nói tên tôi ra để các bạn biết mà gọi là cái thằng gì mới được chứ ! Cũng như tất cả mọi vật trên trần-ai đều mang một cái tên của nghiệp chướng : con mèo, con chó, cái chổi, cây xoài, cành hoa, con bướm, thì, thưa các bạn, cái xác phàm của thằng tôi tên là Tinh-Tâm ạ. Tên thật của nó là Tâm-Tĩnh ạ.

Tôi là con-một của cha tôi, giống như Đức-Chúa Giê-su là con một của Đức Chúa Trời, như đức Thích-Ca mâu-ni là con một của Tịnh Phạn Vương. Không biết cha tôi và mẹ tôi có sắp-đặt trước ngày nào cho tôi ra chào đời hay không ? Nhưng vừa đúng 100 ngày chẵn thì mẹ tôi nhăn-nhó rên-la, giục cha tôi phải đi mời Bà Mụ đến thăm bụng gấp. Nghe Bà Mụ nói rằng mẹ tôi sẽ sinh tôi vào khoảng 12 giờ trưa ngày 12, tháng 12, thì tôi nhất định nằm lì thêm 19 ngày nữa trong bụng mẹ.

Đến ngày 31 tôi sẵn-sàng tự-y chui ra. Nhưng tôi còn muốn nằm róng cho đến 12 giờ khuya, đợi Trái-đất ngủ thật say, tôi

mới bước chân ra cõi đời. Tôi ra đời lặng lẽ, không một tiếng khóc. Bà mẹ đập mạnh vào mông tôi, tôi lại càng không khóc. Mẹ tôi lo lắng. Vì bà nghĩ rằng con người ta từ trong bụng mẹ thò đầu ra, theo phép xã giao của bà mẹ, phải có tiếng oe-oe ba tiếng để chào đời. Có kẻ vừa lọt ra giường đã khóc thét lên một thôi một hồi, vì họ quá sợ hãi lúc chui ra ánh sáng. Có kẻ gan lì không sợ, nhưng vì lễ-độ, cũng óe lên một tiếng gọi là có một giọt nước mắt đóng góp để trả món thuế nhập-cảng cho kiếp phù-sinh.

Riêng thằng tôi ra trình diện giữa đêm hôm, không một tiếng nức-nở... »

Cô thư-ký cười, ngó ông Chủ-nhiệm :

— *Thưa ông, đọc nữa hay thôi ạ ?*

— *Cứ đọc tiếp đi.*

Thiếu-nữ mỉm cười, đọc tiếp :

« Thưa các bạn, tôi không phải là vô-lẽ, cũng không phải gan lì, nhưng ngay từ khi còn trong bụng mẹ, tôi đã tự hỏi : « Tại sao lại có cái thằng tôi này ? » Tôi đã thắc mắc trong lúc

phải sửa soạn cuộc hành-trình lâu dài ngoài gió bụi. Với cuộc đời mà tôi chưa được quen biết, tôi nhất định sẽ có một thái-độ của tôi, riêng tôi.

Cho nên, theo lệ thường con người ta ra đời ai cũng chui đầu ra trước, tôi, tôi thò cặp chân ra trước. Bà mẹ thấy vậy hết hồn. Mẹ tôi la khóc dữ. Cha tôi lật đật chạy gọi bác-sĩ ở một phố gần đấy. Còn tôi, tôi trộm nghĩ rằng : cuộc đời còn vô số kiếp, đường đời còn xa, thời gian còn dài, sao lại phải vội-vàng hấp-tấp làm chi ? Nhưng bà mẹ thấy tôi lòi hai chân ra, sợ đầu tôi còn kẹt lâu ở trong, tôi sẽ chết ngộp. Mặc kệ ! tôi cứ thông thả duỗi hết hai chân ra, rồi hai tay, hai vai, dần-dần mới thò ra cái cổ. Sau rốt là cái đầu. Tôi nằm im trên giường, không thêm khóc một tiếng. Ấy lạ cái bà mẹ ! Bà xách hai cẳng tôi lên, và cứ lấy tay đập « chách ! chách ! » vào hai bên mông đít tôi. Nhưng tôi đã nhất định không khóc là tôi không khóc. Ông bác-sĩ vừa tới, nhìn tôi, tỏ vẻ thất vọng.

Lần đầu tiên tôi bước ra đời, chính tôi mới là thất-vọng ! Tôi

đã trông thấy một vài kiểu mẫu tàn-nhẫn của loài người. Nhất là ông bác-sĩ, trong tay cầm một cái kềm. Nếu tôi ra chậm một phút nữa, không biết ông có thò cái kềm vào kẹp đầu tôi mà lôi tôi ra không ? Cái ông này, kề cũng lạ ! Tôi chưa muốn ra, là tại vì tôi chưa muốn ra, tôi muốn tự-ý tôi ra để tự-ý tôi sống cuộc đời của tôi, chứ can có gì đến ông mà ông cầm cái kềm, cái kéo, hăm he ? Ngay phút đầu tiên của thế cuộc, ông đã cho tôi cái cảm tưởng tôi là một tội nhân, ông là người lính ngục bạo tàn, quyết lôi đầu tôi ra pháp-trường để chịu kiếp tù-đày khổ ái.

Còn bà mẹ thì tôi xin thú thật, tôi không có một chút xíu cảm-tình nào với bà cả. Bà là người đầu-tiên đập vào hai mông-đít tôi. Bởi tôi là thằng người đầu tiên bà bảo khóc mà tôi không khóc.

Đợi một lúc ai nấy đều tuyệt vọng, tưởng tôi chết rồi, tôi mới tự-ý thét lên một tiếng. Không phải để chào đời, mà chính là để phản đối sự tôi mạng kiếp sống đầy dọa ra trần ai.

Tôi giòng dõi họ Nguyễn. Sau khi cha tôi thấy tôi ra đời phớt

tĩnh, ông làm giấy khai sinh đặt cho tôi cái tên là Nguyễn-Tĩnh. Mẹ tôi thấy số kiếp tôi chỉ mang có hai chữ mong-manh, sợ đời tôi bơ-vơ lạnh-lẽo, nên bà lót thêm giữa một chữ « Tâm », Nguyễn-Tĩnh thành ra Nguyễn-Tâm-Tĩnh vậy.

Tôi cảm ơn mẹ tôi đã gởi ghém cho tôi cái tên ấm-áp ấy.

Nhưng ngày nay lớn lên, tôi thấy đời tôi vẫn tẻ-lạnh làm sao !

Mặc dầu muốn xoay lại số kiếp, tôi đã đảo-lộn chữ « Tâm » ở giữa thành ra ở sau, *Tâm-Tĩnh* thành ra *Tĩnh-Tâm*, đời tôi vẫn cô-độc !

Nhưng tôi chưa bao giờ khóc một tiếng. Ngày nay tôi đã trải qua bốn chục tuổi xuân mà cặp mắt tôi chưa hề có một lần rướm lệ. Trái lại, tôi đã cười quá nhiều. Tôi chỉ biết cười thôi, các bạn ạ.

Và đây, thưa các bạn, quyền-tiểu-thuyết của tôi, cả một quyền-truyện dài kết bằng nụ cười, cả một chuỗi cười dài trong câu truyện đời tôi.»

Cô thư-ký đề tập giấy trên đầu gối của cô, nhìn ông chủ-nhiệm :

— *Thưa ông, đây là hết đoạn*

đầu. Tác-giả ghi một ngôi sao chấm dứt.

— Cám ơn cô. Bây giờ cô có thể đi làm những công-việc khác.

Ông chủ-nhiệm cầm lấy bản-thảo của thiếu-nữ trao lại.

Vừa có điện-thoại reo. Ông cầm ống nghe, tay mân-mô mấy trang giấy nát nhều của tập bản-thảo, ông trả lời trong giây nói:

— À, chào anh... Dạ?... Tám giờ tối nay hả? Chà! 8 giờ tối nay tôi bận việc quá, sợ không đến dự tiệc với các anh được... Vâng... nhưng mà... Các anh cứ vui nhộn đi! Thật đấy mà, tối nay tôi bận lắm... Thế à? Thú nhĩ! Ồ không đi dự tiệc đêm nay với các anh, tôi rất tiếc... Nhưng xin các anh tha lỗi cho tôi nhé. Vâng, vâng... Mong anh tha lỗi cho... Cám ơn anh... Chào anh...

Tối hôm ấy, ăn cơm xong, ông vào phòng ngủ đóng kín cửa. Ông cầm quyển bản-thảo lại giường nằm, bật ngọn đèn xanh trên đầu giường và bắt đầu đọc tiếp mấy trang sau đây.

THƯA các bạn, tôi có một đứa ở 15 tuổi, mà tôi xin ở viện Mồ-côi đem về nuôi đã lâu. Các bà Xơ đã đặt cho nó

cái tên là «Thăng Ngọng» từ thuở bé, cho nên bây giờ nó vẫn tự xưng là Thăng Ngọng. Nó vừa ngọng lại vừa có một cái tật lạ-kỳ: là nó hay nói luôn mồm một câu: «Thế này thế nào?» Bất cứ nó nói chuyện gì, nó cũng hay chêm vào câu: «Thế này thế nào... Thế này thế nào?...»

Một buổi trưa, ăn cơm xong, nó bảo tôi:

— Thưa cậu, thế này thế nào?

Tôi hỏi lại nó:

— Thế nào, là thế nào?

— Thưa cậu, vợ ông Quan-nớn mà đi «nhảy-dù», với ông Quan-nhỏ, thế này thế nào?

— Ai bảo mày thế?

— Dạ, người hầu-hạ của ông Quan-nớn bảo thế, thế này thế nào? Chính mắt con cũng trông thấy thế, thế này thế nào?

Tôi phì cười, nhưng tôi rầy nó:

— Ông Quan-lớn là người có danh giá, có chức-vị cao ở tỉnh này, lẽ nào ông để bà Quan-lớn đi làm chuyện tời-bại, mày chỉ nghe láo!

— Thưa cậu, thế này thế nào? Đêm hôm qua, hồi trời mưa tầm-tã, con mang toi đội nón

đi mua thuốc ná cho cậu, núc qua đường nhà Thờ, con trông thấy bà Quan nái chiếc xe hơi Huê-kỳ rẽ vào nhà ông Đốc, thế này thế nào? Con cầm đầu cầm cổ chạy theo sau xe, con đứng nấp sau gốc cây đề rình, thế này thế nào? Con ngó vào cửa kiến ở phòng khách, rõ ràng con thấy ông Đốc ở trong nhà chạy ra ôm xăm nấy bà Quan, thế này thế nào? Rồi con thấy hai người hôn nhau mê-ni, thế này thế nào?

— Mày thấy thế thật hả?

— Dạ thưa cậu, con không dám nói dối, thế này thế nào.

Tôi ôm bụng cười. Thăng Ngọng nói tiếp:

— Con thấy thế, về nhà con nằm ngủ không yên giấc, thế này thế nào? Con muốn chạy đi rình nữa, để xem cho thật rõ-tường như một với một này hai, thế này thế nào. Nhưng con sợ cậu rầy-na con. Con đợi khuya cậu ngủ mê, rồi con nén-nén trèo cửa sổ ra đi. Núc đó đã hai giờ sáng, mà trời còn mưa nằm-dầm, tối đen tối thui, thế này thế nào. Con chạy một mạch đến biệt thự ông Đốc. Con đứng ngoài bờ thành ngó vô, chiếc xe Huê-kỳ còn nằm bên góc cây phượng ở trước sân, thế này thế nào. Một chốc nầu, thì cửa

phòng khách hé mở, con thấy bà Quan với ông Đốc ở trong đi ra, hai người cùng khoác áo mưa, và ôm choàng vào nhau, thế này thế nào? Ông Đốc tiễn người yêu ra đến xe, rồi hai người còn đứng tình-tự với nhau một núc thật nầu, thế này thế nào? Rồi bà Quan lên xe, rồi máy chạy ra cổng, quẹo ra đại-nội, chạy thẳng về nhà, thế này thế nào?

Hôm ấy tôi cười nhiều quá, phải bảo Thăng Ngọng: «Thôi, mày đừng nói nữa!» Nhưng cái thằng phải-gió, nó đã ngoan-ngoãn nghe lời tôi: «Dạ, con không nói nữa, thế này thế nào», nhưng nó chỉ im mồm được một lúc rồi nó ngó tôi, nó lại hỏi:

— Cậu ơi, có phải đêm qua ông Quan-nớn đi Saigon, bà Quan ở nhà một mình với hai đứa con nhỏ, phải không, cậu? Thế này thế nào?

— Sao mày biết ông Quan đi Saigon?

— Sáng nay, con hỏi chú Nợi, chú bảo thế, thế này thế nào.

— Chú Lợi là ai?

— Dạ, chú Nợi là người hầu của ông Quan, thế này thế nào. Chú ấy bảo với con này ông Quan thường đi công-tác trên Saigon để vợ ở nhà. Thế này thế nào?

— Mày tò-mò quá, Ngọng à. Chuyện gì trong tình này mày cũng biết cả. Mày làm phóng viên nhà-báo được đấy.

Thằng Ngọng cười:

— « Nhà báo nói nào ăn tiền » người ta bảo thế không biết có đúng không, thế nà thế nào. Chứ con thì không đời nào còn nói náo. Con thấy tận mắt con mới nói, thế nà thế nào. Chứ Nợi còn bảo với con rằng ông Quan tuy ông nằm chức vị to nớn thế, có vợ trẻ đẹp thế, nhưng ông còn có mèo với mấy cô vũ-nữ ở Sài Gòn, thế nà thế nào ? Ông

nói dối vợ là ông đi công-tác, ông nỡ việc nước việc dân, nhưng ông chỉ công tác mấy cô vũ-nữ, thế nà thế nào? Bà Quan ở nhà tha hồ mèo với ông Đốc vì bà mê ông này đẹp trai mà chưa có vợ, thế nà thế nào... ? Cả tình ai cũng biết nhưng không ai dám nói, thế nà thế nào?

Tôi cười:

— Tao đâu có biết gì.

Thằng Ngọng mỉm cười:

— Cậu còn biết nhiều việc động trời nữa chứ, tại cậu không nói, thế nà thế nào?

(còn nữa)

THUỐC ĐAU LƯNG
HÔNG-NGUYỄN



TR! *Thân suy yếu, nhức mỗi tay chân, phong thấp, gân xương đau nhức.*

Nhà thuốc HÔNG-NGUYỄN
Bà Dương-xuân-Lang chủ
246, Đại-lộ NG. HOÀNG Chơ-lớn

KIỂM-NHẬN SỐ 238. BYT/QCDP. NGÀY 7.8.62.

mùa hoang dại



Là trinh nữ, ai là không mơ mộng
Chuyện ngày mai tươi đẹp tựa bình-minh !
Ngày tháng ghi nhợt-nhợt đôi chiếc bóng,
Hồn thắm say những huyền-ảo băng-trinh !

Nhưng định-luật bao quanh vòng khổ lụy
Mộng hoa niên giam-hãm giữa thành sầu !
Mưa gió đổ xác-xơ cảnh dạ-lý
Đêm âm-thầm rỉ-rả mấy giòng châu !

Rồi hôm nay em ưu-sầu muôn nẻo,
Ủ mơ buồn trong ánh mắt đau thương.
Mùa hoang-dại, ôi tâm-hồn lạnh-lẽo !
Nắng thu về, càng hiu-hắt thê-lương !

Máu uất-hận ghen-ngào trong lá phổi,
Trời âm-u, gió loạn thời triền miên.
Bao cánh mộng rả-rời bay ngập lối,
Như lá bàng xao-xác rụng bên hiên ! !

A N H L E



★ **Đối tượng... và đối tượng**

(của một nhóm bạn đọc Nha-trang-Thành)

... Nhân một buổi học tập về Ấp Chiến lược, có một đoạn « Quốc sách ấp chiến lược là một công cuộc cách-mạng mà đối tượng là con người »

Hội-trường đã thảo luận sôi nổi để tìm hiểu hai chữ « Đối tượng ». Có người giải nghĩa: *Đối*: đối chiếu, so sánh. *Tượng*: tượng trưng, tưởng tượng.

Có người lại giải nghĩa: *Đối*: đối chọi; *Tượng*: tượng hình, nhưng rồi cuộc vẫn chưa ai hiểu được tường-tận nghĩa của hai chữ *đối tượng*.

Cũng trong một bài học khác, có câu: « Đối tượng của việc Bình vận của Việt-cộng là Quân-đội Việt-Nam Cộng-Hòa ».

Vậy ý nghĩa của chữ « Đối tượng » trong bài trên, và chữ « Đối tượng » của bài dưới có khác nhau không? Có đúng không?

Chúng tôi xin cô giải đáp rõ ràng, riêng biệt nghĩa của hai chữ: *Đối*, *tượng*, và thế nào là «... đối tượng là con người» và thế nào là « Đối tượng của con người... »

Nếu có thể, mong cô cho một vài thí-dụ...

ĐÁP: *Đối* có hai nghĩa 1) Đáp lại. 2) Chọi lại.

1) *Đối tượng*: hình tượng đáp lại một ý-tưởng, mục-phiêu của một hành động (*le but*, *la visée*, *l'objet*). Xin thí dụ như câu trên: «... là một công tác cách-mạng mà đối tượng là sự an ninh của con người», nghĩa là: đối-tượng của công tác ấy, mục-phiêu công-dụng của hành động ấy, là sự bảo toàn an ninh của con người, v.v...

Trong câu dưới của ông thuật lại, đáng lẽ phải nói: *Đối-tượng* của việc bình vận của VC là các vị trí của Quân Đội V.N.C.H. nghĩa là mục-phiêu của việc bình vận ấy là đánh phá các vị-trí, v.v...

2.— Còn nghĩa thứ 2 của chữ « *Đối* » là chọi lại, tức là nói về hai sự vật *tương phản*, thì dùng: *Đôi-thủ*, *đối-lập*, *đối-dịch*, *đối-cảnh*, v.v...

Thí dụ: *đối thủ* của Quân-đội V.N.C.H., là Việt-Cộng. (*Antithèse*, *antidote*, *opposé*...).

Hòa-bình là *đối-cảnh* của chiến-tranh

Bắc-Cực là *đối-diểm* của Nam-Cực (*antipode*) v.v...

★ **Cô em ăn gạo sống**

(của bà Nguyễn thị Như Đào, Cường-Đề, Hội-an)

... Tôi có 1 cô em gái thường hay ăn gạo sống. Thường nếu ở nhà có gạo mùa (gạo đỏ) thì nó ăn mỗi ngày 1/2 lon. Còn không có thì nó ăn gạo máy rất ít. Nhưng nó ăn cho vui chứ không phải là ngày nào cũng vậy.

Có 1 điều rất lạ là hôm nào ăn gạo mùa thì mặt nó không có mụn nhọt nổi, mà hôm nào ăn gạo máy thì da nó trở nên tái đi và có mụn nổi.

Tôi đã nhiều lần đưa nó đi bác-sĩ nhưng nó không chịu đi. Vậy tôi viết thư này nhờ cô Diệu-Huyền chỉ hộ:

1.— Ăn gạo như vậy có hại gì cho căn bệnh về sau không?

2.— Có thuốc gì uống vào để cho khỏi thêm gạo?

3.— Ăn gạo có hại gì cho bao-tử không?

Mong cô chỉ dẫn dùm cho ngay trên tạp-chí Phổ-Thông để chúng tôi tiện việc chạy chữa cho em tôi. Có một điều tôi xin nhắc cô rõ là em tôi sanh ra tật ăn gạo-sống đã 2 năm rồi nhưng không có một bệnh hoạn gì xảy ra cả...

ĐÁP: Thêm ăn gạo-sống nhiều như thế, tức là triệu-chứng có bệnh thiếu máu. Sẽ sinh ra các chứng bệnh phiền-phức về bộ tiêu-hóa. Bà nên đưa cô em đi Bác-sĩ khám nghiệm. Nên cho ăn các chất nhiều sinh tố, nhất là sinh-tố B₂, B₁₂.

★ **Thịt bò trụng**

(Của bà Kỳ-sư Hoàng, Saigon)

... Trong P.T. số 87, nơi mục « *Mình ơi!* », bà Tú « lật rau húng và rau tía-tô để làm thịt bò trụng.. cho ông Tú xơi... », vậy xin Bà Tú vui lòng chỉ cho chúng tôi biết món « *Thịt bò trụng* » làm thế nào, và ăn thế nào? Đây là món ăn Bắc, hay ăn Nam, ăn Huế?...
.....

ĐÁP: Mua thịt bò filet thật mềm, độ 400 gr. (nếu hai người ăn), vẩy lẩy dao gờ lọc hết mây thừa bầy-nhảy và gân, rồi thái thịt ra từng miếng, đừng mỏng lắm mà cũng đừng dày lắm. Trụng thịt vào nước sôi, vừa tái lẩy ra ăn ngay, kèm với ít rau muống chẻ nhỏ, rau húng, rau quế, tía tô. Chấm nước mắm chanh ớt. Trụng đến đâu, ăn đến đó. Sau cùng, rót hết nước thịt trong sơn ra chén, uống rất bổ. Đây là một món ăn riêng.

● Bài thơ khóc vợ

(của ô. Ernest Babut, Đà-lạt)

Lời Tòa-soạn. — Ô. Ernest Babut, trong hội Nhân-quyền Pháp, bạn thân của cụ Phan Chu-Trinh từ lúc còn ở Paris, cựu chủ nhiệm *PHÁP-VIỆT TẠP-CHÍ* ở Hà-nội thời Tiền chiến, nơi cộng tác của nhà văn Vũ ngọc Phan. Ông là nhà báo kỳ cựu nhất và danh tiếng nhất ở Việt-nam, nay đã trên 85 tuổi. Bà cụ Babut, vợ trung thành của ông từ lúc còn lặn lội ở Hà-thành, sau làm Giáo sư ở Petit Lycée Đà-lạt, đã qua đời cách 3 năm nay. Ông Babut thương khóc bà, có làm hai bài thơ ngắn rất cảm động, gởi cho chúng tôi.

Xin đăng nguyên văn sau đây để làm tài liệu: bài thơ của một chiến-sĩ già trên 80 tuổi khóc vợ 75 tuổi:

A MA FEMME

*O toi que j'ai tant aimée
Et qui toujours me le rendit
À présent froide, inanimée,
Et ton corps par la mort raidi,
Toujours, toujours, me souviendrai.
Quand à mon appel éploré,
Ma joue à ta joue accotée
Je reçus ton dernier baiser!*

ERNEST BABUT

TẶNG VỢ TÔI

*Mình ơi, tôi đã yêu mình xiết bao.
Và mình cũng yêu tôi như thế nào,
Mà giờ đây, mình lạnh-lùng, không cử-động.
Thề xác nằm yên, thôi rồi, tuyệt-vọng,*

*Mãi mãi, mãi mãi, tôi sẽ nhớ
Lúc tôi van khóc gọi tên mình,
Má tôi má mình kề nhau tha-thiết,
Mình còn tặng tôi nụ hôn vĩnh-biệt!*

* Ba năm cải táng vi hình

(của ô. Nguyễn văn Tường, Vĩnh-Long)

... về ý-nghĩa câu ca-dao

*« Ba uất cải táng vi hình,
« Xương bao nhiêu diêm là tình bấy nhiêu ».*

quý báo giải thích:

« Câu ca-dao ấy chỉ diễn tả tình yêu tha-thiết. Dù chết rồi, ba năm cải táng thấy xương vẫn còn, tức là tình cũng vẫn còn... »

Theo thiên-ý của chúng tôi, câu này có một ý-nghĩa khác:

Theo truyền-thuyết, thì người đàn-bà lúc nào sinh-thời có giao-tình với nhiều người đàn-ông, khi chết đi, nơi giao cốt (khúc xương nối liền 2 xương mông) có nhiều diêm đen nhỏ. Cứ nhìn vào số diêm đen ấy, người ta biết được số nhân-tình của người đàn-bà quá-cô.

Câu: « Xương bao nhiêu diêm là tình bấy nhiêu » nói rõ ràng cái ý này: có bao nhiêu « đom » nơi xương giao cốt, là có bấy nhiêu « tình nhân ». Vì thế, mỗi khi bốc mộ cải-táng hài cốt người đàn-bà, có thân-nhân không cho người ngoại-tộc đến gần, để tránh tai tiếng cho người quá-cô, nếu giao-cốt có nhiều diêm đen.

Điều này không biết có đúng không, nhưng chắc chắn câu cao-dao trên kia ám chỉ về việc chúng tôi vừa trình bày theo truyền-thuyết ở hương thôn.

* Nhớ Bóng người xưa

(của bạn Bùi trần Sơn, Bệnh viện Quy-Hòa, Qui-nhơn)

... Qua truyện dài « Mồ hôi nước mắt » của ông, trong số 83 có bài hát « Nhớ bóng người xưa » rất lâm-ly tha-thiết. Tôi hết sức cảm-động, và chính trong lúc bản thân tôi cũng vô cùng đau khổ, tôi cảm-hứng phổ nhạc và kính gởi tặng ông.

Nếu có thể xin, ông đăng vào « Phổ-Thông » cho độc-gia nào ưa thích, đàn hát lên để thông-cảm với nỗi lòng của Nhạc-sĩ mù trong truyện...

Nhớ bóng

NGƯỜI XƯA

Theo lời Nghệ sĩ Mù
trong « Mồ Hôi Nước Mắt »
của Nguyễn-Vỹ

Phổ nhạc: TRẦN - SƠN

Valse lento



Tôi mơ bóng người xưa... Tìm bóng ngày xưa. Bao



hiều đêm dài gió, dầm mưa. Đôi lứa âm thầm cùng thau cát bước.



— Trên đường vắng thưa. Bóng nàng tha thướt, Vai nàng dầm ướt.



Gánh hận nghèo, tê tê lệ như mưa ! — Ta thương bóng ngày



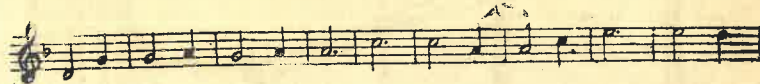
xưa ! Nhớ bóng người xưa ! Ánh đèn khuya chưa tắt, trên giường nàng héo



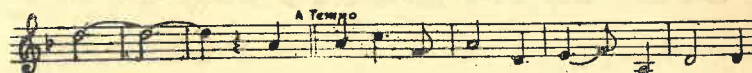
bắt. Trăm chiều manh, cơn rét tình rồi mờ. Gối nàng rơi bên vách. Tóc



nàng trôi trên đất, Đêm hận vô, Nàng đã tỉnh hay chưa ? — Mưa



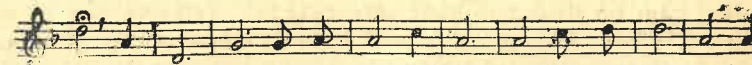
dầu cay sưa. Hận dần dầy dứa; Sao trong vực sâu đã tắt hết hay



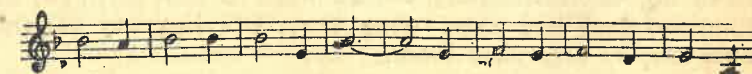
chưa ? — Ôi, đâu bóng ngày xưa ? Đâu bóng người xưa ? Trời



cuớp ta mất nguồn ánh sáng minh chiều, Trời cuớp ta dần còn ánh sáng tình



yên. Giếng đời sâu không biên giới, giếng lòng sâu đo không tới. Ôi đêm



tối ! Đêm tối ! Ánh sáng về chưa ? Đêm tối. Đêm tối ! Người xưa về



chưa ? Mắt hăm tù đâu thấy ánh ngày xưa ! Đâu thấy bóng người xưa !



★ ĐIỀU-HUYỀN

★ Ô. Minh Tiến, Bến cát Bình-Dương

— Muốn thêm bút hiệu, bí-danh, biệt hiệu, v.v... tùy sở thích của mình, không có liên-hệ gì với pháp-luật cả.
— Về việc tặng Bảo-quốc Huân-chương, chúng tôi không đề ý đến nên không được rõ.

★ Bạn Hoài-Xuân, Kỳ-An.

Verlaine và Rimbaud là đôi bạn thân từ cuối năm 1871. Nhưng có lần Verlaine ở chung nhà với Rimbaud, bị Rimbaud giận, hăm bỏ đi ở chỗ khác (10-7-1873), Verlaine năn nỉ mãi không được, tức mình bắn Rimbaud 2 phát súng. Rimbaud chỉ bị thương nhẹ nơi cườm tay, nhưng Verlaine bị đưa ra tòa, và bị 2 năm tù. Trong tù, Verlaine viết tập thơ « *Une saison en Enfer* » (Một mùa ở Địa-ngục). 16-1-1875, Verlaine được trả lại tự do, và hòa-thuận lại với Rimbaud tại Stuttgart, nơi đây Rimbaud đang học thêm tiếng Đức. Đôi bạn này vẫn thân nhau lắm và giận nhau luôn...

★ Bạn Lê Kim Hồng, Gò-công

Dặm: một khoảng-cách đo đường, dài ngắn tùy theo từng xứ. Một dặm đất: 4km 444. Một dặm biển (hải-lý): 5km. 556. Một dặm Anh (lieue d'Angleterre): 5 km 569339.

★ Ô. Thành-Tín, Tiền-Tuyến — KBC 4338.

Địa-chỉ hội Dục-Anh: 185 đường Công-Quỳnh Saigon.

★ Bạn Trần-Ngọc-Thanh, Saigon.

— Ngày 30 tháng chạp, Bình-Tý: 11-2-1937.
— Bị đưa đi chụp-hình ở nhà Lục-hình nhưng rồi được thả, không bị ra Tòa, không đến dự thẩm, tức là không có tội. Cái hình kia sẽ không liên-hệ gì đến đời bạn sau này. Cứ yên tâm.

★ Ô. Hải-Giang, Quảng-ngãi.

Hầu hết những tục-lệ truyền-thông ở thôn quê về việc người đàn bà « nằm nơi » như bạn kể trong thư, đều là mê-tín dị-đoan, nhất định không nên tin.

★ Cô Hoàng thị Diệu-Trâm, Đại-học Văn-khoa Saigon.

— Bépanthène, chỉ có công-dụng làm hết rụng tóc, mọc thêm tóc, và dưỡng tóc. Không thể làm cho người mập ra được.

— 23 tháng 10 năm Kỷ-mạo = 3-12-1939

— Cô Phuong-Loan hiện đi nghỉ mát chưa về Paris. Cô không ở chỗ cũ nữa.

— Cô có thể viết thư đến ông Directeur de l'Institut Franco-Vietnamien, Paris, nơi đây có khá đông các bạn sinh viên Việt-nam du học.

— Sự dùng thuốc, bạn nên hỏi các Bác-sĩ chuyên môn.

★ Ô. Phạm-đức-Vượng, KBC 4091

— Ngã tư Bảy Hiền, hay Ngã ba Chú Ía: Bảy Hiền và Chú Ía là những nhân-vật địa-phương thuở trước, vì có một thành tích nào đó, hoặc vì một lý-do nào đó mà người ở địa phương lấy tên họ làm tên địa-phương cho dễ nhớ, — không có liên quan gì đến lịch-sử.

— Danh-từ Saigon không phải hoàn toàn là tiếng Việt, và không phải do người Việt mình đặt ra. Theo chỗ hiểu biết của chúng tôi, thì do hai chữ Tàu mà thành:

— Tây Cống (Tàu đọc là Xi-Coón, tức là Chợ Bến-Thành). Người Pháp theo đó, đọc là Saigon. Người Việt phát âm theo Pháp, thành trại ra là Sàigòn.

★ Bạn Mộc Linh, Đà-nẵng

Thái-Tây: danh từ chỉ chung các nước ở Tây-phương (occident)

Mâu: một khí-giới của Tàu thời xưa, để đâm giặc, như cái mác của ta (cán dài, mũi nhọn).

Thuần: cái mộc bằng gỗ hoặc bằng sắt, của binh lính thuở xưa lúc ra trận cầm che ngực để đỡ cái mâu (dáo, mác) của địch-quân.

Mâu-Thuần (nghĩa rộng): trái ngược nhau, như cái mâu và cái thuần.

★ Ô. Ng. Phổ Nghta, Đà-nẵng

Tập thể-dục, nên tập lúc 7-giờ sáng, vừa ngủ dậy, và mặt trời vừa mọc. Tập cho khoẻ thêm lên, chứ sao lại ốm bết đi?

★ **Ô. PHÚ-SY.**

Tây cũng đã có danh-từ « *Le cercle vicieux* » để chỉ cái vòng lẩn-quẩn ấy.

★ **Bạn Kim-Thanh, Huế**

15-6 Tân-Ty : Ngày Thứ Tư, 9-7-1941

15-6 nhuận, Tân-Ty : Ngày Thứ Năm, 7-8-1941

(Năm Tân Ty, 1941, có hai tháng 6)

5-5 Quý Mùi : Thứ Hai, 7-6-1943

● **Một độc giả Da-lat**

20-9-1939 : 8 tháng 8 kỷ-mão

5-10-1941 : 15 tháng 8 Tân Ty.

Vấn đề xin lại bài thi, nên hỏi ngay tại Ủy-ban giám khảo. (Theo thường lệ, không được phép xin lại bài thi).

★ **Bạn Lê Lam, Trịnh Hoà Đức, Mỹ-tho**

— Không nên uống nhiều Cervotonic.

● **Ô. N. Kim-Quy, Phanrang**

29-3-1959 : 21 tháng Hai năm Kỷ-Hợi.

★ **Ô. Mạc-Tiến, Quinhon**

Mấy tờ báo Việt thường dùng danh từ « Đệ nhất Phu-nhân của Việt-Nam » là dịch theo danh từ của một vài ký giả ngoại quốc hay viết : « The First Lady of Vietnam » « La Première Dame du V.N. »...

★ **Cô Thu-Hồng, Kiến-Tường.**

Về triết lý của J.P. Sartre, bạn xem lại P.T. số 79, trước số 80, cũng có nói về câu *một với một là một*.

★ **Bạn Khánh, Sóc-trăng**

Kỹ-nghệ lạnh có từ ngày một kỹ sư Pháp, Charles Tellier, phát minh ra phương pháp khoa-học làm cho các đồ ăn trở nên lạnh (thịt, sữa, cá, rau, trái cây, v. v...) để tránh được sự dễ lâu bị thối vì nhiệt độ thường. Đồ ăn ướp lạnh như thế tuy mất chút ít hương-vị, nhưng vẫn giữ nguyên các chất bổ. Nhờ khí lạnh mà các tế-bào thực-phẩm không bị hư thối. Nhiều cách làm ra cái lạnh nhân-tạo. Hoặc ướp nước đá, để cho có lạnh gần 0 độ. Hoặc tạo ra cái lạnh theo các phương pháp kỹ-nghệ, như trộn nước đá vào Chlorure de Sodium, thành lạnh dưới 0 độ, hoặc dùng các máy để làm cho các chất nước ra hơi, v. v...

★ **Ô. Đỗ ngọc Diệp. KBC 4456**

Cen Ve-ve biến hóa thành hình trong 4 năm, là loại ve ở miền Nam nước Pháp ; các loại Ve ở vùng Nam-Mỹ, và vùng Nhiệt đới Á-châu thì thường phải 17 năm mới hoàn thành « kiếp luân hồi ».

— Nhà-Thờ *Huyện-Sĩ*, ở Sài-gòn, do ông Lê-phát-Đạt, tên thật là *Sĩ*, một phú-ông thời Tây mới qua, — bỏ tiền ra xây cất.

★ **Bạn Nhân, Long Hồ, Vĩnh Long**

Chữ « *Sic* » (chữ latin, nghĩa là: như thế đấy), để giữa hai dấu ngoặc, sau một chữ, hay một câu, để chỉ tỏ rằng « tôi chép lại câu ấy, chữ ấy, đúng theo lời người ta nói như thế đấy »
Thí-dụ :

... Trong cuộc hợp báo, cô nữ ca sĩ ấy cho biết rằng cô được người ngoại quốc coi cô như một Minh-tinh có nhiều triển-vọng nhất của Việt Nam (*Sic*).

Còn viết như câu bạn chép sau đây là sai :

« Đó là lời tuyên-bổ của một minh-tinh trong một cuộc hợp báo (*Sic*)

Chữ (*Sic*) đặt nơi đây không đúng chỗ.

— *Ce que l'on conçoit bien s'énonce clairement*

Et les mots pour le dire, arrivent aisément

là hai câu trong tập « *Arts Poétiques* » của Boileau. (Thế kỷ XVII)

Dịch nghĩa. Điều gì ta hiểu đang-hoàng,

thì ta phô-diễn rõ-ràng, phân-minh.

Chữ, câu, để nói-sự-tình,

Câu nào, chữ này, rành rành hiện ra.

★ **Ông Bùi Văn Nhân, Phú Phong**

Quyền Tuồng Lộ-Địch của Cụ Ung-Bình Thúc-già Thị, hình như có bán tại tiệm sách Ung Hạ, 45 Trần-Hưng-Đạo, Huế.

Quyển sách *diễn-tích* của Từ Phát, chúng tôi không được biết, ông viết thư hỏi các hiệu sách Sài-gòn.

● **Ô. Capitaine de Vernois Dupuy, Bâle, Suisse**

— Người Pháp có đặt ra một lời viết « Quốc-ngữ » mới, theo ông nói trong thư, tên là Edmond Choodzko, trước kia có làm *Interprète assermenté* Tòa án Hải-phòng, Bắc-Việt. Choodzko không phải là người Pháp chính-tông, mà là người Tchèque nhập-tịch Pháp, ở Bắc-Việt lâu đời. Văn « quốc-ngữ cải-cách » của ông ấy không được áp dụng, vì không thích hợp, và rất phiền phức. Hiện giờ ông Choodzko còn sống ở đâu hay đã chết, chúng tôi không được biết.

— Chúng tôi sẽ cố gắng, khi nào có phương tiện, thêm phụ-trương Pháp-ngữ và Anh-ngữ, mỗi kỳ độ 10 trang. Chúng tôi đã có ý nghĩ ấy từ lâu, nhưng hiện giờ chưa thực-hiện được.

— Chúng tôi rất vui lòng đăng bài của ông viết bằng Việt ngữ nói về những kỷ niệm của ông thời tiền-chiến ở Việt-Nam, nếu không có những đoạn nào mà chúng tôi xét thấy có thể xúc-phạm đến danh-dự của dân-tộc Việt-nam, hoặc làm hại đến tình hữu-nghị của hai dân-tộc chúng ta.

— Xin thành thật cảm ơn thư ông.

★ **Cô Phương Loan, Paris.** Xin cho biết gấp địa-chỉ mới của bạn. Thư gửi sang 2 địa-chỉ cũ, ở Versailles, và Paris, đều bị trả về với câu: Đi nghỉ mát, không ở đây nữa.

Rất mong tin bạn.

★ **Cô Nguyễn thị Thanh, Hội-an**

Cô vận đại phát thanh quốc-gia Sài-gòn ra nghe thì rõ giờ Việt-nam và giờ quốc-tê.

★ **Ô. Phạm-văn-Lộc, làng An-Sơn, quận An-Túc, Bình-Định.**

Xin ông cứ gởi bài nói về cái chết của nhà văn Lan-Khai, thầy-học cũ của ông hồi tháng 4 năm 1945. Nếu ông không biết tên người Quan-Ba Nhật ở Tuyên-Quang và Tỉnh-trưởng Tuyên Quang lúc bây giờ, chúng tôi sẽ tra-cứu để bỏ-túc, miễn là tài-liệu của ông xác-thật.

● **Trung Úy Đ.v.H. KBC 3075.**

Rất tiếc chúng tôi không có thì giờ xem kỹ lá sớ tử-vi ấy.

TÌM VIỆC

Thiếu-nữ, có bằng T.H.Đ.N.C. rất đứng đắn, hiền lành, xin việc làm vừa sức, hoặc kèm trẻ em ở tư gia. Nhờ tòa báo chuyển giao.



PHẦN ƯU

Chúng tôi rất cảm động được tin Cụ Bà **HƯỜNG-VU**, nhũ danh Trương thị Tuy, thân mẫu của Thiếu-tá Ung-Cán ở Bộ Tư-Lệnh Hành-Quân và là Thi-sĩ Lê-Thủy, đã mệnh chung tại Thành-nội Huế trong tháng 6 vừa qua, hưởng thọ 92 tuổi.

Chúng tôi xin thành-thật phần ưu cùng Thi-sĩ Lê-Thủy và tôn-quyển, và cầu nguyện cho Vong-Linh cụ Bà được tiêu-diệu Tiên cảnh.

NGUYỄN-VỸ

Các bạn yêu thơ hãy tìm đọc :

BI CA

Thơ HOÀI THƯƠNG

Bìa của ĐĂNG GIAO

THỜI NAY XUẤT BẢN

Giai Phẩm Bút Hoa mùa THU

Sẽ phát hành toàn quốc vào ngày 20-9-1962 do bạn Trần-xuân-Chấn chủ trương cùng nhiều cây viết tên tuổi cộng tác.

4 nam Trần tuần Khải, Tchy, Nguyễn đáng Thục, Lê văn Trương, Đình Hùng, Nguyễn mạnh Côn, Phạm cao Củng, Bằng bá Lân, Người thắng Long, Vũ đức Khâm, Lê Quân, Thi minh Tử, Trần đồng Vọng, Nguyễn trọng Dzoanh, Văn Khải, Thế Tường, Đạm hải Thủy, B.S. Ung Đ. Thuận, Thương Thương, Thanh Hiệp, Lê ngọc Lâm, ạc tấn Hoài, Lê hồng Long, Cô Bạch Mai, Trần xuân Chấn...

POLYVIT C_a
TÉVÉTÉ

DẪN BÀ DƯỠNG THAI và THỜI KỲ CHO CON BÚ
TRẺ EM ỒN-YẾU, ÈO-OT, CHẬM MỌC RĂNG
THUỐC BỔ MÁU, XƯƠNG, PHỔI
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY và TIỆM TRỪ ẬU-ĐƯỢC

TÔI MÀNG CÒN HƠN LÀ : TRÚNG SỐ ĐỘC-ĐẶC

ÔNG Liêu Ba, 56 tuổi, người Trung-Hoa, chủ quán cháo ở
kế bên Lữ-Quán Huy-Hoàng tại chợ Long-Hải vì bị trúng
gió độc nên bán thân bất-toại ; bại xụi đã 2 năm đi đứng không được.
Vừa rồi may nhờ bạn ông là Ô. Tư Sơn mua cho 2 hộp thuốc 39
Nguyễn-An-Cur, Ông Liêu Ba uống trong một tuần lễ thì hết bệnh,
đi đứng hoạt-dộng như người mạnh. ông Liêu Ba mừng quá. gặp ai
cũng nói : Tôi mạnh được tôi Măng Còn Hơn Được Trúng Số
Độc Đặc.

THUỐC TA HAY THẬT

CÙNG như trường hợp Bà Kinh Lý Đào-Văn-Nhơn, bà
fà nhà giàu hăng sản và hăng tâm lại còn giàu hơn, lòng
nhơn đức hào-hiệp của 2 ông bà ai ai cũng kính mến, nhứt là đồng-
bào ở Cù-Lao Phố (Biên-Hòa) là nơi quê quán của ông bà.

Bà Nhơn bị tê nhức 2 chơn đã lâu, đêm nào cũng không ngủ
được, bà dùng biết bao thứ thuốc mà bệnh vẫn còn bệnh.
Sau cùng bà uống có mấy hộp thuốc số 3, mà được hết bệnh,
đêm nào bà cũng ngủ ngon giấc tới sáng, sự vui khỏe trở lại đầy đủ
chờ bà.

Trường hợp của bà Viễn-Đệ nguyên chủ hãng dầu Khuynh-Điệp
ở Huế, bà Đệ cũng bệnh giống như bệnh bà Nhơn và bà cũng nhờ
uống thuốc 39 mà khỏi hẳn. Hiện nay bà Đệ rất vui khỏe và đang
chủ-trương Hiệu Kính Tiên số 274 đường Hai Bà Trưng ngang nhà
thờ Tân-Định.

CỤ PHAN BỘI CHÂU khen :

« Phương thánh đã dành nhờ sách vở,
Tay thần há dễ nhẹ công phu ».

Đó là hai câu thơ của Cụ Phan-Bội-Châu đề tặng THUỐC
RUỘU 39 của Cụ Nguyễn-An-Cur. Cụ Phan khen thuốc 39 là
thuốc thánh. Mà thật quả vậy ! Thuốc 39 là phương thuốc trị bệnh
tê bại nhứt mỗi tê thấp hay vô cùng !

Người có bệnh hể gặp thuốc 39 thì khỏi ngay, đã hết tê bại nhứt
mỗi mệt, ăn ngon ngủ khỏe. Cụ Nguyễn-năng-Quốc, Tổng-đốc ở Thái-
Bình cũng đã khen tặng thuốc 39 trị tê thấp hay tuyệt.

Một hộp giá 20 đồng.
Các hiệu thuốc Ta, Tàu đều có bán và số 54 đường Công-Lý, Saigon.

Công - Ty Bảo - Hiểm

« LE SECOURS »

Công-Ty Bảo-Hiểm và Liên-Hiệp Bảo-Hiểm những
tai-nạn, hỏa-hoạn, hàng hỏa, trộm cắp và tất cả các rủi ro.

Trụ sở chánh :

30-32, đường Laffitte — Paris (9ème)

Chi-Cuộc Viễn-Đông :

16, đại-lộ Nguyễn-Huệ (Charner cũ) Saigon.

Điện - Thoại : 20.461

● Bồi thường mau lẹ

● Nghị thức giản tiện

Khi hữu sự hãy hỏi thăm liền chớ ngần ngại — Mọi sự
dễ dãi và tiếp rước niềm nở sẽ dành cho khách bảo-hiểm.

Thuốc trị HO cao ho QUẢNG AN TIỀN

TRỊ : Ho cảm, ho đàm, ho khan, ho gió, đau cò khan tiếng, ho nhiều
ban đêm mất ngủ. Mọi chứng HO của người lớn nên dùng thuốc ho Quảng
An Tiên.

Tổng phát hành : Lý Trúc, nhà thuốc Quảng An Hòa
169 Lê văn Duyệt Saigon. (Có bán ở các đại lý Việt Hoa)
Kiểm nhận số 198 ngày 31-7-62

THUỐC TRỊ GAN Quảng An Hòa (số 1)

TRỊ : Đau gan, yếu gan, yếu mật, táo bón, mất ngủ, ngứa, nổi mề đay,
nổi mụn ở mặt, ăn chậm tiêu.

Và khi hết bệnh, nên bồi bổ gan, dùng thuốc

BỒ GAN Quảng An Hòa số 2

Tổng phát hành : Nhà thuốc Quảng An Hòa 169 Lê văn Duyệt
Saigon, Lý Trúc. (Có bán khắp nơi) Kiểm nhận số : 200 ngày 31-7-62

Thuốc Bồi Thận, Cường Thận Tinh, Quảng An Hòa

TRỊ : Đau thận, suy thận, đau lưng, đái đêm, ù tai, mờ mắt, bái hoải
mỏi mệt, di mộng tinh, suy yếu cơ thể, ăn ngủ thất thường. Tổng phát hành :
Lý Trúc nhà thuốc Quảng an Hòa, 169 Lê v Duyệt Saigon. (Có đề bán ở
các đại lý Việt Hoa.

Kiểm nhận số : 196 ngày 31-7-62



GLUCOCÉ
TÉVÉTÉ

KEO SINH TỔ
CHỐNG MỆT-MỎI THÈ XÁC và TRÍ-ÓC
NGỪA NHIỄM-ĐỘC VI-TRÙNG
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY và TIỆM TRỪ ẬU-ĐƯỢC



BILAXINE
Thuốc nhuận trường

CÓ BÁN KHÁP NHÀ THUỐC ẬU MỸ

★ \$ ★ \$ ★ \$ ★ \$ ★ \$ ★ \$ ★ \$ ★ \$

★ XỔ-SỐ KIẾN-THIỆT QUỐC-GIA ★

★ GIÚP NƯỚC THÊM NHÀ ★

★ TA THÊM CỦA ★

★ LÔ ĐỘC ĐẮC ★

★ 1.000.000\$ ★

★ Xổ Thứ Ba Hàng Tuần ★

★ mỗi vé 10\$ ★

★ Thần-Tài chẳng vị riêng ai ★

★ cứ mua vé số ★

★ thì Thần-Tài sẽ đến thăm ★

★ \$ ★ \$ ★ \$ ★ \$ ★ \$ ★ \$ ★ \$ ★ \$

AI ĐAU GAN NÊN DÙNG THUỐC

HEPATIC

Ai đau gan?

NÊN DÙNG THUỐC

HEPATIC

CÓ BÁN KHẮP CÁC NHÀ THUỐC ÂU MỸ

HEPATIC

Chuyên trị bệnh đau gan rất công hiệu

4 Dược phẩm của Bác sĩ ĐẶNG-VĂN-HỒ

MORINDOL

MORINDOL Tất cả các đức tính của rễ nhàu mà Bác sĩ Hồ đã tuyên bố từ năm 1953-55 nay đã được nhiều nhà bác học ngoại-quốc công nhận sau nhiều cuộc thí-nghiệm. Họ đã công nhận rễ nhàu là môn thuốc rất hiệu nghiệm đối với chứng lên máu (*Hypertention artérielle*). Nước Pháp đã cho phép dùng rễ nhàu (visa số 22.774 — 18-927).

MORINDA NERVA

MORINDA NERVA « Nếu tôi phải kể những chứng bệnh mà tôi đã thí-nghiệm bằng thuốc này và có kết quả rõ ràng thì đây là danh sách những bệnh ấy. *Bệnh khó ngủ, ngủ không êm giấc, hay buồn rầu (neurasthénie), hay xúc động (nervosité malade), hay lo âu, hồi hộp, tim đập không đều, tinh thần mệt mỏi, hoảng hốt, không tỉnh táo (gâtisme) v.v...*

« Thuốc này rất công hiệu đối với những chứng bệnh nói trên »

Ngoài ra đối với những học-sinh cần thêm sáng dạ thì thuốc này còn có công-dụng huyền-diệu không thuốc nào bằng. (B. s. Đặng văn Hồ).

COQUELUCHE

COQUELUCHE Trị bằng thuốc này bệnh *Ho Gà* chỉ trong 2 tuần lễ có thể lành và đứa bé vẫn ăn ngủ điều hòa nên ít bị các biến chứng nguy hiểm. *Coqueluchine* trị *Ho Gà* theo một nguyên-tắc hoàn toàn mới là một thứ thuốc tiên-phong trong cách trị bệnh này.

HEMOPTYSOL

HEMOPTYSOL Trị chứng thổ huyết rất hiệu nghiệm và ngừa biến chứng rất hay.

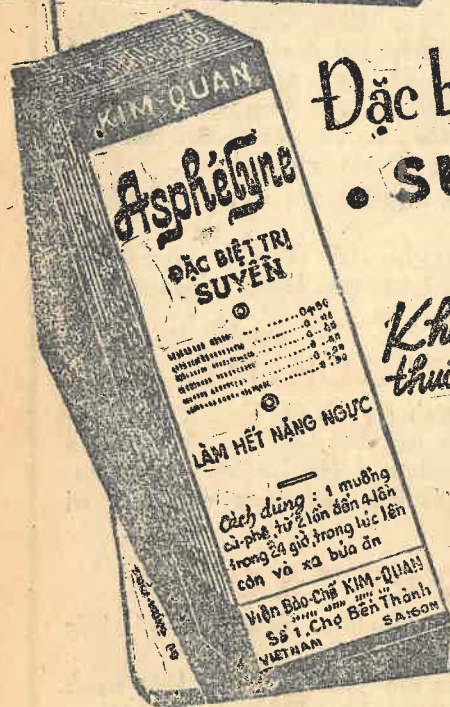
Nếu bệnh nhơn không còn phải sợ chứng khất huyết nhờ có thuốc *Hémoptysol* thì chắc chắn bệnh lao sẽ không còn là chứng bệnh nan-y.

Bốn dược-phẩm kể trên có bán tại các nhà thuốc Tây và các Dépôts

Bán sỉ tại 246 đường Cống-Quỳnh Saigon.

COQUELUCHE ★ HEMOPTYSOL

Asphétyne



Đặc biệt trị:
SUYỄN

*Không thua gì
thuốc ngoại quốc*

**PHARMACIE
KIM-QUAN
SỐ 1 CHỢ BẾN THÀNH
SAIGON**

Giấy phép số 292 CDV/TT/NĐ ngày 9-10-1961

Quản nhiệm: **NGUYỄN-VỸ**

In tại **THƯ LÂM ÁN THƯ QUẢN**
231-233, Phạm Ngũ-Lão — Sài-gòn

KINH LÝ VĂN PHÒNG

110, đại lộ Nguyễn-Huệ — Saigon

Điện-thoại: 23.187

Phạm - văn - Lạng

Giám - Định - Trắc - địa - sư
Géomètre — Expert

373, Phan-thành-Giân

SAIGON

CALCIUM TANA

A L'ACIDE GLUTAMIQUE

Thuốc **CALCIUM TANA à L'ACIDE GLUTAMIQUE** là thuốc uống để phòng lao và bổ óc rất cần cho Sinh-viên và Trí-thức lao-lực để bồi bổ tinh thần và nâng cao trí tuệ.

Nhiều nhà Bác-học **ÂU-MỸ** đã dày công-nghiên cứu và cùng đi đến kết luận sau đây: chất **ACIDE GLUTAMIQUE** bồi bổ cho óc người lớn cũng như còn nít được thêm trí nhớ và trí thông minh.

Trong thuốc **Calcium TANA à L'Acide glutamique** có thêm **Glycocolle** chất này là một thứ **Acide animé** mà ta thường thấy trong **Cao hổ cốt, Cao gạc, Cao dương, Cao quý v.v...** **Glycocolle** đem sinh lực giúp cho người làm việc nhiều khỏi mệt nhọc và ăn được, ngủ được.

Còn về chất **Calcium** thì từ xưa đến nay đã được **Y-học** dùng để phòng và chữa các thứ bệnh lao, như: là lao phổi mà các giới **Sinh-viên, Trí-thức** và **lao-dộng thường** hay mắc phải. Chất **Calcium** cũng rất cần cho trẻ em ốm yếu, lớn cũng như cho phụ-nữ trước và sau ngày sanh đẻ.

Muốn đem áp dụng những kết quả tốt đẹp đó, nhà thuốc **TANA** chế ra thuốc **CALCIUM TANA à L'ACIDE GLUTAMIQUE** để **Đồng-bào** dùng.

CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC ÂU-MỸ